

KẾT QUẢ THI MÔN NĂNG KHIẾU - NĂM 2016

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1	KTS.00001	Nguyễn Thụy Vĩnh	An	Nữ	17/09/98	644	Vẽ TT Màu	06.50
2	KTS.00002	Lê Ngọc	An	Nữ	10/09/98	927	Vẽ TT Màu	05.00
3	KTS.00003	Nguyễn Đình	An		09/02/98	5262	Vẽ TT Màu	08.50
4	KTS.00004	Bùi Thúy	An	Nữ	22/08/98	775	Vẽ TT Màu	08.00
5	KTS.00005	Võ Thị Thúy	An	Nữ	23/04/98	165	Vẽ TT Màu	05.50
6	KTS.00006	Trương Chu	An	Nữ	25/07/98	495	Vẽ TT Màu	08.50
7	KTS.00007	Huỳnh Dương Khiết	Anh	Nữ	02/04/98	267	Vẽ TT Màu	07.00
8	KTS.00009	Lê Quỳnh Minh	Anh	Nữ	26/03/98	16	Vẽ TT Màu	05.50
9	KTS.00010	Dương Đình Vân	Anh	Nữ	28/12/98	5372	Vẽ TT Màu	05.50
10	KTS.00011	Phan Ninh Quỳnh	Anh	Nữ	13/12/98	514	Vẽ TT Màu	05.50
11	KTS.00012	Tôn Nữ Vân	Anh	Nữ	28/07/97	1384	Vẽ TT Màu	07.00
12	KTS.00013	Nguyễn Võ Phương	Anh	Nữ	10/09/98	513	Vẽ TT Màu	06.50
13	KTS.00014	Trần Kiều Gia	Anh	Nữ	30/04/98	344	Vẽ TT Màu	07.50
14	KTS.00015	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	05/02/96	958	Vẽ TT Màu	08.50
15	KTS.00016	Hồ Nguyễn Phương	Anh	Nữ	28/03/98	512	Vẽ TT Màu	05.50
16	KTS.00017	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	17/04/97	1581	Vẽ TT Màu	06.00
17	KTS.00018	Hoàng Minh	Anh	Nữ	04/08/98	1016	Vẽ TT Màu	08.50
18	KTS.00019	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	30/09/97	151	Vẽ TT Màu	08.00
19	KTS.00020	Hồ Nguyễn Minh	Anh	Nữ	17/10/98	599	Vẽ TT Màu	08.50
20	KTS.00021	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/07/98	5192	Vẽ TT Màu	08.00
21	KTS.00022	Dương Trâm	Anh	Nữ	08/12/98	753	Vẽ TT Màu	08.00
22	KTS.00023	Võ Việt	Anh		30/04/98	261	Vẽ TT Màu	08.00
23	KTS.00024	Đỗ Quỳnh	Anh	Nữ	09/05/98	995	Vẽ TT Màu	08.50
24	KTS.00025	Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	20/08/98	1028	Vẽ TT Màu	06.50
25	KTS.00026	Nguyễn Kỳ	Anh	Nữ	12/07/98	494	Vẽ TT Màu	08.00
26	KTS.00027	Trần Quý Vân	Anh	Nữ	12/02/98	5498	Vẽ TT Màu	06.00
27	KTS.00028	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	15/05/98	5184	Vẽ TT Màu	06.00
28	KTS.00029	Nguyễn Việt Tuấn	Anh		17/02/98	1593	Vẽ TT Màu	06.00
29	KTS.00030	Võ Nam	Anh		15/10/98	5041	Vẽ TT Màu	08.00
30	KTS.00031	Đặng Thị Kim	Anh	Nữ	20/03/96	757	Vẽ TT Màu	05.50
31	KTS.00032	Ngô Hoàng	Anh	Nữ	23/10/96	5539	Vẽ TT Màu	06.00
32	KTS.00033	Nguyễn Võ Minh	Anh	Nữ	01/11/98	1599	Vẽ TT Màu	05.50
33	KTS.00034	Huỳnh Ngọc Trâm	Anh	Nữ	13/10/98	1511	Vẽ TT Màu	08.00
34	KTS.00035	Trần Hà	Anh	Nữ	31/03/98	1254	Vẽ TT Màu	07.50
35	KTS.00036	Hoàng Vân	Anh	Nữ	07/05/98	713	Vẽ TT Màu	07.50
36	KTS.00037	Nguyễn Lương Ngọc	Anh	Nữ	10/03/98	5278	Vẽ TT Màu	05.50
37	KTS.00038	Võ Tuấn	Anh		18/01/98	570	Vẽ TT Màu	03.00
38	KTS.00039	Nguyễn Trần Thế	Anh		10/08/98	87	Vẽ TT Màu	07.50
39	KTS.00040	Đinh Yên	Anh	Nữ	19/09/97	134	Vẽ TT Màu	05.00
40	KTS.00041	Lê Song Phương	Anh	Nữ	03/02/98	1776	Vẽ TT Màu	08.50
41	KTS.00042	Bùi Hoàng Vân	Anh	Nữ	09/11/98	1645	Vẽ TT Màu	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
42	KTS.00043	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/05/98	5583	Vẽ TT Màu	06.00
43	KTS.00044	Mai Trương Quỳnh	Anh	Nữ	26/03/96	1733	Vẽ TT Màu	06.50
44	KTS.00045	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	04/12/97	1641	Vẽ TT Màu	06.00
45	KTS.00046	Huỳnh Song	ái	Nữ	03/10/97	328	Vẽ TT Màu	05.50
46	KTS.00047	Vũ Hoàng Ngọc	ánh	Nữ	27/02/98	5561	Vẽ TT Màu	06.00
47	KTS.00048	Trịnh Thiên	Ân		30/01/98	330	Vẽ TT Màu	06.50
48	KTS.00049	Lâm Chi	Ân	Nữ	24/12/98	752	Vẽ TT Màu	07.50
49	KTS.00050	Sử Hồng	Ân	Nữ	31/05/98	537	Vẽ TT Màu	06.00
50	KTS.00051	Đoàn Gia Khánh	Ân	Nữ	23/09/98	5480	Vẽ TT Màu	06.50
51	KTS.00052	Trần Tấn	Bảo		12/10/98	1288	Vẽ TT Màu	04.50
52	KTS.00053	Hồ Lê Quốc	Bảo		18/01/98	1130	Vẽ TT Màu	04.50
53	KTS.00054	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	11/08/98	745	Vẽ TT Màu	06.00
54	KTS.00055	Trịnh Thị Ngọc	Bích	Nữ	03/12/98	5575	Vẽ TT Màu	06.50
55	KTS.00056	Lý Thị	Bình	Nữ	15/02/98	461	Vẽ TT Màu	08.00
56	KTS.00057	Nguyễn Đăng	Bửu		19/03/96	1249	Vẽ TT Màu	06.50
57	KTS.00058	Đỗ Thị Tuyết	Cảm	Nữ	10/10/98	5042	Vẽ TT Màu	08.00
58	KTS.00059	Đinh Hồ Hồng	Cảm	Nữ	26/08/98	451	Vẽ TT Màu	05.50
59	KTS.00060	Nguyễn Thị	Cậy	Nữ	18/03/98	5389	Vẽ TT Màu	05.00
60	KTS.00061	Phan Thị Minh	Châu	Nữ	12/01/98	1430	Vẽ TT Màu	06.00
61	KTS.00063	Phạm Minh	Châu	Nữ	04/07/98	1131	Vẽ TT Màu	08.50
62	KTS.00064	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	Nữ	18/10/96	1579	Vẽ TT Màu	05.00
63	KTS.00065	Huỳnh Ngọc	Châu		18/04/96	750	Vẽ TT Màu	07.00
64	KTS.00066	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	27/01/98	1724	Vẽ TT Màu	06.50
65	KTS.00067	Dương Thị Mỹ	Châu	Nữ	19/02/98	1303	Vẽ TT Màu	04.50
66	KTS.00068	Lê Như Bảo	Châu	Nữ	16/01/98	1341	Vẽ TT Màu	05.00
67	KTS.00069	Nguyễn Hồng	Châu	Nữ	15/06/97	1544	Vẽ TT Màu	05.00
68	KTS.00070	Hồ Thanh	Châu		20/11/98	5275	Vẽ TT Màu	06.00
69	KTS.00071	Đỗ Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	17/04/98	1150	Vẽ TT Màu	08.00
70	KTS.00072	Nguyễn Thị Ngọc	Chăm	Nữ	31/08/98	558	Vẽ TT Màu	08.50
71	KTS.00073	Huỳnh Thị Kim	Chi	Nữ	05/01/98	5584	Vẽ TT Màu	06.00
72	KTS.00074	Phạm Thị Linh	Chi	Nữ	03/02/98	1080	Vẽ TT Màu	04.50
73	KTS.00075	Nguyễn Phan Thị Quỳnh	Chi	Nữ	18/08/98	5276	Vẽ TT Màu	08.00
74	KTS.00076	Lê Minh	Chi	Nữ	10/06/97	196	Vẽ TT Màu	06.50
75	KTS.00077	Võ Thiện	Chiến		11/01/98	1589	Vẽ TT Màu	06.50
76	KTS.00078	Nguyễn Ngọc Kiều	Chinh	Nữ	05/11/98	786	Vẽ TT Màu	03.50
77	KTS.00079	Đỗ Thị	Chinh	Nữ	14/03/98	5508	Vẽ TT Màu	06.50
78	KTS.00080	Trần Danh	Chung		17/11/98	311	Vẽ TT Màu	05.00
79	KTS.00081	Nguyễn Hoàng	Cúc	Nữ	28/11/98	1286	Vẽ TT Màu	05.00
80	KTS.00082	Trần Huy	Cường		01/03/97	5573	Vẽ TT Màu	06.00
81	KTS.00083	Lại Tiến	Cường		09/08/97	1428	Vẽ TT Màu	05.00
82	KTS.00084	Trương Nguyễn Thiên	Di	Nữ	03/07/98	5556	Vẽ TT Màu	04.50
83	KTS.00085	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	01/06/98	5246	Vẽ TT Màu	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
84	KTS.00086	Trần Thị	Diễm	Nữ	06/12/98	1362	Vẽ TT Màu	05.50
85	KTS.00087	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	Nữ	15/07/97	501	Vẽ TT Màu	05.00
86	KTS.00088	Nguyễn Khánh	Diệu	Nữ	17/05/98	5180	Vẽ TT Màu	07.00
87	KTS.00089	Lê Nguyễn Tiên	Dung	Nữ	05/08/97	1531	Vẽ TT Màu	08.50
88	KTS.00090	Nguyễn Nhất Khánh	Dung	Nữ	19/03/97	58	Vẽ TT Màu	09.00
89	KTS.00091	Lê Phạm Thanh	Dung	Nữ	26/05/98	992	Vẽ TT Màu	06.50
90	KTS.00092	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	01/05/98	5139	Vẽ TT Màu	07.50
91	KTS.00093	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	22/04/98	1460	Vẽ TT Màu	06.50
92	KTS.00095	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	01/02/98	5474	Vẽ TT Màu	09.00
93	KTS.00096	Hồ Thị Thùy	Dung	Nữ	06/09/98	1627	Vẽ TT Màu	06.00
94	KTS.00098	Phạm Châu	Duy		27/09/98	1727	Vẽ TT Màu	05.00
95	KTS.00099	Phạm Lương Hoàng	Duyên	Nữ	26/10/98	28	Vẽ TT Màu	05.50
96	KTS.00100	Nguyễn Lâm Mỹ	Duyên	Nữ	10/06/98	706	Vẽ TT Màu	04.50
97	KTS.00101	Trần Hạnh	Duyên	Nữ	28/07/98	1394	Vẽ TT Màu	08.50
98	KTS.00102	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	08/06/98	1567	Vẽ TT Màu	07.50
99	KTS.00103	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/02/98	237	Vẽ TT Màu	05.50
100	KTS.00104	Nguyễn Gia Kỳ	Duyên	Nữ	08/12/96	1402	Vẽ TT Màu	03.00
101	KTS.00105	Nguyễn Thị ánh	Duyên	Nữ	05/03/98	5543	Vẽ TT Màu	05.50
102	KTS.00106	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	17/01/98	1169	Vẽ TT Màu	05.00
103	KTS.00107	Châu Thị Mỹ	Duyên	Nữ	19/09/98	698	Vẽ TT Màu	05.50
104	KTS.00108	Phan Thị Ngọc	Duyên	Nữ	27/04/98	532	Vẽ TT Màu	08.00
105	KTS.00109	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02/09/97	5155	Vẽ TT Màu	05.00
106	KTS.00110	Ngô Việt	Dũng		29/01/98	919	Vẽ TT Màu	05.00
107	KTS.00111	Hoàng Anh	Dũng		18/03/98	400	Vẽ TT Màu	05.00
108	KTS.00112	Phạm Hường	Dương	Nữ	19/05/96	5315	Vẽ TT Màu	05.50
109	KTS.00114	Lê Khánh	Dương		14/12/98	832	Vẽ TT Màu	08.50
110	KTS.00115	Trần Ngọc	Dưỡng		06/07/98	641	Vẽ TT Màu	06.50
111	KTS.00116	Võ My	Đan	Nữ	01/09/98	5100	Vẽ TT Màu	06.50
112	KTS.00117	Đặng Thị Bảo	Đan	Nữ	08/03/98	476	Vẽ TT Màu	07.50
113	KTS.00118	Trương Vũ Anh	Đào	Nữ	05/01/98	285	Vẽ TT Màu	04.00
114	KTS.00119	Nguyễn Thị Trúc	Đào	Nữ	24/01/98	1552	Vẽ TT Màu	08.50
115	KTS.00120	Nguyễn Phước	Đại		12/02/98	1063	Vẽ TT Màu	05.50
116	KTS.00121	Lưu Tiến	Đạt		02/01/98	942	Vẽ TT Màu	06.50
117	KTS.00122	Trần Quốc	Đạt		13/02/98	1608	Vẽ TT Màu	04.50
118	KTS.00123	Nguyễn Bá	Đạt		23/03/97	611	Vẽ TT Màu	06.00
119	KTS.00124	Võ Duy	Đạt		20/03/98	585	Vẽ TT Màu	08.00
120	KTS.00125	Nguyễn Văn Vũ	Đạt		06/01/98	324	Vẽ TT Màu	06.00
121	KTS.00126	Trịnh Quốc	Đạt		03/02/98	1203	Vẽ TT Màu	05.00
122	KTS.00127	Huỳnh Chí	Đạt		20/05/98	1720	Vẽ TT Màu	05.00
123	KTS.00128	Phan Văn	Đạt		17/09/96	1687	Vẽ TT Màu	08.00
124	KTS.00129	Trần Mạch Vĩ	Đăng		27/10/98	408	Vẽ TT Màu	06.50
125	KTS.00130	Nguyễn Yến	Đệ	Nữ	28/01/96	1632	Vẽ TT Màu	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
126	KTS.00131	Đỗ Bá	Điền		07/03/98	1340	Vẽ TT Màu	06.00
127	KTS.00132	Nguyễn Hải	Đoan	Nữ	21/08/98	5364	Vẽ TT Màu	05.00
128	KTS.00134	Đinh Tấn	Đông		16/03/98	1640	Vẽ TT Màu	09.00
129	KTS.00135	Trần Văn	Được		17/06/96	353	Vẽ TT Màu	05.50
130	KTS.00136	Phan Tấn	Được		02/02/98	5227	Vẽ TT Màu	06.00
131	KTS.00137	Trương Chiến	Đức		23/07/98	139	Vẽ TT Màu	08.50
132	KTS.00138	Lê Đông	Đức		22/12/97	5612	Vẽ TT Màu	04.50
133	KTS.00139	Nguyễn Huỳnh	Đức		06/08/98	748	Vẽ TT Màu	04.50
134	KTS.00140	Lê Hoàng	Đức		07/11/98	1679	Vẽ TT Màu	05.00
135	KTS.00141	Trần Văn Quý	Em		01/01/98	5108	Vẽ TT Màu	08.50
136	KTS.00142	Nguyễn Hoàng	Gia		18/01/98	691	Vẽ TT Màu	06.00
137	KTS.00144	Nguyễn Thị Kim	Giang	Nữ	22/08/98	5431	Vẽ TT Màu	08.00
138	KTS.00145	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	16/10/98	911	Vẽ TT Màu	05.50
139	KTS.00146	Khổng Nguyễn Phương	Giang	Nữ	25/07/98	5365	Vẽ TT Màu	08.00
140	KTS.00147	Nguyễn Hồng	Giang	Nữ	03/01/98	1399	Vẽ TT Màu	05.00
141	KTS.00148	Vũ Thị Nam	Giang	Nữ	27/09/98	539	Vẽ TT Màu	05.50
142	KTS.00149	Nguyễn Quỳnh Hà	Giao	Nữ	07/12/96	1282	Vẽ TT Màu	04.50
143	KTS.00150	Bùi Hoàng Hà	Giao	Nữ	02/03/98	589	Vẽ TT Màu	08.50
144	KTS.00151	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	25/10/98	5506	Vẽ TT Màu	09.50
145	KTS.00152	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	Nữ	04/02/98	1339	Vẽ TT Màu	06.00
146	KTS.00153	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	17/01/98	843	Vẽ TT Màu	07.00
147	KTS.00154	Đinh Thị	Hà	Nữ	20/07/98	5545	Vẽ TT Màu	05.50
148	KTS.00155	Lê Thị	Hà	Nữ	06/03/98	5094	Vẽ TT Màu	08.00
149	KTS.00156	Nguyễn Thị Thảo	Hà	Nữ	22/05/98	988	Vẽ TT Màu	05.00
150	KTS.00157	Nguyễn Vũ Ngân	Hà	Nữ	30/10/98	1233	Vẽ TT Màu	05.50
151	KTS.00158	Nguyễn Lê Thu	Hà		12/08/98	1047	Vẽ TT Màu	09.00
152	KTS.00159	Chu Thị Cẩm	Hà	Nữ	20/12/96	5156	Vẽ TT Màu	05.00
153	KTS.00161	Quách Gia	Hào		28/10/98	867	Vẽ TT Màu	07.00
154	KTS.00162	Trần Nhựt	Hào		17/10/98	5534	Vẽ TT Màu	05.00
155	KTS.00163	Phạm Danh	Hào		18/05/98	768	Vẽ TT Màu	04.50
156	KTS.00164	Nguyễn Nam	Hải		23/08/98	842	Vẽ TT Màu	05.50
157	KTS.00165	Phan Ngọc	Hải		16/09/98	543	Vẽ TT Màu	08.00
158	KTS.00166	Huỳnh Thanh	Hải	Nữ	20/01/98	1693	Vẽ TT Màu	03.00
159	KTS.00167	Trần Đăng	Hải		28/12/97	5028	Vẽ TT Màu	03.00
160	KTS.00168	Tạ Thị	Hải	Nữ	18/02/98	5121	Vẽ TT Màu	06.00
161	KTS.00169	Nguyễn Trần Như	Hảo	Nữ	01/01/97	57	Vẽ TT Màu	08.50
162	KTS.00170	Lê Thị Như	Hảo	Nữ	23/11/98	76	Vẽ TT Màu	05.00
163	KTS.00171	Lê Thị Thu	Hạ	Nữ	21/01/98	414	Vẽ TT Màu	05.00
164	KTS.00172	Trần Như	Hạ	Nữ	29/03/98	1742	Vẽ TT Màu	06.00
165	KTS.00174	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	28/04/98	5157	Vẽ TT Màu	07.00
166	KTS.00175	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	21/04/98	1741	Vẽ TT Màu	08.00
167	KTS.00176	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	07/11/98	1327	Vẽ TT Màu	09.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
168	KTS.00177	Ngô Đông	Hạnh	Nữ	22/01/98	1094	Vẽ TT Màu	07.00
169	KTS.00178	Kiều Thị Xuân	Hạnh	Nữ	29/09/97	906	Vẽ TT Màu	08.00
170	KTS.00179	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/12/96	669	Vẽ TT Màu	06.00
171	KTS.00180	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Nữ	09/10/98	1515	Vẽ TT Màu	05.00
172	KTS.00181	Trần Gia	Hân	Nữ	12/07/98	1725	Vẽ TT Màu	05.00
173	KTS.00182	Vũ Hồng	Hân	Nữ	08/08/98	1444	Vẽ TT Màu	06.00
174	KTS.00183	Ngô Đào Bảo	Hân		17/01/98	5532	Vẽ TT Màu	05.00
175	KTS.00184	Kiều Gia	Hân	Nữ	09/02/98	1702	Vẽ TT Màu	06.50
176	KTS.00185	Trần Yến Gia	Hân	Nữ	04/12/98	431	Vẽ TT Màu	06.00
177	KTS.00186	Phạm Gia	Hân	Nữ	19/10/98	256	Vẽ TT Màu	06.50
178	KTS.00187	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	09/10/98	5153	Vẽ TT Màu	05.00
179	KTS.00188	Nguyễn Trần Gia	Hân	Nữ	18/08/97	980	Vẽ TT Màu	06.00
180	KTS.00189	Huỳnh Nhật	Hân	Nữ	01/04/98	1429	Vẽ TT Màu	09.00
181	KTS.00190	Lê Ngọc	Hân	Nữ	24/11/98	5054	Vẽ TT Màu	08.00
182	KTS.00191	Lê Thị	Hậu	Nữ	23/02/98	5152	Vẽ TT Màu	06.00
183	KTS.00192	Tăng Trung	Hậu		09/09/98	1433	Vẽ TT Màu	08.00
184	KTS.00193	Trần Thị	Hậu	Nữ	16/02/98	5369	Vẽ TT Màu	06.50
185	KTS.00194	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	14/05/98	950	Vẽ TT Màu	08.00
186	KTS.00195	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	19/01/98	5251	Vẽ TT Màu	08.50
187	KTS.00196	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	24/11/97	574	Vẽ TT Màu	07.50
188	KTS.00197	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	09/08/98	571	Vẽ TT Màu	08.00
189	KTS.00199	Cao Thị Nguyệt	Hằng	Nữ	10/07/98	5175	Vẽ TT Màu	05.00
190	KTS.00200	Nguyễn Nhật	Hằng	Nữ	04/05/96	959	Vẽ TT Màu	06.00
191	KTS.00201	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	27/11/98	1274	Vẽ TT Màu	04.50
192	KTS.00202	Trần Thị Minh	Hằng	Nữ	13/03/98	5339	Vẽ TT Màu	06.50
193	KTS.00203	Nguyễn Trung	Hiếu		21/07/98	1796	Vẽ TT Màu	05.00
194	KTS.00204	Trần Tấn	Hiếu		11/04/98	5496	Vẽ TT Màu	05.00
195	KTS.00205	Lê Trọng	Hiếu		10/03/98	646	Vẽ TT Màu	05.00
196	KTS.00206	Từ Trung	Hiếu		08/03/98	5078	Vẽ TT Màu	06.00
197	KTS.00207	Đào Minh	Hiếu		04/09/98	1186	Vẽ TT Màu	06.00
198	KTS.00208	Trần Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	19/05/98	5332	Vẽ TT Màu	06.50
199	KTS.00209	Đặng Hồ	Hiếu		18/04/98	506	Vẽ TT Màu	08.00
200	KTS.00211	Nguyễn Thị Liên	Hiệp	Nữ	29/11/98	5044	Vẽ TT Màu	06.00
201	KTS.00212	Mai Minh	Hiền	Nữ	18/04/98	1364	Vẽ TT Màu	03.00
202	KTS.00213	Phan Thị Mỹ	Hiền	Nữ	17/09/98	357	Vẽ TT Màu	05.00
203	KTS.00214	Lê Ngọc	Hiền	Nữ	03/08/96	821	Vẽ TT Màu	05.00
204	KTS.00215	Trần Thị	Hiền	Nữ	15/07/98	783	Vẽ TT Màu	05.00
205	KTS.00216	Trần Khải Thanh	Hiền	Nữ	26/12/98	1058	Vẽ TT Màu	06.50
206	KTS.00217	Trần Thị	Hiền	Nữ	02/01/97	619	Vẽ TT Màu	07.50
207	KTS.00218	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	12/01/98	1268	Vẽ TT Màu	09.00
208	KTS.00219	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	01/01/98	5447	Vẽ TT Màu	06.00
209	KTS.00220	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	01/06/98	5296	Vẽ TT Màu	05.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
210	KTS.00221	Phạm Thị Kim	Hoài	Nữ	11/08/98	5441	Vẽ TT Màu	08.50
211	KTS.00222	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	09/06/98	1361	Vẽ TT Màu	05.00
212	KTS.00223	Lê Cao Huy	Hoàng		18/07/98	5308	Vẽ TT Màu	05.50
213	KTS.00225	Nguyễn Thiên Huy	Hoàng	Nữ	26/04/98	5521	Vẽ TT Màu	08.00
214	KTS.00226	Võ Nguyễn Thanh	Hoàng	Nữ	13/03/98	1239	Vẽ TT Màu	05.00
215	KTS.00227	Nguyễn Huy	Hoàng		14/09/98	1775	Vẽ TT Màu	05.00
216	KTS.00228	Đỗ Thúy	Hòa	Nữ	16/01/98	348	Vẽ TT Màu	05.00
217	KTS.00229	Nguyễn Thanh	Hòa		01/09/98	452	Vẽ TT Màu	06.00
218	KTS.00230	Nguyễn Vũ Gia	Hòa	Nữ	07/03/98	1126	Vẽ TT Màu	05.50
219	KTS.00231	Trần Thị Diệu	Hòa	Nữ	07/11/88	5062	Vẽ TT Màu	05.00
220	KTS.00232	Nguyễn Thanh	Hòa	Nữ	24/12/97	1470	Vẽ TT Màu	07.50
221	KTS.00233	Lục Gia	Hòa		08/01/98	791	Vẽ TT Màu	06.50
222	KTS.00234	Lưu Trần	Hồng		17/04/98	737	Vẽ TT Màu	05.00
223	KTS.00235	Phạm Trương Phi	Hồ		14/03/98	5344	Vẽ TT Màu	03.00
224	KTS.00237	Lê Thị	Huệ	Nữ	12/10/93	838	Vẽ TT Màu	08.00
225	KTS.00238	Nguyễn Ngọc	Huệ	Nữ	28/03/98	727	Vẽ TT Màu	06.50
226	KTS.00239	Nguyễn Ngọc	Huy		04/02/98	508	Vẽ TT Màu	03.50
227	KTS.00240	Trần Đức	Huy		25/11/98	518	Vẽ TT Màu	05.50
228	KTS.00241	Phùng Thái	Huy		11/10/98	1594	Vẽ TT Màu	05.00
229	KTS.00242	Lê Nguyễn Gia	Huy		24/03/98	877	Vẽ TT Màu	06.50
230	KTS.00243	Nguyễn Quang	Huy		04/04/98	948	Vẽ TT Màu	05.00
231	KTS.00244	Huỳnh Quốc	Huy		05/08/97	1411	Vẽ TT Màu	05.50
232	KTS.00245	Trần Đỗ Đức	Huy		06/01/98	1073	Vẽ TT Màu	05.50
233	KTS.00246	Nguyễn Đình	Huy		06/05/97	701	Vẽ TT Màu	01.00
234	KTS.00247	Phạm Ngọc Minh	Huy		28/09/97	1302	Vẽ TT Màu	06.50
235	KTS.00248	Nguyễn Trần Khánh	Huyền	Nữ	12/08/98	5504	Vẽ TT Màu	06.50
236	KTS.00249	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/03/96	116	Vẽ TT Màu	06.50
237	KTS.00250	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	28/08/98	167	Vẽ TT Màu	05.00
238	KTS.00251	Lê Hoàng	Huyền	Nữ	24/01/98	5114	Vẽ TT Màu	05.00
239	KTS.00252	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	28/03/98	5105	Vẽ TT Màu	06.00
240	KTS.00253	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	25/11/98	1349	Vẽ TT Màu	05.00
241	KTS.00254	Trịnh Thị	Huyền	Nữ	24/01/98	1098	Vẽ TT Màu	06.00
242	KTS.00255	Hoàng Thị Mỹ	Huyền	Nữ	10/05/98	1618	Vẽ TT Màu	06.00
243	KTS.00256	Nguyễn Thanh Phước	Hưng		02/11/98	1342	Vẽ TT Màu	05.00
244	KTS.00257	Lê Trung	Hưng		14/10/98	1424	Vẽ TT Màu	06.00
245	KTS.00258	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	18/09/98	163	Vẽ TT Màu	05.00
246	KTS.00259	Phạm Mai	Hương	Nữ	03/02/98	5546	Vẽ TT Màu	08.00
247	KTS.00260	Nguyễn Kim	Hương	Nữ	27/02/97	1307	Vẽ TT Màu	07.50
248	KTS.00261	Đỗ Thị Thiên	Hương	Nữ	16/08/98	1447	Vẽ TT Màu	05.50
249	KTS.00262	Nguyễn Quỳnh Diệu	Hương	Nữ	07/04/98	5510	Vẽ TT Màu	06.00
250	KTS.00264	Võ Thị Thiên	Hương	Nữ	28/04/98	5239	Vẽ TT Màu	05.50
251	KTS.00265	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	12/12/97	5456	Vẽ TT Màu	05.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
252	KTS.00266	Lê Gia Bảo	Hương	Nữ	17/08/98	820	Vẽ TT Màu	08.00
253	KTS.00267	Ngô Thụy Thu	Hương	Nữ	17/02/98	5035	Vẽ TT Màu	07.50
254	KTS.00268	Ngô Thu	Hương	Nữ	07/01/98	182	Vẽ TT Màu	04.50
255	KTS.00269	Phạm Bảo Mai	Hương	Nữ	28/11/98	901	Vẽ TT Màu	05.50
256	KTS.00270	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	20/07/98	581	Vẽ TT Màu	07.50
257	KTS.00271	Trương Thị Minh	Kha	Nữ	02/01/98	198	Vẽ TT Màu	05.50
258	KTS.00272	Lê Phú Bảo	Khang		12/08/98	1051	Vẽ TT Màu	07.50
259	KTS.00273	Huỳnh Nhật	Khang		24/10/98	651	Vẽ TT Màu	05.00
260	KTS.00274	Từ Nhất	Khang		17/07/98	1279	Vẽ TT Màu	05.00
261	KTS.00275	Đoàn Điền	Khang	Nữ	17/05/98	5414	Vẽ TT Màu	04.00
262	KTS.00276	Lê Hoàng	Khang		13/11/98	604	Vẽ TT Màu	09.00
263	KTS.00277	Phạm Duy	Khang		01/09/98	1510	Vẽ TT Màu	05.00
264	KTS.00278	Lục Quốc	Khang		22/06/98	1406	Vẽ TT Màu	07.50
265	KTS.00279	Triệu Lê Mai	Khanh	Nữ	29/05/98	362	Vẽ TT Màu	06.00
266	KTS.00280	Nguyễn Ngọc Vân	Khanh	Nữ	30/01/98	350	Vẽ TT Màu	06.00
267	KTS.00281	Vũ Như	Khanh	Nữ	16/07/98	749	Vẽ TT Màu	04.50
268	KTS.00282	Trần Thụy Lê	Khanh	Nữ	13/04/98	1331	Vẽ TT Màu	07.50
269	KTS.00283	Nguyễn Ngọc Tường	Khanh	Nữ	15/09/98	888	Vẽ TT Màu	09.00
270	KTS.00285	Phạm Xuân Lê	Khanh	Nữ	29/08/98	5271	Vẽ TT Màu	05.00
271	KTS.00286	Lê Quốc	Khánh		02/09/98	1181	Vẽ TT Màu	06.00
272	KTS.00287	Nguyễn Hữu	Khánh	Nữ	21/08/98	1334	Vẽ TT Màu	07.00
273	KTS.00288	Đỗ Minh	Khánh		27/03/98	5032	Vẽ TT Màu	06.00
274	KTS.00289	Nguyễn Duy	Khánh		01/12/98	535	Vẽ TT Màu	08.00
275	KTS.00290	Nguyễn Kim	Khải		19/04/97	1223	Vẽ TT Màu	07.00
276	KTS.00291	Lê Kim	Khoa	Nữ	08/05/98	371	Vẽ TT Màu	06.00
277	KTS.00294	Nguyễn Tạ Anh	Khoa		31/10/97	918	Vẽ TT Màu	05.50
278	KTS.00295	Lê Đăng	Khoa		05/03/98	603	Vẽ TT Màu	09.00
279	KTS.00296	Trần Anh	Khôi		26/06/98	5435	Vẽ TT Màu	05.00
280	KTS.00297	Trần Tiên Nguyên	Khôi		21/10/98	316	Vẽ TT Màu	07.50
281	KTS.00298	Lê Nguyễn Minh	Khuê	Nữ	16/12/98	314	Vẽ TT Màu	05.50
282	KTS.00299	Nguyễn Thị Bảo	Kiên	Nữ	29/09/98	5148	Vẽ TT Màu	08.00
283	KTS.00300	Nguyễn Văn	Kiểu		01/02/98	490	Vẽ TT Màu	08.50
284	KTS.00301	Sen Liên	Kim	Nữ	18/03/98	653	Vẽ TT Màu	05.00
285	KTS.00302	Âu Mỹ	Kim	Nữ	29/08/97	1062	Vẽ TT Màu	06.00
286	KTS.00303	Mai Thúy	Kiều	Nữ	15/03/98	1261	Vẽ TT Màu	06.00
287	KTS.00304	Nguyễn Gia	Kỳ		01/01/98	516	Vẽ TT Màu	06.00
288	KTS.00305	Nguyễn Thị Hồng	Lam	Nữ	04/07/98	5048	Vẽ TT Màu	06.50
289	KTS.00306	Đặng Thị Yến	Lan	Nữ	14/08/98	5029	Vẽ TT Màu	08.00
290	KTS.00307	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	Nữ	06/05/98	606	Vẽ TT Màu	07.50
291	KTS.00308	Bùi Thị Hoàng	Lan	Nữ	13/04/98	5031	Vẽ TT Màu	08.50
292	KTS.00309	Võ Thị Ngọc	Lài	Nữ	28/09/98	5249	Vẽ TT Màu	05.50
293	KTS.00310	Hoàng Thị	Lãnh	Nữ	18/08/97	56	Vẽ TT Màu	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
294	KTS.00311	Huỳnh Bảo	Lâm		11/11/98	81	Vẽ TT Màu	08.00
295	KTS.00312	Tô Thanh	Lâm		07/09/98	1019	Vẽ TT Màu	05.50
296	KTS.00313	Phạm Nguyễn Hoàng	Lâm		24/08/98	5125	Vẽ TT Màu	07.00
297	KTS.00314	Nguyễn Đức	Lâm		28/12/98	1144	Vẽ TT Màu	06.50
298	KTS.00316	Hoàng Ngọc	Lập		24/09/98	5135	Vẽ TT Màu	06.50
299	KTS.00317	Nguyễn Trọng	Lễ		18/08/97	1154	Vẽ TT Màu	05.00
300	KTS.00318	Lâm Kiệt	Lệ	Nữ	26/12/98	1265	Vẽ TT Màu	08.50
301	KTS.00319	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	01/05/98	1588	Vẽ TT Màu	08.00
302	KTS.00320	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	25/05/98	5070	Vẽ TT Màu	05.50
303	KTS.00321	Lâm Lệ	Liều	Nữ	05/09/98	5234	Vẽ TT Màu	05.00
304	KTS.00322	Trịnh Thùy	Linh	Nữ	11/03/98	580	Vẽ TT Màu	06.50
305	KTS.00323	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	07/11/98	85	Vẽ TT Màu	08.50
306	KTS.00324	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	14/02/98	1090	Vẽ TT Màu	05.00
307	KTS.00325	Kha Tú	Linh	Nữ	09/11/98	648	Vẽ TT Màu	06.50
308	KTS.00326	Lê Thị Trúc	Linh	Nữ	01/04/98	5486	Vẽ TT Màu	06.00
309	KTS.00327	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	Nữ	00/00/92	1285	Vẽ TT Màu	06.00
310	KTS.00328	Nguyễn Yên	Linh	Nữ	13/10/98	1046	Vẽ TT Màu	07.50
311	KTS.00329	Nguyễn Trúc	Linh	Nữ	15/01/98	1493	Vẽ TT Màu	05.50
312	KTS.00330	Võ Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/09/97	26	Vẽ TT Màu	07.00
313	KTS.00331	Phạm Khánh	Linh		17/09/98	5615	Vẽ TT Màu	06.00
314	KTS.00332	Diệp Nhất	Linh	Nữ	19/06/98	983	Vẽ TT Màu	07.00
315	KTS.00333	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	19/02/98	547	Vẽ TT Màu	06.00
316	KTS.00334	Hoàng Quỳnh	Linh	Nữ	16/09/98	732	Vẽ TT Màu	06.00
317	KTS.00336	Trương Tấn	Linh		07/06/97	5614	Vẽ TT Màu	05.50
318	KTS.00337	Nguyễn Thị Hà	Linh	Nữ	24/08/98	5503	Vẽ TT Màu	05.50
319	KTS.00338	Phan Hồng Mai	Linh	Nữ	17/06/98	1547	Vẽ TT Màu	08.00
320	KTS.00339	Trần Việt	Linh	Nữ	12/12/98	5598	Vẽ TT Màu	09.00
321	KTS.00340	Trần Phạm Phương	Linh	Nữ	24/02/98	468	Vẽ TT Màu	06.00
322	KTS.00341	Lê Mỹ	Linh	Nữ	01/02/98	854	Vẽ TT Màu	08.00
323	KTS.00342	Nguyễn Thị Nhật	Linh	Nữ	15/01/98	96	Vẽ TT Màu	09.50
324	KTS.00343	Đào Huệ	Linh	Nữ	20/12/98	1290	Vẽ TT Màu	03.50
325	KTS.00344	Lương Thùy	Linh	Nữ	02/11/97	5427	Vẽ TT Màu	06.50
326	KTS.00345	Phạm Võ Ngọc	Linh	Nữ	17/02/97	1383	Vẽ TT Màu	08.00
327	KTS.00346	Vũ Tú	Linh	Nữ	29/05/98	1372	Vẽ TT Màu	05.50
328	KTS.00347	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	11/07/98	5293	Vẽ TT Màu	07.00
329	KTS.00348	Huỳnh Mỹ	Linh	Nữ	14/07/98	1264	Vẽ TT Màu	08.50
330	KTS.00349	Nguyễn Nữ Bích	Loan	Nữ	10/02/98	5038	Vẽ TT Màu	08.00
331	KTS.00350	Nguyễn Thị Thúy	Loan	Nữ	05/03/98	5353	Vẽ TT Màu	05.00
332	KTS.00351	Phan Thị Hồng	Loan	Nữ	06/06/98	1550	Vẽ TT Màu	08.00
333	KTS.00352	Dương Hoàng	Long		27/03/94	384	Vẽ TT Màu	06.50
334	KTS.00353	Trần Vĩnh	Long		25/08/98	1449	Vẽ TT Màu	08.00
335	KTS.00354	Phạm Nguyễn Thanh	Long		12/09/98	643	Vẽ TT Màu	05.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
336	KTS.00355	Đỗ Thanh	Long		03/03/98	5043	Vẽ TT Màu	06.00
337	KTS.00356	Mai Thân Đức	Lộc		13/09/97	1672	Vẽ TT Màu	07.50
338	KTS.00358	Nguyễn Minh	Lộc		25/09/93	335	Vẽ TT Màu	04.00
339	KTS.00359	Phạm Ngọc	Lợi		17/01/98	355	Vẽ TT Màu	05.00
340	KTS.00361	Trịnh Diệu	Ly	Nữ	27/03/98	617	Vẽ TT Màu	05.50
341	KTS.00362	Hoàng Thị Thùy	Ly	Nữ	01/01/97	1138	Vẽ TT Màu	06.00
342	KTS.00363	Nguyễn Ngọc Trúc	Ly	Nữ	04/01/98	1673	Vẽ TT Màu	06.00
343	KTS.00364	Quách Thị Hoài	Lý	Nữ	09/12/98	1104	Vẽ TT Màu	06.50
344	KTS.00366	Bùi Thị Tuyết	Mai	Nữ	16/02/98	5455	Vẽ TT Màu	07.50
345	KTS.00367	Ngô Thị Ngọc	Mai	Nữ	09/07/98	5376	Vẽ TT Màu	05.50
346	KTS.00368	Nguyễn Khương Thanh	Mai	Nữ	13/03/97	1125	Vẽ TT Màu	05.00
347	KTS.00369	Võ Ngọc Thanh	Mai	Nữ	01/10/98	5025	Vẽ TT Màu	07.50
348	KTS.00370	Nguyễn Tuyết	Mai	Nữ	22/01/98	1072	Vẽ TT Màu	06.00
349	KTS.00371	Nguyễn Phan ánh	Mai	Nữ	24/07/98	1111	Vẽ TT Màu	08.00
350	KTS.00372	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	03/03/98	5093	Vẽ TT Màu	07.00
351	KTS.00373	Liều Thị Tuyết	Mai	Nữ	22/08/98	5502	Vẽ TT Màu	04.50
352	KTS.00374	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	28/10/97	5530	Vẽ TT Màu	04.50
353	KTS.00376	Thang Bội	Mi	Nữ	19/05/98	1343	Vẽ TT Màu	04.00
354	KTS.00377	Trần Công	Minh		05/12/98	5599	Vẽ TT Màu	07.00
355	KTS.00378	Dương	Minh		24/09/98	5160	Vẽ TT Màu	06.00
356	KTS.00379	Nguyễn Lê Anh	Minh	Nữ	06/02/98	14	Vẽ TT Màu	07.00
357	KTS.00380	Trần Chiêu	Minh	Nữ	08/06/97	5027	Vẽ TT Màu	06.00
358	KTS.00382	Nguyễn Tích Nhật	Minh		11/09/98	339	Vẽ TT Màu	07.00
359	KTS.00384	Nguyễn Đoàn Gia	Minh	Nữ	27/11/98	308	Vẽ TT Màu	06.50
360	KTS.00385	Trương Thị Trà	My	Nữ	30/01/98	716	Vẽ TT Màu	08.50
361	KTS.00386	Đào Thị Diễm	My	Nữ	14/01/98	1437	Vẽ TT Màu	05.00
362	KTS.00387	Phạm Võ Hoài	My	Nữ	16/02/98	1788	Vẽ TT Màu	05.00
363	KTS.00388	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	18/06/98	5257	Vẽ TT Màu	06.50
364	KTS.00389	Nguyễn Huỳnh	My	Nữ	28/12/98	1380	Vẽ TT Màu	05.00
365	KTS.00391	Đặng Thị Trà	My	Nữ	19/08/98	409	Vẽ TT Màu	07.00
366	KTS.00392	Trần Nguyễn Hải	My	Nữ	09/09/98	5199	Vẽ TT Màu	04.50
367	KTS.00394	Nguyễn Thúy	My	Nữ	12/09/98	1205	Vẽ TT Màu	09.00
368	KTS.00396	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	21/05/97	5098	Vẽ TT Màu	05.00
369	KTS.00397	Lê Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	02/01/97	1101	Vẽ TT Màu	05.00
370	KTS.00399	Nguyễn Thị Li	Na	Nữ	12/12/98	1089	Vẽ TT Màu	05.00
371	KTS.00400	Võ Hoàng	Nam		09/07/97	931	Vẽ TT Màu	05.00
372	KTS.00401	Nguyễn Phong	Nam		01/02/98	1691	Vẽ TT Màu	06.50
373	KTS.00402	Bùi Nguyễn Hoàng	Nam		23/07/98	1692	Vẽ TT Màu	08.00
374	KTS.00403	Đậu Hoàng	Nam		01/01/98	1113	Vẽ TT Màu	08.50
375	KTS.00404	Hoàng Thị	Nga	Nữ	04/05/98	5240	Vẽ TT Màu	06.50
376	KTS.00405	Nguyễn Phan Thúy	Nga	Nữ	14/10/98	1208	Vẽ TT Màu	06.50
377	KTS.00406	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	07/01/98	5544	Vẽ TT Màu	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
378	KTS.00407	Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	25/10/97	1480	Vẽ TT Màu	05.50
379	KTS.00408	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	26/10/98	1209	Vẽ TT Màu	06.50
380	KTS.00409	Nguyễn Thị Châu	Ngà	Nữ	22/04/98	424	Vẽ TT Màu	09.00
381	KTS.00410	Đỗ Ngọc Bích	Ngân	Nữ	08/12/97	465	Vẽ TT Màu	05.50
382	KTS.00411	Từ Tuyết	Ngân	Nữ	10/05/98	849	Vẽ TT Màu	07.50
383	KTS.00412	Huỳnh Vũ Ngọc	Ngân	Nữ	01/07/98	365	Vẽ TT Màu	06.50
384	KTS.00413	Võ Thị Kim	Ngân	Nữ	09/02/97	1270	Vẽ TT Màu	03.50
385	KTS.00414	Lê Thị Ngọc	Ngân	Nữ	15/11/98	1078	Vẽ TT Màu	05.50
386	KTS.00415	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	15/08/98	1495	Vẽ TT Màu	05.00
387	KTS.00416	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	28/01/98	5469	Vẽ TT Màu	08.00
388	KTS.00417	Trần Thị Tuyết	Ngân	Nữ	30/07/96	51	Vẽ TT Màu	05.00
389	KTS.00418	Trần Lê Tuyết	Ngân	Nữ	08/06/98	758	Vẽ TT Màu	05.50
390	KTS.00419	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	26/10/98	1472	Vẽ TT Màu	03.50
391	KTS.00420	Phạm Thị Tuyết	Ngân	Nữ	08/01/98	597	Vẽ TT Màu	06.00
392	KTS.00421	Nguyễn Thanh Bảo	Ngân	Nữ	23/08/98	1647	Vẽ TT Màu	03.50
393	KTS.00422	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	10/04/98	576	Vẽ TT Màu	06.50
394	KTS.00423	Võ Phùng Tuyết	Nghi	Nữ	16/06/98	802	Vẽ TT Màu	07.00
395	KTS.00424	Trần Lâm Bảo	Nghi	Nữ	10/12/98	710	Vẽ TT Màu	08.50
396	KTS.00425	Phạm Phương	Nghi	Nữ	07/02/98	17	Vẽ TT Màu	07.00
397	KTS.00426	Liêu Gia	Nghi	Nữ	24/08/98	1347	Vẽ TT Màu	05.00
398	KTS.00427	Lê Hoàng Mẫn	Nghi	Nữ	19/12/98	723	Vẽ TT Màu	06.00
399	KTS.00428	Nguyễn Thái Thảo	Nghi	Nữ	03/08/98	5529	Vẽ TT Màu	08.00
400	KTS.00429	Lưu Dương	Nghĩa		08/04/98	1064	Vẽ TT Màu	06.00
401	KTS.00430	Huỳnh Trọng	Nghĩa		02/12/98	5327	Vẽ TT Màu	04.00
402	KTS.00431	Nguyễn Hữu	Nghĩa		30/07/96	1746	Vẽ TT Màu	05.50
403	KTS.00432	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	10/10/97	622	Vẽ TT Màu	07.50
404	KTS.00433	Đinh Thị Thúy	Ngọc	Nữ	16/06/98	5237	Vẽ TT Màu	08.00
405	KTS.00434	Nguyễn Thị Yên	Ngọc	Nữ	27/11/98	229	Vẽ TT Màu	07.50
406	KTS.00435	Lâm Bảo	Ngọc	Nữ	22/08/98	481	Vẽ TT Màu	08.00
407	KTS.00436	Trần Kim	Ngọc	Nữ	07/11/98	623	Vẽ TT Màu	06.50
408	KTS.00437	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	23/11/98	850	Vẽ TT Màu	05.50
409	KTS.00438	Trương Thị Diễm	Ngọc	Nữ	08/08/97	153	Vẽ TT Màu	06.50
410	KTS.00439	Võ Hồ Bích	Ngọc	Nữ	14/02/97	857	Vẽ TT Màu	08.50
411	KTS.00440	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	13/06/98	520	Vẽ TT Màu	08.50
412	KTS.00441	Dương Thanh	Ngọc	Nữ	12/04/98	1009	Vẽ TT Màu	06.00
413	KTS.00442	Nguyễn Gia Bảo	Ngọc	Nữ	09/03/98	1754	Vẽ TT Màu	05.00
414	KTS.00443	Nguyễn Lê Như	Ngọc	Nữ	19/10/98	1715	Vẽ TT Màu	03.00
415	KTS.00444	Đỗ Hà Thảo	Ngọc	Nữ	01/10/98	1306	Vẽ TT Màu	04.50
416	KTS.00445	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/04/98	1571	Vẽ TT Màu	05.00
417	KTS.00446	Hà Thị Hồng	Ngọc	Nữ	08/10/98	5368	Vẽ TT Màu	05.50
418	KTS.00447	Trần Mỹ	Ngọc	Nữ	13/07/97	1377	Vẽ TT Màu	06.00
419	KTS.00448	Trịnh Xuân	Nguyên	Nữ	12/01/98	291	Vẽ TT Màu	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
420	KTS.00449	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	26/03/98	5488	Vẽ TT Màu	05.00
421	KTS.00450	Lê Minh Trương	Nguyên	Nữ	06/11/98	1178	Vẽ TT Màu	06.00
422	KTS.00451	Nguyễn Phước	Nguyên		24/02/96	1476	Vẽ TT Màu	05.00
423	KTS.00452	Nguyễn Đình	Nguyên		07/06/98	1792	Vẽ TT Màu	05.50
424	KTS.00453	Dương Thị Thảo	Nguyên	Nữ	25/10/98	354	Vẽ TT Màu	06.50
425	KTS.00454	Nguyễn Ngọc Đỗ	Nguyên	Nữ	13/02/98	1456	Vẽ TT Màu	07.00
426	KTS.00455	Hà Thảo	Nguyên	Nữ	30/11/98	1419	Vẽ TT Màu	05.50
427	KTS.00457	Đỗ Thanh	Nhàn	Nữ	08/07/97	546	Vẽ TT Màu	05.00
428	KTS.00458	Ngô Thị Thanh	Nhàn	Nữ	21/10/98	5577	Vẽ TT Màu	06.50
429	KTS.00459	Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	Nữ	22/08/98	1316	Vẽ TT Màu	04.00
430	KTS.00460	Trần Hoài	Nhân		24/06/97	1157	Vẽ TT Màu	05.50
431	KTS.00461	Phan Thụy Đỗ	Nhân	Nữ	13/02/98	722	Vẽ TT Màu	03.50
432	KTS.00462	Quan Thanh	Nhân		27/02/98	853	Vẽ TT Màu	08.50
433	KTS.00463	Cao Vũ Thành	Nhân		08/09/98	566	Vẽ TT Màu	05.00
434	KTS.00464	Trương Tài	Nhân		02/01/98	1022	Vẽ TT Màu	08.00
435	KTS.00466	Bốc Thị Minh	Nhật	Nữ	20/12/96	1537	Vẽ TT Màu	05.50
436	KTS.00467	Lê Minh	Nhật	Nữ	11/01/98	1392	Vẽ TT Màu	06.00
437	KTS.00468	Lưu Minh	Nhật		20/07/98	379	Vẽ TT Màu	03.50
438	KTS.00470	Trần Nguyễn Đông	Nhi	Nữ	01/03/98	42	Vẽ TT Màu	08.00
439	KTS.00471	Nguyễn Thụy Quỳnh	Nhi	Nữ	25/12/98	82	Vẽ TT Màu	05.00
440	KTS.00472	Vũ Thị Thảo	Nhi	Nữ	16/03/98	5056	Vẽ TT Màu	05.00
441	KTS.00473	Văn Thị Bích	Nhi	Nữ	05/07/97	921	Vẽ TT Màu	05.50
442	KTS.00474	Đỗ Ngọc Mỹ	Nhi	Nữ	15/10/98	780	Vẽ TT Màu	05.00
443	KTS.00475	Nguyễn Hồ Yến	Nhi	Nữ	12/11/97	704	Vẽ TT Màu	05.00
444	KTS.00476	Huỳnh Mẫn	Nhi	Nữ	23/04/98	876	Vẽ TT Màu	06.00
445	KTS.00477	Vũ Ngọc Thảo	Nhi	Nữ	04/05/98	772	Vẽ TT Màu	08.00
446	KTS.00480	Lê Ngọc Phương	Nhi	Nữ	29/09/98	640	Vẽ TT Màu	08.00
447	KTS.00481	Đinh Yến	Nhi	Nữ	19/01/98	1213	Vẽ TT Màu	07.50
448	KTS.00482	Nguyễn Nữ Quỳnh	Nhi	Nữ	10/07/98	978	Vẽ TT Màu	05.50
449	KTS.00484	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	29/03/98	965	Vẽ TT Màu	05.00
450	KTS.00486	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhi	Nữ	19/02/98	5579	Vẽ TT Màu	04.50
451	KTS.00487	Phạm Ngọc Thảo	Nhi	Nữ	24/11/97	1137	Vẽ TT Màu	06.00
452	KTS.00488	Cù Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	12/09/98	5359	Vẽ TT Màu	05.50
453	KTS.00489	Trần Tú	Nhi	Nữ	02/05/98	1145	Vẽ TT Màu	08.50
454	KTS.00490	Nguyễn Trần Cẩm	Nhi	Nữ	04/02/98	1485	Vẽ TT Màu	08.50
455	KTS.00491	Phạm Thị Châu	Nhi	Nữ	06/12/98	954	Vẽ TT Màu	05.50
456	KTS.00492	Nguyễn Hà Khánh	Nhi	Nữ	07/08/98	1085	Vẽ TT Màu	06.50
457	KTS.00493	Bùi Thị Tuyết	Nhi	Nữ	20/11/98	1114	Vẽ TT Màu	07.50
458	KTS.00494	Đặng Thị Kim	Nhung	Nữ	14/11/97	5213	Vẽ TT Màu	08.50
459	KTS.00495	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	02/11/98	5060	Vẽ TT Màu	08.00
460	KTS.00496	Vi Hà	Nhung	Nữ	29/08/95	183	Vẽ TT Màu	09.00
461	KTS.00497	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/08/98	675	Vẽ TT Màu	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
462	KTS.00498	Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	14/05/98	1006	Vẽ TT Màu	05.50
463	KTS.00500	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/05/98	1032	Vẽ TT Màu	05.00
464	KTS.00501	Lê Hà Huỳnh	Như	Nữ	07/10/98	5183	Vẽ TT Màu	06.00
465	KTS.00502	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	Nữ	06/06/98	152	Vẽ TT Màu	06.00
466	KTS.00503	Trần Quỳnh	Như	Nữ	14/09/98	1199	Vẽ TT Màu	06.00
467	KTS.00504	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	31/05/97	1197	Vẽ TT Màu	05.00
468	KTS.00505	Nguyễn Hoàng Trúc	Như	Nữ	26/08/98	1503	Vẽ TT Màu	06.50
469	KTS.00506	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	14/10/98	1353	Vẽ TT Màu	05.00
470	KTS.00507	Trịnh Phạm Quỳnh	Như	Nữ	18/11/98	5419	Vẽ TT Màu	05.00
471	KTS.00508	Huỳnh Thị Bích	Như	Nữ	30/05/98	5050	Vẽ TT Màu	04.50
472	KTS.00509	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	Nữ	27/09/98	493	Vẽ TT Màu	07.50
473	KTS.00510	Đỗ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	08/09/98	1712	Vẽ TT Màu	05.50
474	KTS.00511	Trịnh Thị Chơn Ngã Thanh	Như	Nữ	01/10/98	1359	Vẽ TT Màu	07.00
475	KTS.00512	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/09/98	5604	Vẽ TT Màu	06.00
476	KTS.00513	Nguyễn Trần Thiện	Như	Nữ	29/08/98	5415	Vẽ TT Màu	08.00
477	KTS.00514	Nguyễn Phạm Thiện	Như	Nữ	12/06/98	389	Vẽ TT Màu	08.00
478	KTS.00515	Trần Minh	Nhựt		25/09/97	1768	Vẽ TT Màu	05.00
479	KTS.00516	Đỗ Thị Na	Ny	Nữ	03/07/98	5337	Vẽ TT Màu	06.50
480	KTS.00517	Phạm Thị Kiều	Oanh	Nữ	22/11/98	5357	Vẽ TT Màu	06.50
481	KTS.00518	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	28/06/98	5254	Vẽ TT Màu	05.00
482	KTS.00519	Ngô Thị Lan	Oanh	Nữ	21/04/98	1548	Vẽ TT Màu	05.50
483	KTS.00520	Phạm Thị Lâm	Oanh	Nữ	22/05/97	609	Vẽ TT Màu	05.50
484	KTS.00521	Hồ Phúc	Oanh	Nữ	05/02/98	5540	Vẽ TT Màu	05.00
485	KTS.00522	Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	23/08/98	1623	Vẽ TT Màu	03.50
486	KTS.00523	Nguyễn Tấn	Phát		12/01/98	1345	Vẽ TT Màu	08.00
487	KTS.00524	Nguyễn Thành	Phong		28/02/95	1568	Vẽ TT Màu	05.00
488	KTS.00525	Hồ Gia	Phong		24/05/98	322	Vẽ TT Màu	07.00
489	KTS.00526	Đỗ Trọng	Phong		08/04/97	618	Vẽ TT Màu	06.50
490	KTS.00527	Ngô Đình Duy	Phong		15/02/98	186	Vẽ TT Màu	06.00
491	KTS.00530	Nguyễn Minh	Phú		22/01/98	766	Vẽ TT Màu	06.00
492	KTS.00531	Lê Hoàng	Phúc		17/07/97	1734	Vẽ TT Màu	00.00
493	KTS.00532	Nguyễn Thị Thiên	Phúc	Nữ	03/04/98	138	Vẽ TT Màu	06.50
494	KTS.00533	Lâm Trường	Phúc		28/08/97	1159	Vẽ TT Màu	07.00
495	KTS.00534	Nguyễn Trường	Phúc		22/11/97	395	Vẽ TT Màu	05.50
496	KTS.00535	Lâm Vũ Thiên	Phúc	Nữ	09/05/98	5342	Vẽ TT Màu	06.50
497	KTS.00536	Nguyễn Hoàng	Phúc		13/06/98	1036	Vẽ TT Màu	08.00
498	KTS.00537	Đoàn Thị Kim	Phúc	Nữ	01/01/98	5535	Vẽ TT Màu	06.00
499	KTS.00538	Nguyễn Lê	Phúc		07/06/98	5284	Vẽ TT Màu	06.50
500	KTS.00539	Phạm Ngọc Trúc	Phương	Nữ	06/05/98	5479	Vẽ TT Màu	03.50
501	KTS.00540	Huỳnh Mai	Phương	Nữ	27/09/98	247	Vẽ TT Màu	06.00
502	KTS.00541	Nguyễn Thúy	Phương	Nữ	12/02/98	584	Vẽ TT Màu	06.00
503	KTS.00542	Tổng Thị Thu	Phương	Nữ	29/07/98	5142	Vẽ TT Màu	08.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
504	KTS.00543	Phạm Hoàng Thanh	Phương	Nữ	26/05/97	120	Vẽ TT Màu	06.00
505	KTS.00544	Trịnh Như	Phương	Nữ	04/10/98	1375	Vẽ TT Màu	05.00
506	KTS.00545	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	14/07/98	143	Vẽ TT Màu	07.50
507	KTS.00546	Hình Mỹ	Phương	Nữ	12/09/98	208	Vẽ TT Màu	09.50
508	KTS.00547	Tôn Nữ Nhật	Phương	Nữ	22/01/98	5019	Vẽ TT Màu	05.50
509	KTS.00548	Nguyễn Hồng Thu	Phương	Nữ	16/05/98	871	Vẽ TT Màu	06.00
510	KTS.00549	Lê Thị Minh	Phương	Nữ	01/01/98	524	Vẽ TT Màu	05.50
511	KTS.00550	Phùng Thị Thanh	Phương	Nữ	25/05/98	1570	Vẽ TT Màu	06.00
512	KTS.00551	Huỳnh Tiểu	Phương	Nữ	05/09/98	1243	Vẽ TT Màu	07.50
513	KTS.00552	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	03/01/98	30	Vẽ TT Màu	06.00
514	KTS.00553	Dương Thị	Phương	Nữ	30/03/97	1466	Vẽ TT Màu	06.00
515	KTS.00554	Trần Thị Thanh	Phương	Nữ	18/06/98	5107	Vẽ TT Màu	08.00
516	KTS.00555	Võ Huỳnh Như	Phương	Nữ	16/08/98	5283	Vẽ TT Màu	08.00
517	KTS.00557	Trần Xuân	Phước		17/07/97	327	Vẽ TT Màu	06.50
518	KTS.00558	Hồ Thị Huệ	Phước	Nữ	11/04/98	5398	Vẽ TT Màu	08.50
519	KTS.00559	Nguyễn Vũ Hạnh	Phước	Nữ	17/10/98	161	Vẽ TT Màu	07.50
520	KTS.00560	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	16/08/98	5099	Vẽ TT Màu	04.00
521	KTS.00561	Mai Như	Phượng	Nữ	03/01/98	5566	Vẽ TT Màu	03.50
522	KTS.00562	Nguyễn Hoàng Thi	Phượng	Nữ	04/01/97	778	Vẽ TT Màu	06.00
523	KTS.00563	Nguyễn Ngọc	Quang		05/08/94	175	Vẽ TT Màu	08.00
524	KTS.00564	Nguyễn Nhật	Quang		12/09/98	924	Vẽ TT Màu	06.50
525	KTS.00565	Nguyễn Thanh	Quang		09/10/98	762	Vẽ TT Màu	08.00
526	KTS.00566	Hồng Đình	Quân	Nữ	04/02/98	662	Vẽ TT Màu	05.00
527	KTS.00567	Đỗ Thực	Quân	Nữ	31/05/91	21	Vẽ TT Màu	06.00
528	KTS.00568	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	01/05/98	5089	Vẽ TT Màu	08.00
529	KTS.00569	Nguyễn Thị Như	Quyên	Nữ	17/01/98	825	Vẽ TT Màu	07.00
530	KTS.00570	Phạm Vũ Uyên	Quyên	Nữ	09/08/98	1556	Vẽ TT Màu	05.00
531	KTS.00571	Nguyễn Đỗ Khả	Quyên	Nữ	02/01/98	5115	Vẽ TT Màu	06.00
532	KTS.00573	Nguyễn Ngọc Bảo	Quyên	Nữ	07/01/98	5461	Vẽ TT Màu	03.50
533	KTS.00574	Nguyễn Nữ Thoại	Quyên	Nữ	01/05/97	1536	Vẽ TT Màu	08.50
534	KTS.00575	Đặng Công	Quyên		23/06/96	1790	Vẽ TT Màu	08.00
535	KTS.00576	Nguyễn Ngọc	Quý		11/09/98	5307	Vẽ TT Màu	06.00
536	KTS.00577	Phạm Thị Ngọc	Quý	Nữ	28/12/98	5492	Vẽ TT Màu	06.00
537	KTS.00578	Nguyễn Cao Như	Quý	Nữ	06/07/98	5243	Vẽ TT Màu	05.00
538	KTS.00579	Dương Phương	Quỳnh	Nữ	17/03/96	432	Vẽ TT Màu	05.00
539	KTS.00580	Lê Như	Quỳnh	Nữ	30/06/98	5473	Vẽ TT Màu	09.00
540	KTS.00581	Tôn Nữ Phương	Quỳnh	Nữ	16/12/98	43	Vẽ TT Màu	08.50
541	KTS.00582	Đặng Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/01/97	714	Vẽ TT Màu	08.50
542	KTS.00584	Trần Đào Khánh	Quỳnh	Nữ	16/12/98	635	Vẽ TT Màu	06.50
543	KTS.00585	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	24/02/98	836	Vẽ TT Màu	05.50
544	KTS.00586	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	19/08/98	5295	Vẽ TT Màu	06.50
545	KTS.00587	Nguyễn Ngọc Xuân	Quỳnh	Nữ	16/02/98	781	Vẽ TT Màu	08.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
546	KTS.00588	Vương Diễm	Quỳnh	Nữ	20/01/97	253	Vẽ TT Màu	05.00
547	KTS.00589	Phan Thị Hương	Quỳnh	Nữ	18/07/98	5549	Vẽ TT Màu	08.00
548	KTS.00590	Nguyễn Hoàng	Quỳnh	Nữ	21/10/98	1053	Vẽ TT Màu	08.00
549	KTS.00591	Đỗ Nguyễn Phương	Quỳnh	Nữ	24/12/98	1049	Vẽ TT Màu	09.00
550	KTS.00592	Trịnh Hoàng	San	Nữ	07/11/97	503	Vẽ TT Màu	08.50
551	KTS.00593	Phạm Vương	Sang		13/08/98	86	Vẽ TT Màu	06.50
552	KTS.00595	Ông Thị Mỹ	Sen	Nữ	27/01/98	5605	Vẽ TT Màu	06.50
553	KTS.00596	Phạm Thị	Sen	Nữ	19/11/98	966	Vẽ TT Màu	08.00
554	KTS.00597	Đỗ Thị Giáng	Sinh	Nữ	26/12/97	1452	Vẽ TT Màu	06.50
555	KTS.00598	Lê Thúy	Sinh	Nữ	02/11/98	5570	Vẽ TT Màu	04.50
556	KTS.00599	Đỗ Đình	Sĩ		09/10/97	5064	Vẽ TT Màu	09.50
557	KTS.00600	Đặng Thái	Sơn		27/01/97	1681	Vẽ TT Màu	06.00
558	KTS.00601	Trần Ngọc	Sơn		25/07/98	268	Vẽ TT Màu	07.50
559	KTS.00602	Trần Bảo	Sơn		27/01/98	1423	Vẽ TT Màu	08.00
560	KTS.00603	Nguyễn Doãn Lương	Sơn		27/07/98	1179	Vẽ TT Màu	03.00
561	KTS.00604	Nguyễn Hà Minh	Sơn		17/07/98	598	Vẽ TT Màu	06.50
562	KTS.00605	Lê Thị Kim	Sương	Nữ	13/10/98	1201	Vẽ TT Màu	06.00
563	KTS.00606	Đoàn Quốc	Sự		12/03/98	1591	Vẽ TT Màu	08.00
564	KTS.00607	Phan Bá	Tài		30/10/98	367	Vẽ TT Màu	05.50
565	KTS.00608	Nguyễn Công Phúc	Tài		01/11/97	79	Vẽ TT Màu	08.00
566	KTS.00609	Nguyễn Phạm Như	Tâm	Nữ	15/09/98	5162	Vẽ TT Màu	08.50
567	KTS.00610	Trần Khuê	Tâm		03/01/98	835	Vẽ TT Màu	05.50
568	KTS.00611	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	Nữ	04/11/98	509	Vẽ TT Màu	08.00
569	KTS.00612	Đỗ Thanh	Tâm	Nữ	02/01/98	312	Vẽ TT Màu	05.00
570	KTS.00614	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	01/10/98	522	Vẽ TT Màu	08.00
571	KTS.00615	Bùi Văn	Tâm		10/01/98	1675	Vẽ TT Màu	06.00
572	KTS.00616	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/09/98	1795	Vẽ TT Màu	03.00
573	KTS.00617	Lâm Minh	Tâm		11/12/96	1694	Vẽ TT Màu	05.00
574	KTS.00618	Nguyễn Đình Hà	Tây		01/11/98	5300	Vẽ TT Màu	08.50
575	KTS.00619	Dương Thị	Thanh	Nữ	26/02/98	1398	Vẽ TT Màu	08.00
576	KTS.00620	Lê Ngọc Lan	Thanh	Nữ	28/09/89	48	Vẽ TT Màu	05.00
577	KTS.00622	Cao Thị Thanh	Thanh	Nữ	30/05/98	894	Vẽ TT Màu	06.50
578	KTS.00623	Phan Thị Giang	Thanh	Nữ	24/12/98	5524	Vẽ TT Màu	09.00
579	KTS.00625	Cao Thanh	Thanh	Nữ	06/04/98	450	Vẽ TT Màu	06.00
580	KTS.00627	Nguyễn Việt	Thái		08/07/97	1753	Vẽ TT Màu	07.00
581	KTS.00628	Đỗ Công	Thành		10/06/98	255	Vẽ TT Màu	06.00
582	KTS.00629	Châu Hậu	Thành		01/09/98	822	Vẽ TT Màu	03.00
583	KTS.00630	Nguyễn Diên	Thành		30/05/98	91	Vẽ TT Màu	04.50
584	KTS.00631	Trần Trí	Thành		13/07/98	421	Vẽ TT Màu	04.00
585	KTS.00632	Hồ Việt	Thành		20/07/98	1086	Vẽ TT Màu	05.00
586	KTS.00633	Nguyễn Tấn	Thành		19/10/98	1076	Vẽ TT Màu	07.50
587	KTS.00634	Châu Đại	Thành		17/02/98	1020	Vẽ TT Màu	05.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
588	KTS.00635	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	Nữ	10/01/98	145	Vẽ TT Màu	03.50
589	KTS.00636	Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	11/04/98	108	Vẽ TT Màu	06.00
590	KTS.00637	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	01/01/98	111	Vẽ TT Màu	05.50
591	KTS.00638	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	10/02/98	299	Vẽ TT Màu	07.50
592	KTS.00639	Nguyễn Thị Hương	Thảo	Nữ	07/03/97	708	Vẽ TT Màu	06.00
593	KTS.00640	Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	24/06/98	5292	Vẽ TT Màu	07.50
594	KTS.00641	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	11/01/98	1015	Vẽ TT Màu	06.00
595	KTS.00642	Trần Thị Lê	Thảo	Nữ	26/06/98	1554	Vẽ TT Màu	06.00
596	KTS.00643	Lê Đức Phương	Thảo	Nữ	28/02/98	338	Vẽ TT Màu	08.00
597	KTS.00644	Huỳnh Kim	Thảo	Nữ	09/10/98	368	Vẽ TT Màu	05.00
598	KTS.00645	Vũ Thanh	Thảo	Nữ	12/03/98	521	Vẽ TT Màu	06.00
599	KTS.00646	Trần Đỗ Phương	Thảo	Nữ	07/08/98	498	Vẽ TT Màu	05.50
600	KTS.00647	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	Nữ	26/02/98	5547	Vẽ TT Màu	05.00
601	KTS.00648	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	24/06/97	923	Vẽ TT Màu	05.00
602	KTS.00649	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	18/01/98	658	Vẽ TT Màu	05.00
603	KTS.00650	Võ Lê Ngọc	Thảo	Nữ	05/04/98	1035	Vẽ TT Màu	06.50
604	KTS.00651	Lê Trúc	Thảo	Nữ	16/04/98	1538	Vẽ TT Màu	05.50
605	KTS.00652	Lê Ngọc	Thắng		14/02/98	5011	Vẽ TT Màu	06.50
606	KTS.00653	Phạm Minh	Thị	Nữ	14/09/97	1573	Vẽ TT Màu	06.50
607	KTS.00654	Nguyễn Thị Mai	Thị	Nữ	25/05/98	385	Vẽ TT Màu	09.50
608	KTS.00655	Lê Phụng	Thị	Nữ	04/05/98	5494	Vẽ TT Màu	05.00
609	KTS.00656	Bùi Quang	Thị		16/06/98	436	Vẽ TT Màu	05.50
610	KTS.00657	Lương Viết	Thị		30/11/98	5574	Vẽ TT Màu	06.50
611	KTS.00658	Đỗ Nhật	Thị		22/08/98	5097	Vẽ TT Màu	06.50
612	KTS.00659	Lê Cường	Thị		17/09/98	1232	Vẽ TT Màu	05.00
613	KTS.00660	Nguyễn Tiến	Thị		27/09/98	1482	Vẽ TT Màu	06.00
614	KTS.00661	Bùi Thị	Thoan	Nữ	11/06/98	5255	Vẽ TT Màu	05.00
615	KTS.00662	Lê Minh	Thông		17/12/98	383	Vẽ TT Màu	02.00
616	KTS.00663	Hồ Thị Hoàng	Thơ	Nữ	02/10/98	647	Vẽ TT Màu	06.00
617	KTS.00664	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	10/10/98	5074	Vẽ TT Màu	06.00
618	KTS.00665	Lê Mỹ	Thu	Nữ	03/12/97	5531	Vẽ TT Màu	05.00
619	KTS.00666	Chiêu Hải	Thu	Nữ	03/08/98	1048	Vẽ TT Màu	06.50
620	KTS.00667	Lý Minh	Thu	Nữ	12/01/98	1614	Vẽ TT Màu	05.00
621	KTS.00668	Phạm Lê Minh	Thu	Nữ	23/10/98	1454	Vẽ TT Màu	06.00
622	KTS.00669	Phạm Thị	Thu	Nữ	16/12/98	5552	Vẽ TT Màu	07.00
623	KTS.00670	Nguyễn Thị ánh	Thu	Nữ	12/08/98	1367	Vẽ TT Màu	06.00
624	KTS.00671	Hứa Nguyễn Minh	Thuận	Nữ	12/03/98	538	Vẽ TT Màu	06.00
625	KTS.00672	Nguyễn Đỗ Vĩnh	Thuyền	Nữ	29/11/98	615	Vẽ TT Màu	06.50
626	KTS.00673	Nguyễn Xuân	Thuyền	Nữ	22/02/97	681	Vẽ TT Màu	05.00
627	KTS.00674	Nông Thị Hồng	Thúy	Nữ	30/05/98	1654	Vẽ TT Màu	06.00
628	KTS.00675	Trần Thị Thanh	Thùy	Nữ	22/02/98	1293	Vẽ TT Màu	09.00
629	KTS.00676	Trần Xuân	Thủ		19/01/97	868	Vẽ TT Màu	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
630	KTS.00677	Thái Thụy Bích	Thủy	Nữ	03/07/96	440	Vẽ TT Màu	06.00
631	KTS.00678	Hồ Thị Ngọc	Thủy	Nữ	31/10/97	1408	Vẽ TT Màu	06.50
632	KTS.00679	Phan Thị Bích	Thủy	Nữ	07/11/97	936	Vẽ TT Màu	04.50
633	KTS.00680	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	01/07/98	5336	Vẽ TT Màu	08.00
634	KTS.00681	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	03/09/98	5177	Vẽ TT Màu	06.00
635	KTS.00682	Nguyễn Ngọc Thu	Thủy	Nữ	03/01/97	1455	Vẽ TT Màu	07.00
636	KTS.00683	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	20/07/98	996	Vẽ TT Màu	07.50
637	KTS.00684	Hồ Ngọc Anh	Thư	Nữ	12/04/98	813	Vẽ TT Màu	05.00
638	KTS.00685	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	25/10/98	1488	Vẽ TT Màu	06.00
639	KTS.00686	Lê Phạm Anh	Thư	Nữ	23/10/98	279	Vẽ TT Màu	04.00
640	KTS.00687	Phạm Thư	Thư	Nữ	23/03/98	1551	Vẽ TT Màu	08.00
641	KTS.00688	Trần Nguyễn Phúc Minh	Thư	Nữ	22/06/97	881	Vẽ TT Màu	05.50
642	KTS.00689	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	25/02/97	1322	Vẽ TT Màu	08.50
643	KTS.00690	Phan Bùi Anh	Thư	Nữ	24/10/98	372	Vẽ TT Màu	08.50
644	KTS.00691	Đinh Thị Anh	Thư	Nữ	04/11/97	5017	Vẽ TT Màu	07.00
645	KTS.00692	Trần Anh	Thư	Nữ	07/12/97	69	Vẽ TT Màu	07.00
646	KTS.00693	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	Nữ	17/01/98	771	Vẽ TT Màu	05.00
647	KTS.00694	Hoàng Minh	Thư	Nữ	18/01/98	1023	Vẽ TT Màu	08.00
648	KTS.00695	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	26/10/98	5487	Vẽ TT Màu	06.50
649	KTS.00696	Lê Ngọc	Thư	Nữ	26/08/98	5092	Vẽ TT Màu	08.50
650	KTS.00697	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	21/11/98	1699	Vẽ TT Màu	03.00
651	KTS.00698	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	02/06/98	303	Vẽ TT Màu	08.00
652	KTS.00699	Phạm Ngọc Anh	Thư	Nữ	06/02/98	1459	Vẽ TT Màu	08.00
653	KTS.00700	Võ Trương Anh	Thư	Nữ	10/08/98	5403	Vẽ TT Màu	04.50
654	KTS.00701	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	09/06/98	428	Vẽ TT Màu	05.50
655	KTS.00702	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	19/02/97	1097	Vẽ TT Màu	06.00
656	KTS.00703	Nguyễn Hoài	Thương		11/05/97	210	Vẽ TT Màu	06.00
657	KTS.00704	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	Nữ	05/12/97	176	Vẽ TT Màu	06.00
658	KTS.00705	Thái Thị Thu	Thương	Nữ	16/12/97	1719	Vẽ TT Màu	03.50
659	KTS.00706	Nguyễn Thiện Vũ	Thường	Nữ	28/12/97	5420	Vẽ TT Màu	04.50
660	KTS.00707	Nguyễn Ngọc Minh	Thy	Nữ	24/02/98	999	Vẽ TT Màu	04.50
661	KTS.00708	Phạm Lê Uyên	Thy	Nữ	13/02/98	607	Vẽ TT Màu	08.50
662	KTS.00709	Nguyễn Trương Lê	Thy	Nữ	09/01/98	1448	Vẽ TT Màu	05.00
663	KTS.00710	Lê Thị Minh	Thy	Nữ	06/05/98	696	Vẽ TT Màu	06.00
664	KTS.00711	Nguyễn Hồng Đăng	Thy	Nữ	27/08/98	59	Vẽ TT Màu	08.00
665	KTS.00712	Ngô Nguyễn Bảo	Thy	Nữ	06/02/98	289	Vẽ TT Màu	05.50
666	KTS.00713	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	10/10/98	5220	Vẽ TT Màu	07.50
667	KTS.00714	Nguyễn Trúc	Thy	Nữ	28/01/98	519	Vẽ TT Màu	05.50
668	KTS.00715	Nguyễn Hồng	Thy	Nữ	04/11/98	1066	Vẽ TT Màu	08.00
669	KTS.00716	Trần Ngọc Phương	Thy	Nữ	27/03/98	497	Vẽ TT Màu	06.00
670	KTS.00717	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	Nữ	04/03/98	1690	Vẽ TT Màu	07.50
671	KTS.00719	Đặng Vũ Cát	Tiên	Nữ	30/12/98	5218	Vẽ TT Màu	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
672	KTS.00720	Nguyễn Cao	Hạnh Tiên	Nữ	25/02/98	1529	Vẽ TT Màu	08.00
673	KTS.00721	Đoàn Huỳnh	Thủy Tiên	Nữ	04/09/98	443	Vẽ TT Màu	08.00
674	KTS.00722	Trần Lê	Thủy Tiên	Nữ	05/01/98	1382	Vẽ TT Màu	08.00
675	KTS.00723	Đoàn Nguyễn	Nhật Tiên	Nữ	12/01/98	935	Vẽ TT Màu	05.00
676	KTS.00724	Trần Nguyễn	Thủy Tiên	Nữ	22/08/98	1762	Vẽ TT Màu	08.50
677	KTS.00725	Nguyễn Hoàng	Thủy Tiên	Nữ	15/02/97	1013	Vẽ TT Màu	07.00
678	KTS.00726	Lê Thị	Thủy Tiên	Nữ	08/03/98	5206	Vẽ TT Màu	06.50
679	KTS.00727	Hồ	Nhật Tiến		15/01/98	1443	Vẽ TT Màu	03.00
680	KTS.00729	Trần	Trọng Tình		18/04/98	990	Vẽ TT Màu	07.50
681	KTS.00730	Lưu	Vĩnh Toàn		13/03/98	5381	Vẽ TT Màu	08.50
682	KTS.00731	Đặng	Anh Toàn		27/03/97	592	Vẽ TT Màu	04.50
683	KTS.00732	Hồ	Ngọc Trai		02/09/98	1237	Vẽ TT Màu	05.00
684	KTS.00733	Trần Thị	Thủy Trang	Nữ	22/08/98	721	Vẽ TT Màu	07.00
685	KTS.00734	Ngô Phan	Thủy Trang	Nữ	28/09/98	1682	Vẽ TT Màu	05.00
686	KTS.00735	Đinh Thị	Thu Trang	Nữ	04/11/98	1207	Vẽ TT Màu	08.00
687	KTS.00736	Khuất	Hà Trang	Nữ	24/07/98	1765	Vẽ TT Màu	06.50
688	KTS.00737	Lê Ngọc	Minh Trang	Nữ	19/05/98	5259	Vẽ TT Màu	08.00
689	KTS.00738	Trịnh Thị	Thu Trang	Nữ	26/03/98	1115	Vẽ TT Màu	05.00
690	KTS.00739	Nguyễn Thị	Thu Trang	Nữ	03/10/98	5173	Vẽ TT Màu	08.00
691	KTS.00740	Đinh	Hiền Trang	Nữ	31/01/98	734	Vẽ TT Màu	06.00
692	KTS.00741	Vô	Thủy Trang	Nữ	09/07/98	5384	Vẽ TT Màu	05.50
693	KTS.00742	Nguyễn	Thủy Trang	Nữ	21/06/97	1678	Vẽ TT Màu	04.00
694	KTS.00743	Nguyễn Thị	Quỳnh Trang	Nữ	29/11/98	66	Vẽ TT Màu	08.50
695	KTS.00744	Thái Thị	Huyền Trang	Nữ	02/09/98	5065	Vẽ TT Màu	05.00
696	KTS.00745	Dương	Ngọc Trâm	Nữ	05/04/94	387	Vẽ TT Màu	03.00
697	KTS.00746	Lê Thị	Ngọc Trâm	Nữ	04/05/98	212	Vẽ TT Màu	08.00
698	KTS.00747	Lâm	Ngọc Trâm	Nữ	22/12/98	370	Vẽ TT Màu	04.50
699	KTS.00748	Nguyễn Thị	Thanh Trâm	Nữ	05/09/98	373	Vẽ TT Màu	06.50
700	KTS.00749	Lê Lý	Huyền Trâm	Nữ	17/09/97	1176	Vẽ TT Màu	06.50
701	KTS.00750	Vũ Nguyễn	Bảo Trâm	Nữ	08/11/98	5034	Vẽ TT Màu	06.00
702	KTS.00751	Trần	Ngọc Trâm	Nữ	21/07/98	1516	Vẽ TT Màu	08.00
703	KTS.00752	Lê Thị	Bảo Trâm	Nữ	01/01/98	1030	Vẽ TT Màu	08.00
704	KTS.00753	Lê Thị	Huyền Trâm	Nữ	27/08/98	5428	Vẽ TT Màu	07.00
705	KTS.00754	Tổng	Bảo Trâm	Nữ	05/03/98	941	Vẽ TT Màu	07.00
706	KTS.00755	Trần	Minh Triết		11/04/97	221	Vẽ TT Màu	07.50
707	KTS.00756	Trần Nữ	Kiều Trinh	Nữ	22/09/98	945	Vẽ TT Màu	05.50
708	KTS.00757	Vô Thị	Tường Trinh	Nữ	07/06/98	690	Vẽ TT Màu	06.50
709	KTS.00758	Nguyễn Đức	Phương Trinh	Nữ	15/12/98	1728	Vẽ TT Màu	05.00
710	KTS.00759	Vũ	Uyên Trinh	Nữ	10/11/98	72	Vẽ TT Màu	08.50
711	KTS.00760	Mai	Ngọc Trinh	Nữ	27/05/97	1670	Vẽ TT Màu	07.00
712	KTS.00761	Cao	Nguyên Trinh	Nữ	01/02/96	552	Vẽ TT Màu	06.00
713	KTS.00762	Đỗ Lê Thị	Ngọc Triều	Nữ	17/04/98	1244	Vẽ TT Màu	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
714	KTS.00763	Phan Hải	Triều	Nữ	25/06/98	1041	Vẽ TT Màu	06.00
715	KTS.00764	Nguyễn Thị Bích	Triều	Nữ	18/06/98	5386	Vẽ TT Màu	06.50
716	KTS.00765	Hồ Nguyễn Khánh	Trình		18/09/97	24	Vẽ TT Màu	05.00
717	KTS.00766	Nguyễn Minh	Trung		29/02/96	610	Vẽ TT Màu	05.50
718	KTS.00767	Cao Hoàng	Trung		24/09/98	5346	Vẽ TT Màu	05.00
719	KTS.00768	Nguyễn Nhật	Trung		17/05/98	5602	Vẽ TT Màu	06.00
720	KTS.00769	Bùi Thị Thanh	Trúc	Nữ	10/02/98	5513	Vẽ TT Màu	04.50
721	KTS.00770	Huỳnh Anh	Trúc	Nữ	10/05/98	5449	Vẽ TT Màu	06.00
722	KTS.00771	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	20/10/98	319	Vẽ TT Màu	06.00
723	KTS.00772	Đào Thị Thanh	Trúc	Nữ	22/09/98	943	Vẽ TT Màu	05.50
724	KTS.00773	Lê Thị	Trúc	Nữ	26/09/98	5096	Vẽ TT Màu	05.00
725	KTS.00774	Kim Hoàng Thanh	Trúc	Nữ	16/01/98	746	Vẽ TT Màu	05.50
726	KTS.00775	Đỗ Quang	Trường		19/08/98	88	Vẽ TT Màu	08.00
727	KTS.00776	Hồ Đặng Lam	Trường	Nữ	09/03/98	417	Vẽ TT Màu	05.50
728	KTS.00777	Phạm Minh	Trúc		15/06/97	1555	Vẽ TT Màu	04.00
729	KTS.00779	Phan Đình	Tuấn		11/02/97	689	Vẽ TT Màu	06.00
730	KTS.00780	Âu Dương	Tuấn		07/07/98	349	Vẽ TT Màu	05.50
731	KTS.00781	Phạm Thị	Tuyên	Nữ	25/04/98	586	Vẽ TT Màu	05.00
732	KTS.00782	Lê Cao Trung	Tuyên		12/06/98	5185	Vẽ TT Màu	05.50
733	KTS.00783	Ngô Thị ánh	Tuyết	Nữ	11/02/97	5565	Vẽ TT Màu	06.00
734	KTS.00785	Hoàng Thị ánh	Tuyết	Nữ	14/01/98	654	Vẽ TT Màu	06.00
735	KTS.00786	Ong Như	Tuyết	Nữ	13/10/98	1373	Vẽ TT Màu	08.00
736	KTS.00787	Ngô Ngọc	Tuyền	Nữ	25/02/98	272	Vẽ TT Màu	05.00
737	KTS.00788	Võ Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	19/07/98	262	Vẽ TT Màu	08.00
738	KTS.00789	Đỗ Khắc Ngọc	Tuyền	Nữ	15/06/98	1737	Vẽ TT Màu	05.50
739	KTS.00790	Phạm Ngọc Thanh	Tuyền	Nữ	04/07/97	1321	Vẽ TT Màu	07.50
740	KTS.00791	Lê Thanh	Tuyền	Nữ	10/09/98	1033	Vẽ TT Màu	07.00
741	KTS.00792	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	26/01/98	664	Vẽ TT Màu	08.00
742	KTS.00793	Đặng Thị Ngọc	Tú	Nữ	26/11/98	1561	Vẽ TT Màu	06.00
743	KTS.00794	Lê Bùi Anh	Tú	Nữ	16/02/98	1026	Vẽ TT Màu	06.00
744	KTS.00795	Nguyễn Trần Thanh	Tú		02/03/97	1644	Vẽ TT Màu	08.00
745	KTS.00796	Trương Nguyễn Thanh	Tùng		26/12/98	1116	Vẽ TT Màu	06.00
746	KTS.00797	Dương Thị Hồng	Tư	Nữ	25/09/98	1224	Vẽ TT Màu	05.50
747	KTS.00798	Trần Hồng	Tươi	Nữ	12/10/97	1528	Vẽ TT Màu	07.50
748	KTS.00799	Hoàng Phụng Khánh	Tường		20/11/96	121	Vẽ TT Màu	04.50
749	KTS.00800	Lưu Gia	Uyên	Nữ	14/01/98	469	Vẽ TT Màu	09.00
750	KTS.00801	Phan Vũ Ngọc	Uyên	Nữ	17/10/98	5555	Vẽ TT Màu	06.50
751	KTS.00802	Ngô Thái	Uyên	Nữ	12/04/98	866	Vẽ TT Màu	05.00
752	KTS.00803	Lê Phương	Uyên	Nữ	09/04/98	676	Vẽ TT Màu	06.00
753	KTS.00804	Bùi Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	09/11/98	1785	Vẽ TT Màu	08.00
754	KTS.00805	Trần Tú	Uyên	Nữ	24/12/97	1193	Vẽ TT Màu	07.00
755	KTS.00806	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	Nữ	03/02/98	5203	Vẽ TT Màu	08.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
756	KTS.00807	Nguyễn Ngọc	Phương Uyên	Nữ	02/08/98	869	Vẽ TT Màu	06.00
757	KTS.00808	Phạm Thị	Phương Uyên	Nữ	19/08/98	1153	Vẽ TT Màu	06.00
758	KTS.00809	Lê Thị	Phương Uyên	Nữ	13/11/97	343	Vẽ TT Màu	05.50
759	KTS.00810	Trần Thị	Tú Uyên	Nữ	01/06/98	1723	Vẽ TT Màu	08.50
760	KTS.00811	Nguyễn	Phương Uyên	Nữ	24/01/98	1669	Vẽ TT Màu	05.00
761	KTS.00812	Nguyễn Thị	Thục Uyên	Nữ	07/10/98	5554	Vẽ TT Màu	06.50
762	KTS.00813	Đoàn	Khánh Uyên	Nữ	21/10/98	5145	Vẽ TT Màu	08.00
763	KTS.00814	Cao	Phương Uyên	Nữ	23/07/97	805	Vẽ TT Màu	05.00
764	KTS.00815	Phạm Lại	Phương Uyên	Nữ	22/03/98	1278	Vẽ TT Màu	07.50
765	KTS.00816	Nguyễn Hoàng	Thu Uyên	Nữ	21/06/98	5230	Vẽ TT Màu	06.00
766	KTS.00817	Trần Thị	Kiều Vân	Nữ	14/02/98	422	Vẽ TT Màu	06.50
767	KTS.00818	Huỳnh Thị	Thanh Vân	Nữ	09/07/97	697	Vẽ TT Màu	05.00
768	KTS.00819	Phạm Thị	Vân	Nữ	14/02/98	994	Vẽ TT Màu	06.50
769	KTS.00820	Kiều	Bảo Vân	Nữ	10/07/98	649	Vẽ TT Màu	05.50
770	KTS.00821	Nguyễn Thị	Tường Vân	Nữ	03/11/98	5399	Vẽ TT Màu	08.50
771	KTS.00822	Nguyễn	Khánh Vân	Nữ	11/02/98	809	Vẽ TT Màu	06.50
772	KTS.00823	Nguyễn Thị	Thu Vân	Nữ	21/10/98	1284	Vẽ TT Màu	08.00
773	KTS.00824	Lưu	Bội Văn	Nữ	18/01/98	629	Vẽ TT Màu	06.50
774	KTS.00825	Trương Thị	Xuân Vi	Nữ	18/02/98	5253	Vẽ TT Màu	08.00
775	KTS.00826	Nguyễn Thị	Hà Vi	Nữ	13/10/98	1436	Vẽ TT Màu	05.00
776	KTS.00827	Lê	Phan Vi	Nữ	12/10/98	1093	Vẽ TT Màu	07.50
777	KTS.00828	Lương Hoàng	Việt		29/10/98	5110	Vẽ TT Màu	06.00
778	KTS.00829	Trịnh	Quốc Việt		02/05/98	132	Vẽ TT Màu	07.50
779	KTS.00830	Nguyễn	Văn Vin		30/05/96	1755	Vẽ TT Màu	05.00
780	KTS.00831	Phạm	Vũ		11/08/96	5270	Vẽ TT Màu	05.50
781	KTS.00832	Nguyễn Ngọc	Khánh Vy	Nữ	20/12/97	118	Vẽ TT Màu	08.00
782	KTS.00833	Hồ Thị	Thục Vy	Nữ	30/03/98	95	Vẽ TT Màu	09.00
783	KTS.00834	Cao	Tường Vy	Nữ	06/10/98	5066	Vẽ TT Màu	05.00
784	KTS.00835	Đinh Thị	Thanh Vy	Nữ	08/02/98	1054	Vẽ TT Màu	05.00
785	KTS.00836	Đinh Thị	Tường Vy	Nữ	31/03/98	807	Vẽ TT Màu	06.00
786	KTS.00837	Phạm Vũ	Lan Vy	Nữ	11/11/98	605	Vẽ TT Màu	08.00
787	KTS.00838	Phan Ngọc	Thanh Vy	Nữ	04/12/98	486	Vẽ TT Màu	05.00
788	KTS.00839	Trần Thị	Thúy Vy	Nữ	25/08/98	1204	Vẽ TT Màu	05.50
789	KTS.00840	Trần Thị	Phương Vy	Nữ	01/11/98	1490	Vẽ TT Màu	05.00
790	KTS.00841	Lưu Huỳnh	Tường Vy	Nữ	06/03/97	928	Vẽ TT Màu	04.50
791	KTS.00843	Đặng	Thúy Vy	Nữ	27/02/96	944	Vẽ TT Màu	05.50
792	KTS.00844	Lâm	Nhã Vy	Nữ	24/06/97	223	Vẽ TT Màu	07.50
793	KTS.00845	Nguyễn	Thái Vy	Nữ	08/11/98	429	Vẽ TT Màu	06.00
794	KTS.00846	Võ Phạm	Thảo Vy	Nữ	22/07/98	5484	Vẽ TT Màu	07.00
795	KTS.00847	Nguyễn	Trường Vy	Nữ	16/09/98	5380	Vẽ TT Màu	05.50
796	KTS.00848	Nguyễn Thị	Tường Vy	Nữ	10/11/98	5512	Vẽ TT Màu	08.50
797	KTS.00849	Lâm	Thúy Vy	Nữ	14/03/98	1082	Vẽ TT Màu	08.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
798	KTS.00850	Nguyễn Trần Khánh	Vy	Nữ	05/11/98	747	Vẽ TT Màu	06.00
799	KTS.00851	Trương ái	Vy	Nữ	31/01/98	1025	Vẽ TT Màu	06.00
800	KTS.00852	Nguyễn Lê Nhất	Vy	Nữ	28/06/98	307	Vẽ TT Màu	05.00
801	KTS.00853	Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	20/09/98	190	Vẽ TT Màu	08.50
802	KTS.00854	Tạ Quốc	Vỹ		11/12/98	1743	Vẽ TT Màu	04.00
803	KTS.00855	Đặng Kiều	Vỹ		04/11/97	973	Vẽ TT Màu	03.50
804	KTS.00856	Trần Phạm Hương	Xuân	Nữ	27/01/98	1083	Vẽ TT Màu	04.50
805	KTS.00858	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	08/12/98	667	Vẽ TT Màu	06.50
806	KTS.00859	Mai Thanh	Xuân	Nữ	19/09/95	1739	Vẽ TT Màu	06.50
807	KTS.00860	Mai Hồng	Xuân	Nữ	31/01/97	288	Vẽ TT Màu	08.00
808	KTS.00861	Võ Thị Kim	Xuyến	Nữ	09/02/98	724	Vẽ TT Màu	05.50
809	KTS.00862	Trang Hồng Bảo	Yên	Nữ	23/01/97	1657	Vẽ TT Màu	05.50
810	KTS.00863	Nguyễn Hoàng	Yên	Nữ	08/12/98	5021	Vẽ TT Màu	04.50
811	KTS.00864	Trần Huỳnh Phi	Yên	Nữ	15/10/98	712	Vẽ TT Màu	04.50
812	KTS.00865	Nguyễn Lê Hải	Yên	Nữ	01/11/97	310	Vẽ TT Màu	06.00
813	KTS.00866	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	20/06/98	1650	Vẽ TT Màu	03.50
814	KTS.00867	Trần Thị Yên	Yên	Nữ	05/07/98	5562	Vẽ TT Màu	08.00
815	KTS.00868	Đặng Bảo	Yên	Nữ	10/12/98	1221	Vẽ TT Màu	07.50
816	KTS.00869	Nguyễn Thị Hồng	Yên	Nữ	05/05/98	5297	Vẽ TT Màu	05.50
817	KTS.00870	Nguyễn Như	ý	Nữ	25/10/98	625	Vẽ TT Màu	06.00
818	KTS.00871	Nguyễn Thị Như	ý	Nữ	23/05/98	199	Vẽ TT Màu	03.50
819	KTS.00872	Lê Vũ Hồng	ý	Nữ	22/11/98	5354	Vẽ TT Màu	06.00
820	KTS.02053	Nguyễn Trần Nhật	Thụy	Nữ	22/02/98	1793	Vẽ TT Màu	06.50
821	KTS.00842	Huỳnh Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	13/10/98	1598	Vẽ Mỹ thuật	08.00
822	KTS.00873	Biện Thị Thùy	Trang	Nữ	22/03/98	5526	Vẽ Mỹ thuật	05.00
823	KTS.00874	Lê Huỳnh Khánh	An		11/11/98	765	Vẽ Mỹ thuật	06.00
824	KTS.00875	Nguyễn Duy	An		15/09/98	1545	Vẽ Mỹ thuật	06.50
825	KTS.00876	Đặng Thái	An	Nữ	01/01/98	5370	Vẽ Mỹ thuật	03.50
826	KTS.00877	Đỗ Nhược	An	Nữ	23/09/98	345	Vẽ Mỹ thuật	06.00
827	KTS.00878	Lê Hoàng Thái	An		08/09/98	1396	Vẽ Mỹ thuật	03.50
828	KTS.00879	Nguyễn Đông	An		13/10/98	1622	Vẽ Mỹ thuật	05.00
829	KTS.00880	Nguyễn Hoàng	An		21/01/97	1031	Vẽ Mỹ thuật	05.50
830	KTS.00881	Phạm Thị Thúy	An	Nữ	03/03/97	1172	Vẽ Mỹ thuật	08.00
831	KTS.00882	Vũ Nguyễn Bảo	An	Nữ	20/09/98	5288	Vẽ Mỹ thuật	06.00
832	KTS.00883	Phan Ngọc	An		16/09/98	159	Vẽ Mỹ thuật	07.00
833	KTS.00884	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	25/02/95	141	Vẽ Mỹ thuật	06.50
834	KTS.00885	Nguyễn Phúc	An	Nữ	16/04/96	36	Vẽ Mỹ thuật	06.00
835	KTS.00886	Nguyễn Thị	An	Nữ	02/01/97	342	Vẽ Mỹ thuật	07.50
836	KTS.00887	La Thanh	An		25/03/98	195	Vẽ Mỹ thuật	07.00
837	KTS.00888	Nguyễn Song Vân	An	Nữ	29/08/93	1498	Vẽ Mỹ thuật	08.00
838	KTS.00889	Bùi Lê Thy	An	Nữ	28/05/98	453	Vẽ Mỹ thuật	06.00
839	KTS.00890	Võ Hoàng Phương	An	Nữ	13/12/98	77	Vẽ Mỹ thuật	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
840	KTS.00891	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	05/07/98	533	Vẽ Mỹ thuật	06.00
841	KTS.00892	Đoàn Nguyên	Anh		16/01/98	922	Vẽ Mỹ thuật	06.50
842	KTS.00893	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	Nữ	30/04/98	37	Vẽ Mỹ thuật	05.00
843	KTS.00894	Quách Thị Kim	Anh	Nữ	10/11/98	5248	Vẽ Mỹ thuật	06.00
844	KTS.00895	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	17/04/98	769	Vẽ Mỹ thuật	07.00
845	KTS.00896	Trương Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	16/01/98	271	Vẽ Mỹ thuật	08.00
846	KTS.00897	Trần Thế	Anh		22/02/96	259	Vẽ Mỹ thuật	06.50
847	KTS.00898	Nguyễn Tuấn	Anh		20/11/98	5138	Vẽ Mỹ thuật	07.00
848	KTS.00899	Nguyễn Vũ Ngọc	Anh	Nữ	27/08/98	430	Vẽ Mỹ thuật	06.50
849	KTS.00901	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	21/01/98	785	Vẽ Mỹ thuật	08.00
850	KTS.00902	Trần Vân	Anh	Nữ	27/01/97	194	Vẽ Mỹ thuật	06.50
851	KTS.00903	Lương Hoàng Minh	Anh	Nữ	19/09/98	5159	Vẽ Mỹ thuật	06.00
852	KTS.00904	Nguyễn Tấn Đạt	Anh		17/02/97	736	Vẽ Mỹ thuật	05.00
853	KTS.00905	Đặng Vân	Anh	Nữ	12/08/98	573	Vẽ Mỹ thuật	03.00
854	KTS.00906	Bùi Hữu	Anh		20/03/97	227	Vẽ Mỹ thuật	08.50
855	KTS.00907	Võ Tuấn	Anh		18/01/98	569	Vẽ Mỹ thuật	05.00
856	KTS.00908	Nguyễn Lương Ngọc	Anh	Nữ	10/03/98	5279	Vẽ Mỹ thuật	08.50
857	KTS.00909	Văn Trần Trâm	Anh	Nữ	14/10/98	484	Vẽ Mỹ thuật	03.50
858	KTS.00910	Hồ Nguyễn Minh	Anh	Nữ	17/10/98	591	Vẽ Mỹ thuật	04.00
859	KTS.00911	Lê Minh	Anh	Nữ	29/01/98	827	Vẽ Mỹ thuật	06.00
860	KTS.00912	Lâm Quỳnh	Anh	Nữ	21/08/90	189	Vẽ Mỹ thuật	06.00
861	KTS.00913	Nguyễn Tuấn	Anh		05/06/96	1324	Vẽ Mỹ thuật	06.00
862	KTS.00914	Trần Ngọc Khang	Anh	Nữ	13/08/98	5317	Vẽ Mỹ thuật	06.00
863	KTS.00915	Nguyễn Trần Nam	Anh	Nữ	06/01/98	1323	Vẽ Mỹ thuật	07.50
864	KTS.00916	Nguyễn Tuấn	Anh		02/01/98	1251	Vẽ Mỹ thuật	05.50
865	KTS.00917	Phan Minh	Anh		25/08/98	1592	Vẽ Mỹ thuật	04.00
866	KTS.00918	Vũ Tô Ngọc	Anh	Nữ	10/10/97	1219	Vẽ Mỹ thuật	02.50
867	KTS.00919	Trần Thị Châu	Anh	Nữ	15/09/98	1671	Vẽ Mỹ thuật	03.50
868	KTS.00920	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	04/02/98	5374	Vẽ Mỹ thuật	04.00
869	KTS.00921	Võ Nhật Hán	Anh		17/04/98	5411	Vẽ Mỹ thuật	06.50
870	KTS.00922	Nguyễn Phúc Hoàng	Anh	Nữ	18/08/97	1496	Vẽ Mỹ thuật	03.50
871	KTS.00923	Trương Ngọc Vân	Anh	Nữ	22/04/98	1149	Vẽ Mỹ thuật	07.50
872	KTS.00924	Huỳnh Nhật	Anh	Nữ	13/04/98	5401	Vẽ Mỹ thuật	07.00
873	KTS.00925	Lê Thị Hoàng	Anh	Nữ	22/09/98	1499	Vẽ Mỹ thuật	03.00
874	KTS.00926	Đỗ Nguyễn Phương	Anh	Nữ	09/01/98	1292	Vẽ Mỹ thuật	06.50
875	KTS.00927	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	05/05/98	1148	Vẽ Mỹ thuật	06.00
876	KTS.00928	Trần Đức	Anh		26/02/98	5550	Vẽ Mỹ thuật	03.50
877	KTS.00929	Nguyễn Quỳnh Lan	Anh	Nữ	18/07/98	5551	Vẽ Mỹ thuật	05.50
878	KTS.00930	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	02/05/98	5582	Vẽ Mỹ thuật	05.00
879	KTS.00931	Nguyễn Đức	Anh		15/08/98	5305	Vẽ Mỹ thuật	07.50
880	KTS.00932	Đỗ Lan	Anh	Nữ	25/10/98	1070	Vẽ Mỹ thuật	03.00
881	KTS.00934	Trần Bảo	Anh	Nữ	09/01/98	5405	Vẽ Mỹ thuật	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
882	KTS.00935	Trần Nhân	ái		28/10/96	5320	Vẽ Mỹ thuật	02.00
883	KTS.00936	Ngô Thị Thúy	ái	Nữ	26/11/98	725	Vẽ Mỹ thuật	06.00
884	KTS.00937	Châu Lý Nguyệt	ái	Nữ	21/11/98	5537	Vẽ Mỹ thuật	07.50
885	KTS.00939	Nguyễn Thị Nguyệt	ánh	Nữ	12/08/98	5349	Vẽ Mỹ thuật	06.00
886	KTS.00940	Lê Thị Hồng	ánh	Nữ	03/03/98	5425	Vẽ Mỹ thuật	05.00
887	KTS.00942	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Nữ	04/09/98	5483	Vẽ Mỹ thuật	05.00
888	KTS.00943	Hoàng Thị Ngọc	ánh	Nữ	21/03/98	685	Vẽ Mỹ thuật	07.00
889	KTS.00944	Phan Văn	ấn		22/06/98	878	Vẽ Mỹ thuật	07.50
890	KTS.00945	Hồ Ngọc	Ân	Nữ	08/11/98	127	Vẽ Mỹ thuật	06.00
891	KTS.00946	Huỳnh Gia	Ân	Nữ	12/03/98	5016	Vẽ Mỹ thuật	03.50
892	KTS.00947	Trần Duy	Ân		31/03/98	5442	Vẽ Mỹ thuật	03.50
893	KTS.00948	Hoàng Bảo	Ân		17/10/98	711	Vẽ Mỹ thuật	07.00
894	KTS.00949	Lê Ngọc	Ân	Nữ	05/09/98	1781	Vẽ Mỹ thuật	03.50
895	KTS.00950	Lê Ngọc Thiên	Ân	Nữ	01/02/98	531	Vẽ Mỹ thuật	08.50
896	KTS.00951	Lê Hoàng Thiên	Ân		28/12/98	1721	Vẽ Mỹ thuật	03.00
897	KTS.00953	Lương Hữu	Bang		20/10/98	218	Vẽ Mỹ thuật	08.00
898	KTS.00954	Lý	Bách		31/12/97	11	Vẽ Mỹ thuật	06.50
899	KTS.00955	Châu Hoài	Bảo		05/04/97	1695	Vẽ Mỹ thuật	06.00
900	KTS.00956	Đỗ Nguyên Quốc	Bảo		09/08/98	5312	Vẽ Mỹ thuật	07.50
901	KTS.00957	Nguyễn Gia	Bảo		06/02/98	154	Vẽ Mỹ thuật	06.00
902	KTS.00958	Nguyễn Gia	Bảo		12/11/96	1630	Vẽ Mỹ thuật	07.00
903	KTS.00959	Ông Thục	Bảo	Nữ	23/01/98	634	Vẽ Mỹ thuật	05.00
904	KTS.00960	Đinh Thế	Bảo		18/02/97	404	Vẽ Mỹ thuật	08.50
905	KTS.00961	Lê Trần Gia	Bảo		15/03/98	1071	Vẽ Mỹ thuật	05.50
906	KTS.00962	Nguyễn Quốc Quang	Bảo		21/10/97	396	Vẽ Mỹ thuật	07.50
907	KTS.00963	Trần Tấn	Bảo		03/07/98	1668	Vẽ Mỹ thuật	07.00
908	KTS.00964	Đỗ Trần Gia	Bảo		19/10/97	276	Vẽ Mỹ thuật	07.50
909	KTS.00965	Kha Hoàng	Bảo		07/05/97	1273	Vẽ Mỹ thuật	09.00
910	KTS.00966	Nguyễn Đức	Bảo		10/05/97	55	Vẽ Mỹ thuật	07.00
911	KTS.00967	Phạm Nguyên	Bảo		14/01/98	1336	Vẽ Mỹ thuật	03.50
912	KTS.00968	Hoàng Gia	Bảo		19/01/98	5489	Vẽ Mỹ thuật	07.00
913	KTS.00969	Nguyễn Phạm Đức	Bảo		20/05/98	47	Vẽ Mỹ thuật	06.00
914	KTS.00970	Võ Ngọc	Bảo		18/11/98	937	Vẽ Mỹ thuật	08.00
915	KTS.00971	Lê Quốc	Bảo		20/10/98	5235	Vẽ Mỹ thuật	06.50
916	KTS.00972	Huỳnh Tông	Bảo		21/10/98	5200	Vẽ Mỹ thuật	03.50
917	KTS.00973	Nguyễn Minh	Bảo		28/06/96	972	Vẽ Mỹ thuật	08.50
918	KTS.00974	Văn Ngọc Nhất	Bảo		01/08/98	5347	Vẽ Mỹ thuật	07.50
919	KTS.00975	Khuru Khiết	Băng	Nữ	01/04/97	1774	Vẽ Mỹ thuật	05.00
920	KTS.00976	Quách Tiểu	Băng	Nữ	13/05/98	1635	Vẽ Mỹ thuật	07.00
921	KTS.00977	Lưu Phú	Bình		14/03/97	5086	Vẽ Mỹ thuật	05.00
922	KTS.00978	Đinh Nho	Bình		02/12/97	1173	Vẽ Mỹ thuật	06.00
923	KTS.00979	Nguyễn Thanh	Bình		06/02/98	880	Vẽ Mỹ thuật	03.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
924	KTS.00980	Phạm Hoàng Thanh	Bình		13/12/97	1309	Vẽ Mỹ thuật	03.00
925	KTS.00981	Trần Thị Thanh	Bình	Nữ	27/08/98	5046	Vẽ Mỹ thuật	07.50
926	KTS.00982	Nguyễn Thanh	Bình		10/09/91	977	Vẽ Mỹ thuật	07.50
927	KTS.00983	Lê Thị Thanh	Bình	Nữ	15/12/98	1604	Vẽ Mỹ thuật	06.00
928	KTS.00984	Lý Thị	Bình	Nữ	15/02/98	462	Vẽ Mỹ thuật	07.50
929	KTS.00985	Trần Thanh	Bình		28/05/98	456	Vẽ Mỹ thuật	06.00
930	KTS.00986	Nguyễn Xuân	Bền		16/10/98	852	Vẽ Mỹ thuật	07.00
931	KTS.00987	Nguyễn Văn	Bút		22/02/98	1253	Vẽ Mỹ thuật	04.00
932	KTS.00988	Trần Ngọc	Bửu		03/05/98	5143	Vẽ Mỹ thuật	06.00
933	KTS.00989	Lê Văn	Cao		08/06/98	5245	Vẽ Mỹ thuật	07.50
934	KTS.00990	Lý Đông	Cảnh		26/02/98	1663	Vẽ Mỹ thuật	03.00
935	KTS.00991	Nguyễn Ngọc Bình	Chánh	Nữ	01/07/98	269	Vẽ Mỹ thuật	06.00
936	KTS.00992	Lưu Vị	Chân	Nữ	18/05/98	83	Vẽ Mỹ thuật	06.00
937	KTS.00993	Bùi Quốc Minh	Châu	Nữ	25/11/98	5499	Vẽ Mỹ thuật	09.00
938	KTS.00994	Trần Hoài	Châu	Nữ	22/05/95	177	Vẽ Mỹ thuật	08.50
939	KTS.00995	Phạm Ngọc Bảo	Châu	Nữ	17/05/98	683	Vẽ Mỹ thuật	06.00
940	KTS.00996	Hồ Thanh	Châu		20/11/98	5274	Vẽ Mỹ thuật	07.50
941	KTS.00997	Nguyễn Thị Kim	Châu	Nữ	12/09/98	5233	Vẽ Mỹ thuật	06.00
942	KTS.00998	Trần Ngọc	Châu		26/08/98	517	Vẽ Mỹ thuật	07.00
943	KTS.00999	Nguyễn Ngọc	Châu		09/02/97	1087	Vẽ Mỹ thuật	07.50
944	KTS.01000	Lê Thị Lệ	Chi	Nữ	26/08/98	5360	Vẽ Mỹ thuật	03.00
945	KTS.01001	Tạ Thị Linh	Chi	Nữ	16/12/98	1487	Vẽ Mỹ thuật	07.50
946	KTS.01002	Huỳnh Thị Kim	Chi	Nữ	05/01/98	5585	Vẽ Mỹ thuật	05.50
947	KTS.01003	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	28/05/98	913	Vẽ Mỹ thuật	09.50
948	KTS.01004	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	29/07/98	1730	Vẽ Mỹ thuật	02.50
949	KTS.01005	Lê Thanh Yên	Chi	Nữ	07/07/98	1	Vẽ Mỹ thuật	07.00
950	KTS.01006	Đào Ngọc Mai	Chi	Nữ	29/05/98	225	Vẽ Mỹ thuật	06.00
951	KTS.01007	Vũ Đình Diễm	Chi	Nữ	27/09/97	677	Vẽ Mỹ thuật	06.00
952	KTS.01008	Võ Ngọc Khánh	Chi	Nữ	06/09/98	53	Vẽ Mỹ thuật	06.50
953	KTS.01009	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	13/03/98	1771	Vẽ Mỹ thuật	05.50
954	KTS.01010	Nguyễn Triền	Chiêu		30/05/98	1234	Vẽ Mỹ thuật	07.00
955	KTS.01012	Võ Thiện	Chiến		11/01/98	1590	Vẽ Mỹ thuật	07.50
956	KTS.01013	Nguyễn Trường	Chinh		11/11/98	1553	Vẽ Mỹ thuật	03.50
957	KTS.01014	Nguyễn Ngọc Kiều	Chinh	Nữ	05/11/98	787	Vẽ Mỹ thuật	07.00
958	KTS.01015	Đỗ Thị	Chinh	Nữ	14/03/98	5509	Vẽ Mỹ thuật	05.00
959	KTS.01016	Bùi Thị Như	Chinh	Nữ	20/02/98	5406	Vẽ Mỹ thuật	08.00
960	KTS.01017	Võ Đình	Chon		14/06/98	645	Vẽ Mỹ thuật	03.00
961	KTS.01018	Lê Tấn	Chung		16/05/97	705	Vẽ Mỹ thuật	08.00
962	KTS.01019	Nguyễn Vũ Hoàng	Chương		13/04/98	1266	Vẽ Mỹ thuật	05.50
963	KTS.01020	Nguyễn Nho Kiều	Chương		19/02/98	5081	Vẽ Mỹ thuật	09.00
964	KTS.01021	Đỗ Thế	Công		08/04/98	5217	Vẽ Mỹ thuật	06.00
965	KTS.01022	Phạm Minh	Công		02/05/97	1319	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
966	KTS.01023	Cao Thị Xuân	Cúc	Nữ	02/04/98	5434	Vẽ Mỹ thuật	06.00
967	KTS.01026	Lê Tiểu	Cường		16/06/88	284	Vẽ Mỹ thuật	03.50
968	KTS.01027	Đoàn Chí	Cường		23/06/96	1283	Vẽ Mỹ thuật	04.00
969	KTS.01028	Nguyễn Kiên	Cường		27/10/98	366	Vẽ Mỹ thuật	08.00
970	KTS.01029	Đinh Phú	Cường		20/11/96	274	Vẽ Mỹ thuật	03.00
971	KTS.01030	Võ Đình	Cường		25/11/98	1696	Vẽ Mỹ thuật	04.00
972	KTS.01031	Nguyễn Duy	Cường		20/12/98	1140	Vẽ Mỹ thuật	07.50
973	KTS.01032	Võ Thành	Danh		08/05/98	1092	Vẽ Mỹ thuật	07.50
974	KTS.01033	Lợi Kiêm Xuân	Danh		25/01/98	1711	Vẽ Mỹ thuật	06.50
975	KTS.01034	Trần Bảo	Danh		14/08/98	1783	Vẽ Mỹ thuật	07.50
976	KTS.01035	Dương Dục	Dân		03/05/98	1518	Vẽ Mỹ thuật	06.00
977	KTS.01036	Phan Cao Ngọc	Di		26/08/98	499	Vẽ Mỹ thuật	08.00
978	KTS.01037	Võ Lê	Diêu		03/08/98	483	Vẽ Mỹ thuật	04.00
979	KTS.01038	Nguyễn Thị Hoàng	Diễm	Nữ	25/07/94	1500	Vẽ Mỹ thuật	06.50
980	KTS.01039	Huỳnh Ngọc	Diễm	Nữ	30/03/98	399	Vẽ Mỹ thuật	06.50
981	KTS.01040	Kiều Thị	Diễm	Nữ	26/01/98	1602	Vẽ Mỹ thuật	02.50
982	KTS.01041	Võ Thị Ngọc	Diễm	Nữ	01/01/98	1250	Vẽ Mỹ thuật	06.00
983	KTS.01042	Phạm Thị ánh	Diệu	Nữ	25/01/98	600	Vẽ Mỹ thuật	07.00
984	KTS.01043	Ngô Thơ	Đinh	Nữ	13/07/98	392	Vẽ Mỹ thuật	06.00
985	KTS.01044	Lê Thị Thanh	Dung	Nữ	29/08/96	577	Vẽ Mỹ thuật	06.00
986	KTS.01045	Nguyễn Trần Khánh	Dung	Nữ	25/02/98	174	Vẽ Mỹ thuật	08.50
987	KTS.01046	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	03/08/98	833	Vẽ Mỹ thuật	07.00
988	KTS.01047	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	11/02/97	1228	Vẽ Mỹ thuật	05.50
989	KTS.01048	Nguyễn Quốc	Dung	Nữ	08/10/97	75	Vẽ Mỹ thuật	07.00
990	KTS.01049	Huỳnh Thị Kim	Dung	Nữ	29/12/97	1256	Vẽ Mỹ thuật	06.00
991	KTS.01050	Nguyễn Cao Đình	Duy		31/01/98	419	Vẽ Mỹ thuật	07.50
992	KTS.01051	Nguyễn Minh	Duy		25/11/98	224	Vẽ Mỹ thuật	06.00
993	KTS.01052	Lê Đình	Duy		18/04/97	5090	Vẽ Mỹ thuật	08.00
994	KTS.01053	Nguyễn Hoàng Minh	Duy	Nữ	15/10/98	178	Vẽ Mỹ thuật	06.00
995	KTS.01054	Phan Đức	Duy		24/01/98	5052	Vẽ Mỹ thuật	07.50
996	KTS.01055	Phạm Quốc	Duy		24/11/98	19	Vẽ Mỹ thuật	07.50
997	KTS.01056	Nguyễn Khánh	Duy		16/10/98	425	Vẽ Mỹ thuật	07.50
998	KTS.01057	Nguyễn Thành	Duy		10/09/98	719	Vẽ Mỹ thuật	07.50
999	KTS.01058	La Hoàng	Duy		27/03/98	60	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1000	KTS.01060	Hồ Quốc	Duy		16/10/98	1653	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1001	KTS.01061	Nguyễn Minh	Duy		18/04/98	5459	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1002	KTS.01062	Nguyễn Huỳnh	Duy		01/03/98	214	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1003	KTS.01063	Huỳnh	Duy		11/02/94	32	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1004	KTS.01064	Trần Công	Duy		30/05/98	112	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1005	KTS.01065	Huỳnh Thanh	Duy		23/02/98	761	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1006	KTS.01066	Mai Khánh	Duy		10/02/98	1462	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1007	KTS.01067	Đặng Vũ Khánh	Duy		13/06/98	896	Vẽ Mỹ thuật	05.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1008	KTS.01068	Trần Đỗ Anh	Duy		22/11/98	1329	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1009	KTS.01069	Phạm Hải	Duy		01/10/98	903	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1010	KTS.01070	Hồ Ngọc Lê	Duy		29/08/97	1056	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1011	KTS.01071	Vũ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	07/07/98	149	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1012	KTS.01072	Phan Thị	Duyên	Nữ	04/09/98	707	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1013	KTS.01073	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	06/08/98	5176	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1014	KTS.01074	Phạm Thùy	Duyên	Nữ	21/04/98	1397	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1015	KTS.01075	Võ Thị Bích	Duyên	Nữ	20/08/97	5586	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1016	KTS.01076	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	17/01/98	1421	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1017	KTS.01077	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	03/04/98	5468	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1018	KTS.01078	Mai Nguyễn Phước	Duyên	Nữ	27/02/98	5250	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1019	KTS.01079	Nguyễn Thanh	Duyệt		29/08/98	5451	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1020	KTS.01080	Trần Ngọc	Dũng		06/03/98	659	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1021	KTS.01081	Trịnh Trí	Dũng		14/07/98	912	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1022	KTS.01082	Nguyễn Tấn Quốc	Dũng		13/01/98	1344	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1023	KTS.01083	Đặng Văn	Dũng		26/04/98	5228	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1024	KTS.01084	Nguyễn Hữu	Dũng		07/02/96	565	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1025	KTS.01085	Lê Anh	Dũng		19/08/97	5221	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1026	KTS.01086	Phạm Hoàng Quốc	Dũng		16/03/97	1613	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1027	KTS.01087	Nguyễn Anh	Dũng		09/12/98	472	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1028	KTS.01088	Nguyễn Tiến	Dũng		22/06/95	981	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1029	KTS.01089	Bùi Văn	Dư		26/03/98	485	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1030	KTS.01090	Lê Thị Hải	Dương	Nữ	08/05/98	5367	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1031	KTS.01091	Lê Thùy	Dương	Nữ	13/01/97	242	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1032	KTS.01092	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	19/01/98	148	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1033	KTS.01093	Lê Hải	Dương	Nữ	30/09/98	816	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1034	KTS.01094	Đậu Đức	Dương		18/10/98	1385	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1035	KTS.01096	Phan Thanh Thùy	Dương	Nữ	10/02/98	1217	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1036	KTS.01097	Huỳnh Thanh	Đam		26/02/98	1269	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1037	KTS.01098	Trần Duy Linh	Đan	Nữ	12/06/98	1277	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1038	KTS.01099	Nguyễn Ngọc	Đàm		24/02/98	5608	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1039	KTS.01101	Mai Thị Hồng	Đào	Nữ	29/12/97	700	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1040	KTS.01102	Phạm Hoa Anh	Đào	Nữ	02/01/98	172	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1041	KTS.01103	Nguyễn Đình	Đại		26/01/98	380	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1042	KTS.01104	Bùi Quốc	Đại		16/08/98	5195	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1043	KTS.01105	Vì Quang	Đại		10/03/93	540	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1044	KTS.01106	Thiều Lưu Hoàng Bảo	Đại		01/11/98	5429	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1045	KTS.01107	Nguyễn Danh	Đại		12/11/98	1633	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1046	KTS.01108	Nguyễn Thành	Đạt		24/09/98	296	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1047	KTS.01109	Nguyễn Tấn	Đạt		06/07/98	160	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1048	KTS.01110	Phùng Quân	Đạt		29/01/97	13	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1049	KTS.01111	Nguyễn Tiến	Đạt		01/09/98	232	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1050	KTS.01112	Nguyễn Hồng	Đạt		08/10/98	298	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1051	KTS.01113	Nguyễn Quốc	Đạt		21/08/98	800	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1052	KTS.01114	Nguyễn Thành	Đạt		10/10/98	1600	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1053	KTS.01115	Đỗ Tiến Thành	Đạt		19/07/98	1211	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1054	KTS.01116	Trần Chí	Đạt		29/06/98	5080	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1055	KTS.01117	Huỳnh Thành	Đạt		17/10/98	5394	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1056	KTS.01118	Trương Đức	Đạt		18/01/98	1215	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1057	KTS.01119	Đinh Bảo	Đạt		15/02/98	1318	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1058	KTS.01120	Phạm Quốc	Đạt		15/03/97	1735	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1059	KTS.01121	Lâm Hoàng	Đạt		28/08/98	5343	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1060	KTS.01122	Vô Tín	Đạt		06/09/98	1508	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1061	KTS.01123	Nguyễn Tấn	Đạt		29/09/98	1298	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1062	KTS.01124	Trương Dương Thành	Đạt		06/03/98	5393	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1063	KTS.01125	Hồng Hải	Đăng		22/04/98	1471	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1064	KTS.01126	Trần Đặng Kha	Đăng		03/10/97	117	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1065	KTS.01128	Vũ Hải	Đăng		16/12/97	1002	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1066	KTS.01129	Nguyễn Vũ Hải	Đăng		14/10/97	1539	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1067	KTS.01130	Nguyễn Dương	Điểm		23/06/98	64	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1068	KTS.01131	Huỳnh Phương	Điền		16/02/90	5511	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1069	KTS.01132	Lê Xuân	Điền		24/01/98	441	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1070	KTS.01133	Lý Hồng Đình	Đình	Nữ	22/12/98	360	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1071	KTS.01134	Nguyễn Thục	Đoan	Nữ	28/08/95	1376	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1072	KTS.01135	Lê Thị Hiền	Đoan	Nữ	11/06/98	819	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1073	KTS.01136	Huỳnh Châu	Đoan	Nữ	15/07/98	5067	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1074	KTS.01137	Trương Thục	Đoan	Nữ	25/08/98	621	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1075	KTS.01139	Nguyễn Quốc	Đoàn		14/02/98	447	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1076	KTS.01140	Nguyễn Công	Đoàn		02/03/96	694	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1077	KTS.01141	Nguyễn Thành	Đô		10/03/98	1039	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1078	KTS.01142	Trần Hoàng	Đông		30/01/98	459	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1079	KTS.01143	Trần Hữu	Đông		25/09/97	5063	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1080	KTS.01144	Đặng Nguyễn	Đông		16/03/98	759	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1081	KTS.01145	Đỗ Nguyễn Long	Đon		28/01/98	5507	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1082	KTS.01146	Trần Lưu	Đức		04/10/98	5263	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1083	KTS.01147	Vô Hà Minh	Đức		12/01/98	407	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1084	KTS.01148	Hồng Thiện	Đức		01/10/98	5033	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1085	KTS.01149	Nguyễn Anh	Đức		05/07/97	679	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1086	KTS.01150	Nguyễn Minh	Đức		14/07/98	5291	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1087	KTS.01151	Tô Trọng	Đức		28/05/98	579	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1088	KTS.01152	Nguyễn Minh	Đức		09/07/97	115	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1089	KTS.01153	Phạm Minh	Đức		17/04/98	5533	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1090	KTS.01154	Nguyễn Ngọc	Đức		12/04/93	1523	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1091	KTS.01155	Hồ Sỹ	Đức		20/02/98	5481	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1092	KTS.01156	Trần Trung	Đức		19/01/98	1160	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1093	KTS.01157	Huỳnh	Đức		10/05/98	1435	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1094	KTS.01158	Lê Hoàng	Đức		07/11/98	1606	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1095	KTS.01159	Nguyễn Hiếu	Đức		12/06/98	1008	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1096	KTS.01160	Nguyễn Thiện	Đức		02/09/98	5580	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1097	KTS.01161	Hà Huy	Đức		22/06/98	1558	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1098	KTS.01162	Nguyễn Văn	Đức		24/11/98	1643	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1099	KTS.01163	Nguyễn Tuấn	Em		22/07/97	828	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1100	KTS.01164	Lê Cao Hương	Giang	Nữ	12/10/98	219	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1101	KTS.01165	Nguyễn Thị Kim	Giang	Nữ	22/08/98	5432	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1102	KTS.01166	Lâm Phước	Giang		15/01/98	526	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1103	KTS.01167	Nguyễn Minh	Giang	Nữ	11/02/98	5352	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1104	KTS.01168	Phạm Châu	Giang	Nữ	26/12/97	862	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1105	KTS.01169	Nguyễn Trường	Giang		14/04/98	363	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1106	KTS.01170	Đoàn Kiều	Giang	Nữ	02/04/91	991	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1107	KTS.01171	Hà Thị Hương	Giang	Nữ	02/08/98	657	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1108	KTS.01172	Lương Đăng Quỳnh	Giao	Nữ	25/11/98	50	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1109	KTS.01173	Lê Thị Ngọc	Giàu	Nữ	07/02/97	1634	Vẽ Mỹ thuật	02.00
1110	KTS.01174	Lê Văn	Hà		02/02/98	333	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1111	KTS.01175	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/04/98	5378	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1112	KTS.01176	Trần Đình	Hà		20/06/98	1356	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1113	KTS.01177	Phạm Thị Ngọc	Hà	Nữ	25/01/98	369	Vẽ Mỹ thuật	09.00
1114	KTS.01178	Vũ Lý Hoàng	Hà	Nữ	18/11/98	5350	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1115	KTS.01179	Tạ Thanh	Hà	Nữ	21/10/98	1247	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1116	KTS.01180	Bùi Thị Ngọc	Hà	Nữ	12/05/91	1603	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1117	KTS.01181	Nguyễn Ngọc Thu	Hà	Nữ	25/11/98	1300	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1118	KTS.01182	Phan Ngọc Bảo	Hà	Nữ	01/01/94	5058	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1119	KTS.01183	Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	31/07/98	665	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1120	KTS.01184	Đỗ Du	Hào		20/02/98	1605	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1121	KTS.01185	Nguyễn Nhật	Hào		21/12/98	5128	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1122	KTS.01186	Đỗ Anh	Hào		27/05/98	5161	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1123	KTS.01187	Ngô Nhật	Hào		14/08/98	962	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1124	KTS.01188	Tạ Thị	Hải	Nữ	18/02/98	5122	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1125	KTS.01189	Huỳnh Chí	Hải		07/07/98	375	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1126	KTS.01190	Nguyễn Hoàng	Hải		21/12/97	794	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1127	KTS.01191	Phan Ngọc	Hải		16/09/98	542	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1128	KTS.01192	Nguyễn Ngọc	Hải		17/06/97	5430	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1129	KTS.01193	Hồ Đông	Hải		27/06/98	1772	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1130	KTS.01194	Nguyễn Văn	Hải		03/01/98	5536	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1131	KTS.01195	Lê Văn	Hải		26/12/98	1458	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1132	KTS.01196	Trương Thị Mỹ	Hảo	Nữ	18/02/98	1749	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1133	KTS.01197	Trần Thị Thu	Hảo	Nữ	09/01/98	1388	Vẽ Mỹ thuật	03.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1134	KTS.01198	Lê Hoàng Tú	Hào	Nữ	26/02/98	5049	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1135	KTS.01199	Hồ Lê Huỳnh Hoa	Hạ	Nữ	04/01/98	956	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1136	KTS.01200	Nguyễn Thị Kim	Hạ	Nữ	19/10/97	5593	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1137	KTS.01201	Trần Thị Bảo	Hạ	Nữ	06/06/96	325	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1138	KTS.01203	Lê Hồng Nguyên	Hạnh	Nữ	01/02/98	5438	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1139	KTS.01204	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/12/96	670	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1140	KTS.01205	Ngô Đông	Hạnh	Nữ	22/01/98	1095	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1141	KTS.01206	Nguyễn Văn	Hân		05/05/97	735	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1142	KTS.01207	Nguyễn Thụy Khả	Hân	Nữ	03/01/96	216	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1143	KTS.01208	Kiều Gia	Hân	Nữ	09/02/98	1701	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1144	KTS.01209	Nguyễn Trần Thị Khả	Hân	Nữ	01/02/98	5448	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1145	KTS.01210	Trần Gia	Hân	Nữ	04/09/97	1526	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1146	KTS.01211	Vũ Hồng	Hân	Nữ	08/08/98	1445	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1147	KTS.01212	Ngô Gia	Hân	Nữ	09/08/98	1778	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1148	KTS.01213	Vương Bảo	Hân	Nữ	22/11/98	554	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1149	KTS.01214	Lâm Quế	Hân	Nữ	14/10/98	1297	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1150	KTS.01215	Huỳnh Thị Hoàng	Hân	Nữ	10/07/96	1330	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1151	KTS.01216	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	21/12/98	1117	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1152	KTS.01217	Mai Lâm	Hậu		12/01/98	478	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1153	KTS.01218	Phạm Trung	Hậu		19/01/98	5324	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1154	KTS.01219	Nguyễn Hồ Phước	Hậu		22/08/98	5205	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1155	KTS.01220	Nguyễn Hữu	Hậu		14/11/98	6	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1156	KTS.01221	Trần Thị Thanh	Hằng	Nữ	06/02/97	1190	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1157	KTS.01222	Nghiêm Xuân Thanh	Hằng	Nữ	04/04/98	774	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1158	KTS.01223	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	09/08/98	572	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1159	KTS.01224	Mai Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/12/98	470	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1160	KTS.01225	Vũ Thị Minh	Hằng	Nữ	22/01/98	5450	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1161	KTS.01226	Nguyễn Việt	Hiên		15/10/98	740	Vẽ Mỹ thuật	00.00
1162	KTS.01227	Đặng Hồ	Hiếu		18/04/98	507	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1163	KTS.01228	Cao Minh	Hiếu		24/10/98	5137	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1164	KTS.01229	Trần Trung	Hiếu		22/02/92	217	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1165	KTS.01230	Phạm Quang	Hiếu		06/04/98	5118	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1166	KTS.01231	Tiểu Ngọc	Hiếu		24/06/98	346	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1167	KTS.01232	Nguyễn Phụng	Hiếu		18/10/96	479	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1168	KTS.01233	Cao Minh	Hiếu		28/09/98	1189	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1169	KTS.01234	Cao Thị Minh	Hiếu	Nữ	19/11/98	1352	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1170	KTS.01235	Võ Ngọc	Hiếu		05/08/98	5542	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1171	KTS.01236	Thang Chung	Hiếu		20/05/98	744	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1172	KTS.01237	Lê Nguyễn Trọng	Hiếu		02/09/98	5287	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1173	KTS.01238	Nguyễn Trương Minh	Hiếu		10/12/98	1141	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1174	KTS.01239	Vũ Nguyễn Ngọc	Hiếu		26/04/98	1194	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1175	KTS.01240	Trần Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	19/05/98	5331	Vẽ Mỹ thuật	03.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1176	KTS.01241	Tôn Lương Minh	Hiếu		13/06/98	1391	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1177	KTS.01242	Ngô Trung	Hiếu		27/12/98	5392	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1178	KTS.01243	Lê Hoàng	Hiếu		10/06/98	5229	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1179	KTS.01244	Cao Minh	Hiếu		06/04/98	899	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1180	KTS.01245	Trần Trung	Hiệp		10/05/98	1304	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1181	KTS.01246	Nguyễn Đức	Hiệp		25/11/98	5116	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1182	KTS.01247	Trần	Hiệu		02/09/98	5402	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1183	KTS.01249	Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	09/08/98	1188	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1184	KTS.01250	Trần Thị	Hiền	Nữ	15/07/98	782	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1185	KTS.01252	Nguyễn Phan Thu	Hiền	Nữ	15/03/98	403	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1186	KTS.01253	Trần Thị Mỹ	Hiền	Nữ	08/03/97	1651	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1187	KTS.01254	Phan Thị Diệu	Hiền	Nữ	20/07/98	845	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1188	KTS.01255	Hoàng Minh	Hiền		09/04/98	5466	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1189	KTS.01256	Nguyễn Xuân	Hiền	Nữ	15/05/98	102	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1190	KTS.01257	Quách Mỹ	Hiền	Nữ	03/05/98	5400	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1191	KTS.01258	Nguyễn Ngọc	Hoa	Nữ	02/05/98	306	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1192	KTS.01259	Trương Lệ	Hoa	Nữ	23/12/98	541	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1193	KTS.01260	Phạm Thanh	Hoài		03/09/98	718	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1194	KTS.01261	Nguyễn Thị Như	Hoài	Nữ	27/09/98	5424	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1195	KTS.01262	Võ Thị Thương	Hoài	Nữ	14/05/98	1403	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1196	KTS.01263	Phạm Thị Mỹ	Hoài	Nữ	02/07/98	596	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1197	KTS.01264	Trần Văn	Hoàn		15/11/94	699	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1198	KTS.01265	Võ Văn	Hoàng		01/01/98	5391	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1199	KTS.01266	Phạm Hữu	Hoàng		21/06/98	1299	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1200	KTS.01267	Mai Nguyễn	Hoàng		08/09/97	1259	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1201	KTS.01268	Trần Minh	Hoàng		02/02/97	252	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1202	KTS.01269	Lê Văn	Hoàng		09/01/98	5457	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1203	KTS.01270	Lê Huy	Hoàng		01/10/98	5465	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1204	KTS.01271	Võ Việt	Hoàng		15/07/98	562	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1205	KTS.01272	Lê Ngọc Thái	Hòa	Nữ	07/09/97	236	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1206	KTS.01273	Lê Ngọc Thuận	Hòa	Nữ	04/04/98	523	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1207	KTS.01274	Nguyễn Thanh	Hòa	Nữ	24/12/97	1469	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1208	KTS.01275	Phan Văn	Hòa		12/07/98	1166	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1209	KTS.01276	Lê Bảo	Hòa		15/04/98	1683	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1210	KTS.01277	Trần Lực	Hòa		13/03/97	830	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1211	KTS.01278	Trần Thanh	Hòa		22/06/98	5443	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1212	KTS.01279	Phan Văn	Hồ		15/03/98	5476	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1213	KTS.01280	Phạm Thị Cẩm	Hồng	Nữ	17/10/98	40	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1214	KTS.01281	Huỳnh Cẩm	Hồng		28/02/98	411	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1215	KTS.01282	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	22/05/98	5322	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1216	KTS.01283	Trần Quang	Hợp		19/05/98	166	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1217	KTS.01284	Lê Hoàng	Huân		18/10/98	413	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1218	KTS.01285	Ma Thị	Huế	Nữ	16/05/97	162	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1219	KTS.01286	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	23/01/97	5130	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1220	KTS.01287	Phạm Thị Bích	Huệ	Nữ	18/04/98	1206	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1221	KTS.01289	Hoàng Quốc	Huy		26/12/97	502	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1222	KTS.01290	Trần Quang	Huy		02/04/98	5323	Vẽ Mỹ thuật	02.00
1223	KTS.01291	Ngô Gia	Huy		18/03/98	240	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1224	KTS.01292	Phạm Quốc	Huy		02/01/98	123	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1225	KTS.01293	Nguyễn Hoàng	Huy		21/08/98	932	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1226	KTS.01294	Nông Quang	Huy		16/02/98	817	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1227	KTS.01295	Trương Phạm Gia	Huy		04/02/98	1214	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1228	KTS.01296	Trần Quốc	Huy		19/09/98	575	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1229	KTS.01298	Nguyễn Hoàng	Huy		06/11/98	488	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1230	KTS.01299	Võ Minh	Huy		20/08/98	5385	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1231	KTS.01300	Lê Hà Quang	Huy		05/03/98	5268	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1232	KTS.01301	Vũ Mạnh Đức	Huy		27/10/97	926	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1233	KTS.01302	Trịnh Quốc	Huy		08/03/98	1068	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1234	KTS.01303	Nguyễn Văn	Huy		10/02/97	777	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1235	KTS.01304	Lưu Minh	Huy		17/10/97	528	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1236	KTS.01305	Dương Quang	Huy		20/07/97	347	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1237	KTS.01306	Đặng Đức	Huy		18/06/98	544	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1238	KTS.01307	Nguyễn Quang	Huy		03/08/98	5454	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1239	KTS.01308	Nguyễn Thanh	Huy		18/05/97	702	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1240	KTS.01309	Nguyễn Quốc	Huy		07/02/96	1477	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1241	KTS.01310	Võ Mộng	Huy		16/10/98	5193	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1242	KTS.01311	Tô Hoàng Đức	Huy		02/10/98	779	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1243	KTS.01312	Tăng Thành	Huy		06/06/98	5382	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1244	KTS.01313	Phạm Quang	Huy		05/10/98	1562	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1245	KTS.01314	Phan Hồng	Huy		01/01/96	1607	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1246	KTS.01315	Ngô Đức	Huy		10/12/94	1610	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1247	KTS.01317	Nguyễn Quốc Thái	Huy		24/04/98	1777	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1248	KTS.01318	Lương Gia	Huy		17/01/97	1773	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1249	KTS.01319	Bùi Đức	Huy		03/09/98	1729	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1250	KTS.01321	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	29/07/98	5423	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1251	KTS.01322	Trần Thị	Huyền	Nữ	22/06/98	5150	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1252	KTS.01323	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	08/07/98	500	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1253	KTS.01324	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	24/02/98	5280	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1254	KTS.01325	Huỳnh Ngọc	Huyền	Nữ	12/03/98	5439	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1255	KTS.01326	Nguyễn Thị Kim	Huyền	Nữ	15/01/98	856	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1256	KTS.01327	Trần Thị	Huyền	Nữ	02/09/97	1680	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1257	KTS.01328	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	30/05/98	5416	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1258	KTS.01329	Phùng Thị Mỹ	Huyền	Nữ	10/02/98	5458	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1259	KTS.01330	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	03/06/98	1609	Vẽ Mỹ thuật	07.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1260	KTS.01331	Võ Hoài	Huỳnh		24/06/98	5333	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1261	KTS.01332	Lê Duy	Hùng		12/08/98	251	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1262	KTS.01334	Nguyễn Quốc	Hùng		20/04/98	938	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1263	KTS.01335	Võ Huy	Hùng		29/10/98	5075	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1264	KTS.01337	Đặng Thế	Hùng		09/08/98	763	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1265	KTS.01338	Trần Hữu	Hùng		09/10/92	505	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1266	KTS.01339	Nguyễn Tuấn	Hùng		06/11/98	5084	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1267	KTS.01340	Nguyễn Mạnh	Hùng		12/06/98	1386	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1268	KTS.01341	Đào Minh	Hung		01/09/97	678	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1269	KTS.01342	Lê Vĩnh	Hung		17/04/98	391	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1270	KTS.01343	Nông Tuấn	Hung		21/01/98	556	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1271	KTS.01345	Phạm Thanh	Hung		05/12/97	1374	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1272	KTS.01346	Trần Quốc	Hung		05/09/98	1648	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1273	KTS.01347	Trần Phục	Hung		13/07/97	709	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1274	KTS.01348	Nguyễn Thế	Hung		24/12/98	975	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1275	KTS.01349	Trương Quốc	Hung		02/08/98	206	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1276	KTS.01350	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	18/09/98	164	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1277	KTS.01351	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	Nữ	25/05/98	70	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1278	KTS.01352	Dương Thị Thùy	Hương	Nữ	08/08/98	5030	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1279	KTS.01353	Phạm Thị Xuân	Hương	Nữ	11/02/98	1230	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1280	KTS.01354	Phạm Bảo Mai	Hương	Nữ	28/11/98	900	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1281	KTS.01355	Nguyễn Thảo	Hương	Nữ	15/10/97	1519	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1282	KTS.01356	Đặng Trần Kim	Hương	Nữ	17/02/98	5355	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1283	KTS.01357	Võ Thị Thiên	Hương	Nữ	28/04/98	1502	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1284	KTS.01358	Đỗ Lan	Hương	Nữ	07/12/98	755	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1285	KTS.01359	Nguyễn Thị Diễm	Hương	Nữ	10/03/98	5169	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1286	KTS.01360	Hoàng Xuân	Hương	Nữ	24/04/98	1370	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1287	KTS.01361	Đỗ Phạm Vũ	Hương	Nữ	13/09/98	1011	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1288	KTS.01362	Bùi Thị Hồng	Hy	Nữ	03/02/98	5256	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1289	KTS.01363	Nguyễn ái	Hỷ	Nữ	25/01/98	351	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1290	KTS.01364	Trần Công	ích		18/09/98	1505	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1291	KTS.01366	Phan Thừa	Kê		16/02/98	5377	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1292	KTS.01367	Lý Hoàng	Kha		22/01/98	5601	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1293	KTS.01368	Phạm Lê Kiến	Kha		22/08/98	680	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1294	KTS.01369	Trương Thị Tố	Kha	Nữ	08/03/97	1136	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1295	KTS.01370	Ngô Vinh	Khang		30/09/98	455	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1296	KTS.01371	Huỳnh Dĩ	Khang		17/02/98	993	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1297	KTS.01372	Huỳnh Minh	Khang		01/03/97	332	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1298	KTS.01373	Nguyễn Lê Thụy	Khang		14/01/98	1296	Vẽ Mỹ thuật	02.00
1299	KTS.01374	Huỳnh Nhật	Khang		18/11/98	915	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1300	KTS.01375	Nguyễn An	Khang		21/09/98	627	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1301	KTS.01376	Du Sĩ	Khang		04/01/98	5026	Vẽ Mỹ thuật	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1302	KTS.01377	Nguyễn Thị Bảo	Khang	Nữ	28/04/98	211	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1303	KTS.01378	Nguyễn Hữu	Khang		01/04/98	1061	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1304	KTS.01379	Nguyễn Văn Hoàng	Khang		05/03/98	803	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1305	KTS.01380	Nguyễn Hồng Phương	Khanh	Nữ	06/04/98	559	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1306	KTS.01381	Nguyễn Trần Văn	Khanh	Nữ	08/03/98	124	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1307	KTS.01382	Nguyễn Mậu Huy	Khanh	Nữ	01/01/98	5397	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1308	KTS.01383	Lê Hoàng Vy	Khanh	Nữ	22/03/98	1530	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1309	KTS.01384	Phạm Thúy Văn	Khanh		06/01/98	660	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1310	KTS.01385	Chu Ngọc	Khánh		31/08/97	386	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1311	KTS.01386	Nguyễn Hoàng Nhật	Khánh		26/11/98	5388	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1312	KTS.01387	Nguyễn Hoàng	Khánh		22/10/97	1276	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1313	KTS.01388	Lê Đức Quốc	Khánh		02/09/97	433	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1314	KTS.01389	Mai Nguyễn Bảo	Khánh	Nữ	15/01/98	275	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1315	KTS.01390	Nguyễn Như Bảo	Khánh	Nữ	17/09/98	320	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1316	KTS.01391	Huỳnh Gia	Khánh		09/03/98	39	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1317	KTS.01392	Võ Trần	Khải		06/06/97	561	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1318	KTS.01393	Nguyễn Trọng	Khải		06/07/98	818	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1319	KTS.01394	Trần Quang	Khải		26/10/98	1759	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1320	KTS.01395	Nguyễn Đình	Khiêm		07/03/98	35	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1321	KTS.01396	Lê Nguyễn Quang	Khiêm		29/01/98	1782	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1322	KTS.01397	Trịnh Đăng	Khoa		17/01/97	304	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1323	KTS.01398	Trần Minh	Khoa		08/02/98	1387	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1324	KTS.01399	Võ Đình Minh	Khoa		17/12/98	5226	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1325	KTS.01401	Phạm Đình Anh	Khoa		04/12/95	917	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1326	KTS.01402	Tăng Vĩnh Anh	Khoa		07/08/97	874	Vẽ Mỹ thuật	09.00
1327	KTS.01403	Huỳnh Hoàng Đăng	Khoa		09/09/98	5318	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1328	KTS.01404	Nguyễn Đăng	Khoa		05/11/97	859	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1329	KTS.01405	Phạm Đăng	Khoa		04/04/98	594	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1330	KTS.01406	Nguyễn Thắng Đăng	Khoa		01/10/98	207	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1331	KTS.01407	Nguyễn Đăng	Khoa		27/09/98	1295	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1332	KTS.01408	Lê Bách	Khoa		06/03/98	114	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1333	KTS.01409	Lê Hoàng	Khôi		07/12/98	563	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1334	KTS.01410	Lê Hoàng	Khôi		16/05/98	33	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1335	KTS.01411	Đoàn Nguyễn Nhật	Khôi		12/09/98	220	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1336	KTS.01412	Nguyễn Trọng	Khôi		17/09/96	776	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1337	KTS.01413	Trần Hồ Bảo	Khôi		24/11/98	754	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1338	KTS.01414	Lê Tuấn	Khôi		04/12/98	477	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1339	KTS.01415	Trương Hữu	Khương		01/03/98	890	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1340	KTS.01416	Nhữ Đình	Kiên		29/01/98	5252	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1341	KTS.01417	Ngô Trung	Kiên		15/10/96	89	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1342	KTS.01418	Nguyễn Văn	Kiểu		01/02/98	491	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1343	KTS.01419	Phạm Cao	Kiệt		10/07/98	5491	Vẽ Mỹ thuật	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1344	KTS.01420	Đặng Tuấn	Kiệt		02/09/98	5341	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1345	KTS.01421	Nguyễn Anh	Kim	Nữ	10/11/98	5083	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1346	KTS.01422	Nguyễn Hoàng	Kim		15/02/98	5236	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1347	KTS.01423	Nguyễn Thị Ngân	Kim	Nữ	16/05/98	1513	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1348	KTS.01424	Trần Thị Mỹ	Kiều	Nữ	07/10/97	5120	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1349	KTS.01425	H Thủy	Ksor	Nữ	06/05/98	5171	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1350	KTS.01426	Dương Minh	Kỳ		05/01/98	673	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1351	KTS.01427	Đỗ Cao	Kỳ		22/07/98	925	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1352	KTS.01428	Hàng Gia	Kỳ		26/12/97	1143	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1353	KTS.01429	Nguyễn Thanh	Lam	Nữ	29/06/98	277	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1354	KTS.01430	Nguyễn Văn	Lam		25/01/98	5131	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1355	KTS.01431	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	11/06/98	46	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1356	KTS.01432	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	21/11/98	5197	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1357	KTS.01433	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24/01/98	733	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1358	KTS.01434	Lê Thị	Lan	Nữ	12/10/98	5482	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1359	KTS.01435	Lý Nhật	Lâm		18/08/98	5147	Vẽ Mỹ thuật	09.00
1360	KTS.01436	Đoàn Trần	Lâm		09/09/98	955	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1361	KTS.01437	Bùi Thị Ngọc	Lâm	Nữ	16/02/98	976	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1362	KTS.01438	Nguyễn Văn	Lâm		13/06/96	789	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1363	KTS.01439	Ngô Đức Bảo	Lâm		12/09/98	5002	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1364	KTS.01440	Vương Nhận	Lâm	Nữ	10/04/98	437	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1365	KTS.01441	Lý Tùng	Lâm		10/11/98	418	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1366	KTS.01442	Lê Thị Mỹ	Lem	Nữ	07/11/95	5133	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1367	KTS.01443	Trương Thị Mỹ	Lê	Nữ	07/04/97	445	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1368	KTS.01444	Nguyễn Quang	Lễ		03/12/98	898	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1369	KTS.01445	Phạm Thanh	Liêm		02/07/98	5330	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1370	KTS.01446	Bùi Thị Hồng	Liên	Nữ	08/03/98	1714	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1371	KTS.01447	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	25/05/98	5071	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1372	KTS.01448	Hà Lê Hồng	Liên	Nữ	06/02/98	949	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1373	KTS.01449	Nguyễn Kim	Liên	Nữ	10/08/95	5557	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1374	KTS.01450	Nguyễn Bạch	Liên	Nữ	03/07/98	1161	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1375	KTS.01451	Đặng Kim	Liên	Nữ	29/06/98	1440	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1376	KTS.01452	Nguyễn Mai	Linh	Nữ	08/01/98	258	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1377	KTS.01453	Nguyễn Lê Thùy	Linh	Nữ	26/06/98	5207	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1378	KTS.01454	Nguyễn Đào Thu	Linh	Nữ	01/01/97	250	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1379	KTS.01455	Huỳnh Thị Yến	Linh	Nữ	23/03/98	5009	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1380	KTS.01456	Phan Châu	Linh		01/09/98	545	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1381	KTS.01457	Nguyễn Lê Phương	Linh	Nữ	13/09/98	844	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1382	KTS.01458	Đinh Khánh	Linh	Nữ	02/08/98	947	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1383	KTS.01459	Văng Thị Diễm	Linh	Nữ	26/03/98	270	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1384	KTS.01460	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	14/02/98	416	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1385	KTS.01461	Tăng Phương	Linh	Nữ	15/11/95	377	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1386	KTS.01462	Đặng Thanh	Tuyết Linh	Nữ	01/03/98	743	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1387	KTS.01463	Trần Trúc	Linh	Nữ	20/05/98	5247	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1388	KTS.01464	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	15/04/98	397	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1389	KTS.01465	Phạm Quang	Linh		03/04/94	773	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1390	KTS.01466	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	22/08/98	74	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1391	KTS.01467	Huỳnh Hồng Nguyên	Linh	Nữ	06/10/98	873	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1392	KTS.01468	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	28/06/97	687	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1393	KTS.01469	Phạm Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	16/03/97	321	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1394	KTS.01470	Tô Mỹ	Linh	Nữ	16/07/97	1674	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1395	KTS.01471	Nguyễn Ngọc Uyên	Linh	Nữ	10/02/98	5558	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1396	KTS.01472	Trần Ngô Trúc	Linh	Nữ	26/06/98	5260	Vẽ Mỹ thuật	09.00
1397	KTS.01474	Phạm Quang	Linh		17/09/98	5603	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1398	KTS.01475	Trần Văn	Linh		13/08/98	5329	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1399	KTS.01476	Lương Thùy	Linh	Nữ	02/11/97	5500	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1400	KTS.01477	Lê Vũ Hoài	Linh		18/10/98	5501	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1401	KTS.01478	Huỳnh Nhật	Linh		28/10/98	334	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1402	KTS.01479	Hoàng Từ Kim	Loan	Nữ	07/03/97	510	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1403	KTS.01480	Nguyễn Thị Trúc	Loan	Nữ	08/12/98	226	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1404	KTS.01481	Trần Phi	Long		13/05/98	230	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1405	KTS.01482	Nguyễn Hoàng	Long		07/12/98	564	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1406	KTS.01483	Trần Hoàng	Long		17/11/98	814	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1407	KTS.01484	Nguyễn Hoàng	Long		30/10/98	2	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1408	KTS.01485	Hà Quốc	Long		11/11/98	1226	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1409	KTS.01486	Hứa Minh	Long		07/02/98	1346	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1410	KTS.01487	Trần Quốc	Long		13/12/98	1525	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1411	KTS.01488	Phan Minh	Long		19/11/97	1791	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1412	KTS.01489	Hoàng Phi	Long		04/10/98	5126	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1413	KTS.01490	Trần Điền	Long		19/01/98	829	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1414	KTS.01491	Đặng Huỳnh	Long		01/04/98	5517	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1415	KTS.01492	Lê Thành	Long		26/05/98	1474	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1416	KTS.01493	Nguyễn Văn	Lộc		03/10/98	5523	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1417	KTS.01494	Trần	Lộc		14/02/97	1713	Vẽ Mỹ thuật	02.00
1418	KTS.01495	Lê Hoàng Đại	Lộc		18/03/98	1129	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1419	KTS.01496	Nguyễn Đình	Lộc		08/11/98	875	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1420	KTS.01497	Nguyễn Thành	Lộc		27/06/97	1587	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1421	KTS.01498	Nguyễn Tấn	Lộc		16/04/98	1642	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1422	KTS.01499	Phan Tiến	Lộc		30/10/96	826	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1423	KTS.01500	Hoàng Trọng	Lộc		17/12/98	1216	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1424	KTS.01501	Nguyễn Đình	Luân		22/02/97	5553	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1425	KTS.01502	Tạ Ngọc	Luân		31/05/98	1369	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1426	KTS.01503	Nguyễn Thành	Luân		19/04/96	5224	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1427	KTS.01504	Nguyễn Thành	Luân		11/03/98	792	Vẽ Mỹ thuật	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1428	KTS.01505	Lê Minh	Luân		04/05/98	317	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1429	KTS.01506	Trần Kim	Luyện	Nữ	22/05/98	5446	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1430	KTS.01507	Trương Thị Ngọc	Luyện	Nữ	10/11/98	98	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1431	KTS.01509	Nguyễn Phạm Đức	Lương		15/01/98	613	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1432	KTS.01510	Vương Đình	Lưu		30/10/98	1069	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1433	KTS.01511	Bùi Thiện	Lưu		18/12/98	1271	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1434	KTS.01512	Phan Văn	Lực		08/03/97	910	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1435	KTS.01514	Trần Ngọc Yên	Ly	Nữ	03/08/98	318	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1436	KTS.01515	Nguyễn Đỗ Gia	Ly	Nữ	27/07/98	492	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1437	KTS.01516	Nguyễn Hồ Bảo	Ly	Nữ	14/07/96	797	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1438	KTS.01517	Nguyễn Thị Bích	Ly	Nữ	28/09/98	5410	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1439	KTS.01518	Lê Nguyễn Hương	Ly	Nữ	05/01/98	770	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1440	KTS.01519	Trần Huỳnh Thiên	Lý	Nữ	22/02/98	560	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1441	KTS.01520	Đoàn Thị Thanh	Mai	Nữ	15/03/97	244	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1442	KTS.01521	Đặng Khánh Ngọc	Mai	Nữ	15/03/98	1079	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1443	KTS.01522	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	Nữ	13/03/98	1262	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1444	KTS.01523	Tạ Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	07/06/97	511	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1445	KTS.01524	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	03/09/97	5588	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1446	KTS.01525	Võ Thị Trúc	Mai	Nữ	08/01/98	960	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1447	KTS.01526	Nguyễn Tuyết	Mai	Nữ	14/05/98	331	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1448	KTS.01527	Cao Thị	Mai	Nữ	05/01/96	1272	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1449	KTS.01528	Trần Hồ Trúc	Mai	Nữ	11/05/98	751	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1450	KTS.01529	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	11/04/98	907	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1451	KTS.01530	Trần Ngọc Phương	Mai	Nữ	12/01/97	287	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1452	KTS.01531	Nguyễn Hoàng	Mạnh		14/11/98	553	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1453	KTS.01532	Nguyễn Đức	Mạnh		13/05/98	401	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1454	KTS.01533	Trần	Mẫn		13/09/98	1358	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1455	KTS.01534	Trương Thị Minh	Mẫn	Nữ	15/04/98	5244	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1456	KTS.01535	Phạm Khánh	Mi	Nữ	17/09/98	5079	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1457	KTS.01536	Phạm Công	Minh		16/09/98	1007	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1458	KTS.01537	Nguyễn Hoàng	Minh		29/03/98	5211	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1459	KTS.01538	Võ Trần Nhật	Minh		25/02/97	278	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1460	KTS.01539	Nguyễn Ngọc	Minh		19/10/98	5166	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1461	KTS.01540	Phan Nhựt	Minh		14/08/98	92	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1462	KTS.01541	Võ Trần Nhật	Minh		30/11/96	812	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1463	KTS.01542	Nguyễn Công	Minh		12/09/98	364	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1464	KTS.01543	Nguyễn Đức	Minh		12/12/98	97	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1465	KTS.01544	Trần Hoàng Anh	Minh		12/08/98	187	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1466	KTS.01545	Phương Hải	Minh	Nữ	02/06/97	1029	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1467	KTS.01546	Nguyễn Thị Nhật	Minh	Nữ	09/01/98	5082	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1468	KTS.01547	Lâm Lê Tuyết	Minh	Nữ	24/11/98	5055	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1469	KTS.01548	Nguyễn Hoàng Anh	Minh		24/05/97	1557	Vẽ Mỹ thuật	05.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1470	KTS.01549	Nguyễn Dương	Minh		30/11/98	1717	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1471	KTS.01550	Trịnh Duy	Minh		18/01/98	5412	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1472	KTS.01551	Nguyễn Hoàng Khánh	Minh		27/02/98	1415	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1473	KTS.01552	Nguyễn Bảo	Minh		04/08/98	1504	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1474	KTS.01553	Phạm Hoàng	Minh		09/11/98	1191	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1475	KTS.01554	Nguyễn Công	Minh		13/07/96	1676	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1476	KTS.01555	Tô Trần Nhựt	Minh		11/01/98	1745	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1477	KTS.01556	Trần Nguyễn Đăng	Minh	Nữ	01/01/97	1147	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1478	KTS.01557	H' Huyền	Mlô	Nữ	24/02/98	5379	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1479	KTS.01558	Đinh Thị Xuân	Mộc	Nữ	03/09/98	434	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1480	KTS.01559	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	22/07/98	693	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1481	KTS.01560	Trần Hoàng	My	Nữ	25/05/98	1177	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1482	KTS.01561	Hoàng Ngọc Thảo	My	Nữ	17/06/98	5140	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1483	KTS.01562	Lê Uyên Trà	My	Nữ	07/01/98	84	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1484	KTS.01563	Phạm Võ Hoài	My	Nữ	16/02/98	1787	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1485	KTS.01564	Trần Huyền	My	Nữ	30/10/98	5433	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1486	KTS.01565	Nguyễn Hòa	My	Nữ	20/04/98	632	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1487	KTS.01566	Trương Hải	My	Nữ	05/03/98	1726	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1488	KTS.01567	Phạm Thị Diệu	My	Nữ	20/06/98	168	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1489	KTS.01568	Lê Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	02/01/97	1155	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1490	KTS.01569	Ngô Gia	Mỹ	Nữ	02/11/98	5109	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1491	KTS.01570	Đào Duy	Nam		05/05/98	1422	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1492	KTS.01571	Nguyễn Khánh	Nam		24/03/97	5525	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1493	KTS.01572	Cao Lê Nhật	Nam		26/10/98	5214	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1494	KTS.01573	Vũ Hoàng	Nam		06/07/98	5003	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1495	KTS.01574	Huỳnh Phương	Nam		24/11/98	864	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1496	KTS.01575	Phan Quang	Nam		31/03/96	185	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1497	KTS.01576	Huỳnh Thanh	Nam		17/10/98	415	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1498	KTS.01577	Nguyễn Triệu Tuấn	Nam		29/03/98	5611	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1499	KTS.01578	Hàng Duy	Nam		14/09/98	1710	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1500	KTS.01580	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	26/10/98	1210	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1501	KTS.01581	Trần Thị Thùy	Ngân	Nữ	20/09/98	171	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1502	KTS.01582	Võ Hồng	Ngân	Nữ	04/01/97	8	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1503	KTS.01583	Nguyễn Trương Thanh	Ngân	Nữ	10/06/98	406	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1504	KTS.01584	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	27/07/98	197	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1505	KTS.01585	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24/08/98	5212	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1506	KTS.01586	Nguyễn Trần Kim	Ngân	Nữ	21/09/95	394	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1507	KTS.01587	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	26/10/98	1473	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1508	KTS.01588	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	02/04/98	1509	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1509	KTS.01589	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	09/08/97	1040	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1510	KTS.01591	Bùi Thị Thùy	Ngân	Nữ	31/12/97	1320	Vẽ Mỹ thuật	09.00
1511	KTS.01592	Nguyễn Nguyên Kim	Ngân	Nữ	23/06/98	1077	Vẽ Mỹ thuật	03.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1512	KTS.01593	Lê Hồ Thúy	Ngân	Nữ	29/04/98	5311	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1513	KTS.01594	Lưu Tuyết	Nghi	Nữ	24/05/98	5361	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1514	KTS.01596	Liêu Gia	Nghi	Nữ	24/08/98	5595	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1515	KTS.01597	Nguyễn Tuệ	Nghi	Nữ	30/01/98	1043	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1516	KTS.01598	Huỳnh Trọng	Nghĩa		02/12/98	5328	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1517	KTS.01599	Kha Trọng	Nghĩa		08/12/98	810	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1518	KTS.01600	Thạch Minh	Nghĩa		20/08/98	1365	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1519	KTS.01601	Nguyễn Đắc	Nghĩa		08/06/98	5117	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1520	KTS.01602	Trần Trung	Nghĩa		10/04/98	1763	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1521	KTS.01603	Lê Quang	Nghĩa		30/01/98	1311	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1522	KTS.01604	Võ Trọng	Nghĩa		19/01/98	25	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1523	KTS.01605	Biện Huỳnh Thúy	Ngọc	Nữ	19/10/98	1520	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1524	KTS.01606	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	11/04/98	1760	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1525	KTS.01607	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	27/12/97	1378	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1526	KTS.01608	Nguyễn Nhựt Bảo	Ngọc	Nữ	13/06/98	1328	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1527	KTS.01610	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	04/06/98	1163	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1528	KTS.01611	Trần Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	06/01/98	239	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1529	KTS.01612	Dương Phước Mai	Ngọc	Nữ	28/12/98	982	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1530	KTS.01613	Đặng Thị Hồng	Ngọc	Nữ	30/11/98	265	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1531	KTS.01614	Trà Phương	Ngọc	Nữ	01/02/97	1542	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1532	KTS.01615	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	Nữ	22/03/98	987	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1533	KTS.01616	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	27/02/98	650	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1534	KTS.01617	Lê Thị Như	Ngọc	Nữ	06/05/98	5538	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1535	KTS.01618	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Ngọc	Nữ	20/10/98	201	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1536	KTS.01619	Ksor Minh	Ngọc	Nữ	24/03/98	1414	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1537	KTS.01620	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	21/08/98	897	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1538	KTS.01621	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	29/08/98	1582	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1539	KTS.01622	Hồ Hồng	Ngọc		10/06/98	1769	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1540	KTS.01623	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	16/09/98	1731	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1541	KTS.01624	Huỳnh Đắc Bội	Ngọc	Nữ	16/10/98	940	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1542	KTS.01625	Nguyễn Xuân Bảo	Nguyên	Nữ	12/02/96	173	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1543	KTS.01626	Trần Nhật	Nguyên		03/07/95	5373	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1544	KTS.01627	Nguyễn Thành	Nguyên		19/01/90	1132	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1545	KTS.01628	Phạm Cao	Nguyên		15/05/97	5590	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1546	KTS.01630	Nguyễn Phước	Nguyên		26/10/97	1577	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1547	KTS.01631	Võ Hồng Phương	Nguyên	Nữ	01/10/98	5165	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1548	KTS.01632	Nguyễn Cao Khôi	Nguyên		24/09/98	1110	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1549	KTS.01633	Nguyễn Song An	Nguyên	Nữ	10/12/96	1497	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1550	KTS.01634	Nguyễn Võ Thành	Nguyên		26/08/98	914	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1551	KTS.01636	Phạm Nguyễn Ngọc	Nguyên		22/02/93	1740	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1552	KTS.01637	Nguyễn Khôi	Nguyên		21/06/96	1407	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1553	KTS.01638	Doãn Khang	Nguyên		12/07/98	1252	Vẽ Mỹ thuật	03.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1554	KTS.01639	Phan Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24/10/98	841	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1555	KTS.01640	Nguyễn Bình	Nguyên		21/04/98	1294	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1556	KTS.01641	Trịnh Xuân	Nguyên	Nữ	12/01/98	290	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1557	KTS.01642	Trần Hải	Nguyên	Nữ	14/03/98	282	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1558	KTS.01643	Ngô Đăng	Nguyên		21/04/98	1091	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1559	KTS.01644	Nguyễn Phước	Nguyên		24/02/96	1475	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1560	KTS.01645	Phan Như	Nguyên	Nữ	13/12/97	283	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1561	KTS.01646	Hoàng Minh	Nguyệt	Nữ	08/01/98	62	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1562	KTS.01647	Nguyễn Trần Minh	Nguyệt	Nữ	02/08/98	10	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1563	KTS.01648	Phạm Thị ánh	Nguyệt	Nữ	26/03/98	5418	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1564	KTS.01649	Trần Thị Việt	Ngũ	Nữ	10/07/97	1106	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1565	KTS.01650	Nguyễn Ngọc	Nhã		24/09/96	1042	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1566	KTS.01651	Trần Thông	Nhạc		11/04/94	1489	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1567	KTS.01652	Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	06/01/98	968	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1568	KTS.01653	Trần Quốc	Nhân		01/02/97	94	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1569	KTS.01654	Trương Hiếu	Nhân		21/09/98	1301	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1570	KTS.01655	Nguyễn Trọng	Nhân		10/07/98	3	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1571	KTS.01656	Cao Vũ Thành	Nhân		08/09/98	567	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1572	KTS.01657	Nguyễn Vũ Thạch	Nhân		08/05/97	5302	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1573	KTS.01658	Nguyễn Hoàng	Nhân		09/06/98	5005	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1574	KTS.01659	Phan Đình Phúc	Nhân		14/06/98	5198	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1575	KTS.01660	Đào Trọng	Nhân		21/12/97	1308	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1576	KTS.01661	Nguyễn Thanh	Nhân		15/01/98	583	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1577	KTS.01662	La Quang	Nhân		05/11/98	784	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1578	KTS.01664	Nguyễn Thanh Tài	Nhân		23/10/98	703	Vẽ Mỹ thuật	01.00
1579	KTS.01665	Nguyễn Đức Trọng	Nhân		06/09/98	5597	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1580	KTS.01666	Lê Thành	Nhân		10/10/97	1572	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1581	KTS.01667	Nguyễn Đắc	Nhân		18/12/98	1658	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1582	KTS.01668	Võ Trí	Nhân		14/04/98	1533	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1583	KTS.01669	Huỳnh Hoàng	Nhân		27/01/98	5514	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1584	KTS.01670	Võ Thành	Nhân		24/09/98	5471	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1585	KTS.01671	Trần Quang	Nhân		21/08/98	1507	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1586	KTS.01672	Lê Văn Thành	Nhân		27/05/98	5594	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1587	KTS.01673	Lê Nguyễn Thành	Nhân		15/06/98	5407	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1588	KTS.01674	Đoàn Thanh	Nhân		04/11/98	1494	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1589	KTS.01675	Đoàn Văn	Nhân		18/12/98	5609	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1590	KTS.01676	Đặng Thị Duy	Nhất	Nữ	18/11/98	5264	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1591	KTS.01678	Lê Văn	Nhất		26/05/96	5422	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1592	KTS.01679	Lê Minh	Nhật	Nữ	11/01/98	1393	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1593	KTS.01680	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	20/09/98	1446	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1594	KTS.01681	Bùi Thị Tuyết	Nhi	Nữ	28/05/98	1168	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1595	KTS.01682	Dương Thị Tuyết	Nhi	Nữ	01/02/98	5164	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1596	KTS.01683	Trương Ngọc	Nhi	Nữ	26/04/98	5194	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1597	KTS.01684	Nguyễn Ngụy	Nhi	Nữ	24/05/98	439	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1598	KTS.01685	Tạ Thị Tuyết	Nhi	Nữ	27/07/98	793	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1599	KTS.01686	Phan Nguyễn Nguyên	Nhi	Nữ	11/01/98	110	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1600	KTS.01687	Phương Yến	Nhi	Nữ	19/03/98	129	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1601	KTS.01688	Lê Ngọc	Nhi	Nữ	16/01/98	872	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1602	KTS.01689	Trịnh Hoài	Nhi	Nữ	14/02/98	1100	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1603	KTS.01690	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	Nữ	08/09/98	5241	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1604	KTS.01691	Phan Tường	Nhi	Nữ	24/09/97	798	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1605	KTS.01692	Huỳnh Vũ Thư	Nhi	Nữ	14/02/98	695	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1606	KTS.01693	Nguyễn Mạnh Phương	Nhi	Nữ	06/04/98	5196	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1607	KTS.01694	Phạm Uyên	Nhi	Nữ	10/11/97	5123	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1608	KTS.01696	Nguyễn Phương	Nhi	Nữ	17/03/98	12	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1609	KTS.01697	Huỳnh Nữ Lan	Nhi	Nữ	23/09/98	5223	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1610	KTS.01698	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	10/04/98	551	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1611	KTS.01699	Chăng Tiểu	Nhi	Nữ	19/01/98	80	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1612	KTS.01700	Phạm Mộng	Nhi	Nữ	17/11/98	5088	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1613	KTS.01701	Lê Thị Dung	Nhi	Nữ	04/06/98	5371	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1614	KTS.01702	Trương Hoàng Yến	Nhi	Nữ	14/01/98	5134	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1615	KTS.01703	Ông Thục	Nhi	Nữ	23/01/98	633	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1616	KTS.01704	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	18/09/98	1457	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1617	KTS.01705	Nguyễn Sơn ý	Nhi	Nữ	19/01/98	1559	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1618	KTS.01706	Trương Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23/05/98	1549	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1619	KTS.01707	Lê ý	Nhi	Nữ	03/09/98	5467	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1620	KTS.01708	Châu Đào Yến	Nhi	Nữ	06/08/97	1468	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1621	KTS.01709	Nguyễn Thanh	Nhi	Nữ	28/10/98	5475	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1622	KTS.01710	Nguyễn Văn	Nhiên		20/06/97	5039	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1623	KTS.01712	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/11/98	5325	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1624	KTS.01713	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/03/98	608	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1625	KTS.01714	Võ Hồng	Nhung	Nữ	04/12/98	4	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1626	KTS.01715	Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	27/09/97	136	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1627	KTS.01716	Nguyễn Hoài	Nhung	Nữ	25/08/97	672	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1628	KTS.01717	Nguyễn Ngọc Hồng	Nhung	Nữ	22/10/97	652	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1629	KTS.01718	Huỳnh Khánh	Như	Nữ	14/03/98	953	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1630	KTS.01719	Trần Thiên Vũ Vân	Như	Nữ	24/08/98	382	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1631	KTS.01720	Bùi Quỳnh	Như	Nữ	27/01/98	352	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1632	KTS.01722	Vũ Thị Quỳnh	Như	Nữ	28/10/98	1333	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1633	KTS.01723	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	12/12/98	5426	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1634	KTS.01724	Nguyễn Thị Trúc	Như	Nữ	11/08/98	1450	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1635	KTS.01725	Phạm Anh	Như	Nữ	09/07/98	1617	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1636	KTS.01726	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	Nữ	06/05/98	588	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1637	KTS.01727	Lê Bảo	Như	Nữ	11/06/98	295	Vẽ Mỹ thuật	05.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1638	KTS.01728	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	25/04/98	1241	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1639	KTS.01729	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	05/12/98	243	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1640	KTS.01730	Nguyễn Minh	Như	Nữ	02/01/98	1289	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1641	KTS.01731	Nguyễn Phước Quỳnh	Như	Nữ	16/03/98	1434	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1642	KTS.01732	Lê Thanh ý	Như	Nữ	09/10/98	5022	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1643	KTS.01733	Nguyễn Ngọc Thiện	Như	Nữ	27/05/98	130	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1644	KTS.01734	Nguyễn Phạm Thiện	Như	Nữ	12/06/98	390	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1645	KTS.01735	Trần Lý Quỳnh	Như	Nữ	10/06/98	5345	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1646	KTS.01736	Cao Thiên	Nhứt		30/08/98	1492	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1647	KTS.01737	Nguyễn Văn	Nhứt		22/03/98	248	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1648	KTS.01738	Trương Quang	Nhứt		19/12/98	1479	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1649	KTS.01739	Phan Duy	Niên		19/02/98	5085	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1650	KTS.01741	Tăng Hoài	Niệm		03/09/95	205	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1651	KTS.01742	Nguyễn Hồ Các	Ninh		07/11/98	5045	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1652	KTS.01744	Nguyễn Hùng	Oai		18/05/97	951	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1653	KTS.01745	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	02/04/97	626	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1654	KTS.01746	Hà Thị Kiều	Oanh	Nữ	14/11/96	463	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1655	KTS.01747	Nguyễn Hoàng	Oanh	Nữ	27/12/97	1027	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1656	KTS.01748	Trần Thị Hoàng	Oanh	Nữ	23/03/98	5348	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1657	KTS.01749	Vô Thành	Phát		15/06/98	5306	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1658	KTS.01750	Hồng Tấn	Phát		26/10/98	964	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1659	KTS.01751	Nghiêm Vũ Hiệp	Phát		16/04/98	423	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1660	KTS.01752	Ngô Trường	Phát		18/07/98	631	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1661	KTS.01753	Trần Hoàng Thiện	Phát		30/05/98	67	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1662	KTS.01754	Đặng Tấn	Phát		19/06/97	104	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1663	KTS.01755	Trần Ngọc	Phát		16/07/98	5216	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1664	KTS.01756	Tiêu Tấn	Phát		05/08/98	5076	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1665	KTS.01757	Phạm Hoàng	Phi		11/10/98	1142	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1666	KTS.01758	Nguyễn Quốc	Phi		29/06/98	65	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1667	KTS.01759	Nguyễn Thái	Phi		06/12/98	1119	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1668	KTS.01760	Nguyễn Mạnh	Phi		21/07/98	5519	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1669	KTS.01761	Trần Hải	Phi		18/06/98	181	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1670	KTS.01762	Nguyễn Nhật	Phi		30/01/98	1427	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1671	KTS.01763	Đỗ Đăng	Phi	Nữ	09/10/96	293	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1672	KTS.01764	Trần Khắc	Phi		07/06/98	1010	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1673	KTS.01765	Thái Hoàng Duy	Phong		08/01/97	642	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1674	KTS.01766	Nguyễn Hữu	Phong		18/06/98	1706	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1675	KTS.01767	Bùi Văn Trung	Phong		19/06/98	738	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1676	KTS.01768	Nguyễn Thế	Phong		07/05/98	280	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1677	KTS.01769	Vô Hải	Phong		09/03/98	1109	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1678	KTS.01770	Nguyễn Hoàng	Phong		21/01/98	245	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1679	KTS.01771	Cao Hồng	Phong		17/01/98	302	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1680	KTS.01772	Hồ Gia	Phong		24/05/98	717	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1681	KTS.01773	Nguyễn Thành	Phong		28/02/95	1569	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1682	KTS.01775	Phạm Xuân	Phong		14/08/98	889	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1683	KTS.01776	Nguyễn Hoàng	Phú		08/10/94	323	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1684	KTS.01778	Đình Hoàng	Phú		28/03/98	5127	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1685	KTS.01779	Lê Minh	Phú		23/04/98	824	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1686	KTS.01780	Trần Thanh Thiên	Phú		10/11/98	5518	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1687	KTS.01781	Trần Vũ Hồng	Phúc	Nữ	11/03/98	9	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1688	KTS.01782	Huỳnh Thiên	Phúc		06/01/98	1121	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1689	KTS.01783	Nguyễn Hồng	Phúc		08/03/98	974	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1690	KTS.01784	Đình Hồng	Phúc		13/06/98	1575	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1691	KTS.01785	Phạm Thanh	Phúc		25/12/96	309	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1692	KTS.01786	Huỳnh Thanh	Phúc		20/01/98	5265	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1693	KTS.01787	Đặng Hoàng Gia	Phúc		06/09/97	549	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1694	KTS.01788	Nguyễn Hoàng	Phúc		13/06/98	1037	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1695	KTS.01789	Nguyễn Lê	Phúc		07/06/98	5285	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1696	KTS.01790	Nguyễn Đình Hoàng	Phúc		11/05/98	359	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1697	KTS.01791	Nguyễn Hoàng	Phúc		23/02/97	1088	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1698	KTS.01792	Võ Nguyễn Thiện	Phúc		15/06/98	1661	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1699	KTS.01793	Trương Đức Duy	Phúc		24/03/97	1667	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1700	KTS.01794	Nguyễn Huỳnh Diễm	Phúc	Nữ	24/07/98	41	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1701	KTS.01795	Nguyễn Thanh	Phúc		28/06/97	1124	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1702	KTS.01796	Nguyễn Thị Như	Phụng	Nữ	16/09/98	1689	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1703	KTS.01797	Nguyễn Minh	Phụng		24/03/98	5190	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1704	KTS.01798	Trần Thị Kim	Phụng	Nữ	06/05/98	180	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1705	KTS.01799	Trần Thúy	Phụng	Nữ	20/09/98	1222	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1706	KTS.01800	Nguyễn Hoàng Như	Phụng		07/03/98	1491	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1707	KTS.01801	Tôn Nữ Yến	Phương	Nữ	10/08/98	550	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1708	KTS.01802	Đỗ Minh	Phương	Nữ	19/04/98	885	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1709	KTS.01803	Nguyễn Trương Hoàng	Phương	Nữ	19/07/98	804	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1710	KTS.01804	Bùi Mai	Phương	Nữ	29/11/98	870	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1711	KTS.01805	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	24/01/98	5013	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1712	KTS.01806	Phạm Nam	Phương	Nữ	13/07/98	22	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1713	KTS.01807	Lâm Thị Trúc	Phương	Nữ	08/12/98	1170	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1714	KTS.01808	Nguyễn	Phương		03/05/98	5516	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1715	KTS.01809	Lê Ngọc An	Phương	Nữ	09/09/98	107	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1716	KTS.01810	Nguyễn Thị Trúc	Phương	Nữ	24/01/98	5014	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1717	KTS.01811	Lê Nguyễn Thu	Phương	Nữ	12/09/98	5321	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1718	KTS.01812	Huỳnh Mai	Phương	Nữ	27/09/98	249	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1719	KTS.01813	Nghị Linh	Phương	Nữ	12/02/96	1666	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1720	KTS.01814	Huỳnh Thị Mỹ	Phương	Nữ	20/08/98	169	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1721	KTS.01815	Phan Tú	Phương	Nữ	25/03/98	1096	Vẽ Mỹ thuật	08.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1722	KTS.01816	Hà Thị Hoàng	Phương	Nữ	18/07/98	847	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1723	KTS.01817	Tăng Nhật	Phương	Nữ	15/04/98	1164	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1724	KTS.01818	Tổng Thị Thu	Phương	Nữ	29/07/98	5141	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1725	KTS.01819	Nguyễn Thành	Phước		24/04/98	446	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1726	KTS.01820	Phan Tấn	Phước		16/05/98	1102	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1727	KTS.01821	Lê Trung	Phước		06/02/98	1240	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1728	KTS.01822	Nguyễn Phan Thanh	Phượng	Nữ	13/02/98	1649	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1729	KTS.01823	Trương Minh	Quan		10/01/98	5568	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1730	KTS.01824	Nguyễn Trí	Quang		20/07/98	471	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1731	KTS.01825	Nguyễn Minh	Quang		09/11/98	1180	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1732	KTS.01826	Nguyễn Đức	Quang		27/08/97	1123	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1733	KTS.01827	Lâm Hồng	Quang		21/01/98	1255	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1734	KTS.01828	Văn Nhật	Quang		29/01/98	5104	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1735	KTS.01829	Lê Nhựt	Quang		24/05/97	1381	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1736	KTS.01830	Lê Văn	Quang		28/08/98	5189	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1737	KTS.01831	Nguyễn Nhật	Quang		26/04/98	5061	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1738	KTS.01832	Nguyễn Huyền	Quang		09/09/94	1248	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1739	KTS.01833	Thái Duy	Quang		25/10/98	1616	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1740	KTS.01834	Nguyễn Minh	Quang		11/07/96	188	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1741	KTS.01835	Nguyễn Quốc	Quang		20/09/97	930	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1742	KTS.01836	Bùi Kiều	Quanh	Nữ	18/08/98	5272	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1743	KTS.01837	Nguyễn Minh	Quân		30/07/98	5012	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1744	KTS.01838	Trần Minh	Quân		10/07/98	5404	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1745	KTS.01839	Võ Tường	Quân		13/04/98	767	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1746	KTS.01840	Vũ Lê Minh	Quân		05/03/98	839	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1747	KTS.01841	Lưu Hoàng	Quân		16/12/98	1631	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1748	KTS.01842	Phan Hồng Hải	Quân		26/11/98	5375	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1749	KTS.01843	Đặng Trung	Quân		11/11/98	1705	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1750	KTS.01844	Vũ Hoàng	Quân		01/07/98	1012	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1751	KTS.01845	Nguyễn Đức Anh	Quân		16/10/98	1621	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1752	KTS.01846	Huỳnh Văn	Quân		21/01/98	1355	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1753	KTS.01847	Lê Anh	Quân		08/02/98	1202	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1754	KTS.01848	Lê Văn	Quân		10/06/97	131	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1755	KTS.01849	Quách Minh	Quân		05/10/98	1685	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1756	KTS.01850	Nguyễn Hoàng	Quân		14/10/97	140	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1757	KTS.01851	Phạm Thái	Quý		23/09/98	5136	Vẽ Mỹ thuật	09.00
1758	KTS.01852	Nguyễn Minh	Quý		26/01/98	1409	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1759	KTS.01853	Trần Trung	Quốc		02/07/98	879	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1760	KTS.01854	Phan Cảnh	Quốc		22/02/98	5057	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1761	KTS.01855	Đỗ Lê Hưng	Quốc		16/09/98	313	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1762	KTS.01856	Phạm Thạch Anh	Quốc		27/02/98	920	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1763	KTS.01857	Đỗ	Quyên	Nữ	14/12/97	5036	Vẽ Mỹ thuật	06.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1764	KTS.01858	Nguyễn Nhật Phương	Quyên	Nữ	14/01/96	831	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1765	KTS.01859	Nguyễn Hoàng Tố	Quyên	Nữ	07/11/98	137	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1766	KTS.01860	Trần Thị Tố	Quyên	Nữ	18/09/98	5340	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1767	KTS.01861	Vòng Lý Tú	Quyên	Nữ	09/10/98	5290	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1768	KTS.01862	Võ Thị Mai	Quyên	Nữ	18/01/98	1586	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1769	KTS.01863	Huỳnh Lê Bảo	Quyên	Nữ	25/01/98	5231	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1770	KTS.01864	Phạm Xuân	Quyết		24/12/98	5053	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1771	KTS.01865	Trần Đình	Quyên		02/04/96	630	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1772	KTS.01866	Đường Thái	Quyên		19/04/98	1483	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1773	KTS.01867	Lê Trọng	Quý		05/01/98	1546	Vẽ Mỹ thuật	02.00
1774	KTS.01868	Võ Đức	Quý		28/01/97	1238	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1775	KTS.01869	Phạm Thị Ngọc	Quý	Nữ	28/12/98	5493	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1776	KTS.01870	Nguyễn Văn	Quý		19/11/97	5477	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1777	KTS.01871	Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	26/07/98	1698	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1778	KTS.01872	Nguyễn Ngọc Xuân	Quỳnh	Nữ	16/02/98	1451	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1779	KTS.01873	Nguyễn Ngọc Bảo	Quỳnh	Nữ	04/09/98	23	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1780	KTS.01874	Nguyễn Ngọc Xuân	Quỳnh	Nữ	23/05/97	119	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1781	KTS.01875	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/01/98	103	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1782	KTS.01876	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	12/09/98	1184	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1783	KTS.01877	Nguyễn Thanh	Quỳnh	Nữ	04/01/98	454	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1784	KTS.01878	Đỗ Nguyễn Phương	Quỳnh	Nữ	24/12/98	1050	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1785	KTS.01879	Trần Nguyễn Mai	Quỳnh	Nữ	12/04/98	5132	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1786	KTS.01880	Hoàng Thụy Châu	Sa	Nữ	14/11/98	578	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1787	KTS.01881	Huỳnh Ngọc Tấn	Sang		12/09/98	20	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1788	KTS.01882	Nguyễn Văn	Sang		09/11/98	5004	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1789	KTS.01883	Lê Tuấn	Sang		16/01/98	5563	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1790	KTS.01884	Trần Minh	Sang		23/06/98	1074	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1791	KTS.01885	Nguyễn Minh	Sang		06/04/98	1628	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1792	KTS.01886	Trần Công	Sang		02/04/98	427	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1793	KTS.01887	Nguyễn Lệ	Sang		20/08/98	5222	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1794	KTS.01888	Hồ Nguyên	Sáng		03/08/94	815	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1795	KTS.01889	Đinh Thị Thu	Sâm	Nữ	12/10/96	1636	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1796	KTS.01892	Nguyễn Thùy	Sinh	Nữ	04/06/97	742	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1797	KTS.01893	Lê Thúy	Sinh	Nữ	02/11/98	5571	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1798	KTS.01895	Dương Huỳnh Quốc	Sĩ		15/07/98	1639	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1799	KTS.01896	Nguyễn Thành Thái	Sơn		27/04/96	5242	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1800	KTS.01897	Cao Hoàng	Sơn		05/11/98	5215	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1801	KTS.01898	Đỗ Đức	Sơn		02/01/97	1120	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1802	KTS.01899	Nguyễn Ngọc	Sơn		13/10/98	1697	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1803	KTS.01901	Đặng Vũ Thành	Sơn		11/06/98	1146	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1804	KTS.01902	Nguyễn Trường	Sơn		12/01/98	1236	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1805	KTS.01904	Lê Thị Hồng	Sương	Nữ	07/08/98	1461	Vẽ Mỹ thuật	07.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1806	KTS.01906	Lý Lam	Sương	Nữ	14/06/98	5151	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1807	KTS.01907	Trần Thị	Sương	Nữ	07/11/93	155	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1808	KTS.01908	Huỳnh Thị út	Sửu	Nữ	22/02/98	5232	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1809	KTS.01909	Đoàn Anh	Tài		29/07/98	1481	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1810	KTS.01910	Đặng Tấn Thành	Tài		20/01/93	1441	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1811	KTS.01912	Lê Anh	Tài		21/08/97	5072	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1812	KTS.01913	Cao Minh	Tạo		03/02/98	300	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1813	KTS.01914	Võ Minh	Tâm		21/10/98	568	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1814	KTS.01915	Lý Nghiệp	Tâm		08/02/98	1310	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1815	KTS.01916	Phan Thị Thanh	Tâm	Nữ	08/04/97	45	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1816	KTS.01918	Đào Ngọc Yên	Tâm	Nữ	12/01/97	475	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1817	KTS.01919	Khuru Minh	Tâm		14/01/98	1686	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1818	KTS.01920	Bùi Đức	Tâm		12/02/98	1075	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1819	KTS.01921	Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	14/06/98	5201	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1820	KTS.01922	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	17/10/98	5497	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1821	KTS.01923	Võ Thị Hào	Tâm	Nữ	15/10/98	5158	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1822	KTS.01924	Trần Thanh	Tâm		07/10/98	684	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1823	KTS.01925	Phan Bá	Tâm		21/02/98	147	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1824	KTS.01926	Nguyễn Minh	Tâm		09/11/97	5119	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1825	KTS.01927	Ngô Thanh	Tâm	Nữ	25/11/97	109	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1826	KTS.01928	Nguyễn	Tâm		06/04/98	5303	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1827	KTS.01929	Trần Minh	Tâm		28/01/98	1722	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1828	KTS.01930	Hà Đắc	Tâm		07/04/98	281	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1829	KTS.01931	Võ Nhật	Tân		06/10/98	1127	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1830	KTS.01932	Vũ Hoàng Nhật	Tân		02/05/98	1744	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1831	KTS.01933	Nguyễn Duy	Tân		15/03/98	215	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1832	KTS.01934	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tân		29/07/98	5168	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1833	KTS.01935	Nguyễn Văn	Tấn		15/08/98	1107	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1834	KTS.01936	Hồ Ngọc	Thanh		28/10/95	233	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1835	KTS.01937	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	16/06/98	726	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1836	KTS.01938	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	Nữ	04/01/98	5578	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1837	KTS.01939	Trương Trọng	Thanh		21/11/98	5522	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1838	KTS.01941	Nguyễn Trần Cao	Thanh		20/02/98	731	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1839	KTS.01942	Điền Thiên	Thanh	Nữ	13/10/98	5301	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1840	KTS.01943	Bùi Thị Mỹ	Thái	Nữ	18/05/98	5485	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1841	KTS.01944	Lâm Huỳnh	Thái		04/01/98	555	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1842	KTS.01945	Trần Duy	Thái		29/08/98	5040	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1843	KTS.01946	Trần Minh	Thành		08/03/98	582	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1844	KTS.01948	Phạm Trung	Thành		17/06/97	1506	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1845	KTS.01949	Châu Đại	Thành		17/02/98	1021	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1846	KTS.01950	Đỗ Công	Thành		10/06/98	1313	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1847	KTS.01951	Trần Trí	Thành		13/07/98	420	Vẽ Mỹ thuật	05.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1848	KTS.01952	Đỗ Tấn	Thành		04/01/98	246	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1849	KTS.01953	Nguyễn Văn	Thành		29/08/98	5464	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1850	KTS.01954	Nguyễn Ngọc	Thành		22/11/98	34	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1851	KTS.01955	Trần Ngọc Anh	Thảo	Nữ	20/11/98	442	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1852	KTS.01956	Trần Lê Phương	Thảo	Nữ	27/07/98	620	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1853	KTS.01957	Ngô Thanh	Thảo	Nữ	14/03/98	5209	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1854	KTS.01958	Ngô Thị	Thảo	Nữ	08/10/98	986	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1855	KTS.01959	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	19/07/98	184	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1856	KTS.01960	Trần Lý Như	Thảo	Nữ	08/01/98	257	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1857	KTS.01961	Nguyễn Văn	Thảo		19/01/97	5106	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1858	KTS.01962	Trần Thị Hiếu	Thảo	Nữ	17/03/98	893	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1859	KTS.01963	Phạm Phương	Thảo	Nữ	11/01/98	156	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1860	KTS.01964	Lê Hồng	Thảo	Nữ	05/11/95	297	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1861	KTS.01965	Thân Thị Thu	Thảo	Nữ	20/03/98	144	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1862	KTS.01966	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	06/02/97	5146	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1863	KTS.01967	Huỳnh Thị Phương	Thảo	Nữ	05/01/98	5187	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1864	KTS.01968	Huỳnh Lê Thạch	Thảo	Nữ	23/02/98	741	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1865	KTS.01969	Vũ Thị Hồng	Thảo	Nữ	20/03/98	113	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1866	KTS.01970	Lưu Đan Hiền	Thảo	Nữ	24/08/98	482	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1867	KTS.01971	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	25/04/98	1005	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1868	KTS.01972	Trương Thái	Thảo	Nữ	22/07/97	142	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1869	KTS.01973	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	22/06/98	985	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1870	KTS.01974	Trần Thanh	Thảo	Nữ	03/07/98	637	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1871	KTS.01975	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	25/01/98	801	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1872	KTS.01976	Trần Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	12/05/98	811	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1873	KTS.01977	Nguyễn Thị Như	Thảo	Nữ	27/05/96	1709	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1874	KTS.01978	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	23/05/97	1196	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1875	KTS.01979	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/01/98	1585	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1876	KTS.01980	Đàm Huỳnh Phương	Thảo	Nữ	13/04/98	1055	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1877	KTS.01981	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	Nữ	26/02/98	5548	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1878	KTS.01982	Lê Ngọc	Thảo	Nữ	13/03/98	1418	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1879	KTS.01983	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	20/11/98	1656	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1880	KTS.01984	Đặng Trần Phương	Thảo	Nữ	13/01/97	1192	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1881	KTS.01986	Phạm Hiếu	Thảo	Nữ	23/02/98	1227	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1882	KTS.01987	Phan Ngọc	Thạch		06/06/98	1463	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1883	KTS.01988	Lê Duy	Thạnh		27/08/98	1162	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1884	KTS.01989	Hoàng Thị	Thắm	Nữ	19/05/98	967	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1885	KTS.01990	Ngô Đức	Thắng		09/09/98	1426	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1886	KTS.01991	Nguyễn Văn	Thê		06/06/98	1412	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1887	KTS.01992	Bùi Đình	Thê		20/08/98	1758	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1888	KTS.01993	Nguyễn Ngọc	Thị	Nữ	17/03/97	1000	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1889	KTS.01994	Nguyễn Đắc	Thị		03/10/98	5101	Vẽ Mỹ thuật	06.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1890	KTS.01995	Văn Thị Phương	Thi	Nữ	16/03/97	1105	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1891	KTS.01996	Nguyễn Mai	Thy	Nữ	14/10/97	614	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1892	KTS.01997	Nguyễn Thanh	Thiên		25/10/98	1315	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1893	KTS.01998	Lê Hoàng	Thiên		16/01/98	1122	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1894	KTS.01999	Phùng Anh	Thiên		08/07/98	1198	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1895	KTS.02000	Lê Hữu	Thiên		28/02/97	933	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1896	KTS.02001	Vũ Minh	Thiên		06/12/98	1619	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1897	KTS.02002	Nguyễn	Thiên		12/03/98	1245	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1898	KTS.02003	Trần Tấn	Thiện		26/05/98	213	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1899	KTS.02004	Hồ Minh	Thiện		22/02/98	305	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1900	KTS.02005	Hoàng Công	Thiện		18/07/95	1231	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1901	KTS.02006	Nguyễn Minh	Thích		16/09/98	1366	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1902	KTS.02007	Phùng Bùi Hưng	Thịnh		15/11/95	5396	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1903	KTS.02008	Phan Đức	Thịnh		15/01/97	5326	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1904	KTS.02010	Lê Tấn	Thịnh		03/07/98	848	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1905	KTS.02011	Nguyễn Trường	Thịnh		23/01/98	1517	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1906	KTS.02012	Nguyễn Hùng	Thịnh		04/12/98	5007	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1907	KTS.02013	Nguyễn Huỳnh Đức	Thịnh		03/01/98	1287	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1908	KTS.02014	Trần Đức	Thịnh		27/11/97	5490	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1909	KTS.02015	Nguyễn Phú	Thịnh		02/12/98	158	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1910	KTS.02016	Lê Hữu	Thịnh		06/03/98	5520	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1911	KTS.02018	Lê Hoàng	Thịnh		22/06/96	1615	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1912	KTS.02019	Lê Hồng	Thoại		06/04/98	5267	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1913	KTS.02020	Phạm Nguyễn Hữu	Thọ		22/09/98	473	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1914	KTS.02021	Lê Minh	Thọ		12/03/94	381	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1915	KTS.02022	Nguyễn Tâm	Thông		01/01/96	146	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1916	KTS.02023	Trần Quốc	Thông		26/10/98	52	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1917	KTS.02024	Lê Hữu Minh	Thông		22/11/98	460	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1918	KTS.02025	Nguyễn Duy	Thông		10/02/97	5024	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1919	KTS.02026	Trần Đức	Thông		26/07/98	1438	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1920	KTS.02028	Trần Thụy Hoàng	Thơ	Nữ	21/01/98	548	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1921	KTS.02029	Nguyễn Thị Minh	Thơ	Nữ	09/11/98	444	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1922	KTS.02030	Nguyễn Ngọc Yến	Thu	Nữ	04/04/98	1158	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1923	KTS.02031	Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	30/05/98	5174	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1924	KTS.02032	Nguyễn Hoàng Yến	Thu	Nữ	04/08/98	5445	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1925	KTS.02033	Hồ Như	Thuận		19/06/98	1786	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1926	KTS.02034	Trần Đắc	Thuận		15/10/98	5334	Vẽ Mỹ thuật	03.00
1927	KTS.02035	Lê Trần Thanh	Thuận	Nữ	14/12/98	1748	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1928	KTS.02036	Nguyễn Văn	Thuận		16/05/95	1413	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1929	KTS.02037	Nguyễn Đức	Thuận		17/05/98	170	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1930	KTS.02038	Nguyễn Hiền	Thuận		04/07/98	126	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1931	KTS.02039	Lê Cao Kiều	Thuận	Nữ	21/11/98	286	Vẽ Mỹ thuật	07.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1932	KTS.02040	Nguyễn Phước	Thuận		08/05/98	692	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1933	KTS.02041	Nguyễn Đình	Thuật		23/05/97	674	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1934	KTS.02042	Vô Kim	Thuy	Nữ	31/07/97	1467	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1935	KTS.02043	Nguyễn Nhã	Thuyền	Nữ	13/07/98	68	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1936	KTS.02044	Nguyễn Đức Anh	Thuyền	Nữ	20/11/98	1360	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1937	KTS.02045	Nguyễn Hồng	Thuyền	Nữ	13/08/98	29	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1938	KTS.02046	Cao Diễm	Thúy	Nữ	21/06/98	666	Vẽ Mỹ thuật	02.50
1939	KTS.02048	Phạm Văn	Thùy		04/03/97	393	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1940	KTS.02049	Nguyễn Dương Minh	Thùy	Nữ	10/04/96	1708	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1941	KTS.02050	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	20/07/98	998	Vẽ Mỹ thuật	08.00
1942	KTS.02052	Dương Thị Mỹ	Thủy	Nữ	14/11/97	638	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1943	KTS.02054	Trần Hoàng Anh	Thư	Nữ	09/03/98	15	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1944	KTS.02055	Nguyễn Phan Anh	Thư	Nữ	08/10/96	361	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1945	KTS.02056	Nguyễn Trần Minh	Thư	Nữ	05/01/98	729	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1946	KTS.02057	Lâm Vũ Phương	Thư	Nữ	28/03/98	150	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1947	KTS.02058	Bùi Đặng Anh	Thư	Nữ	15/07/98	1532	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1948	KTS.02059	Hồ Phụng	Thư	Nữ	02/04/98	5087	Vẽ Mỹ thuật	08.50
1949	KTS.02060	Điễm Hoàng Minh	Thư	Nữ	27/11/98	5470	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1950	KTS.02061	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	20/12/98	1747	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1951	KTS.02062	Vô Kim Minh	Thư	Nữ	18/04/98	5299	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1952	KTS.02063	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	21/11/98	1700	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1953	KTS.02064	Nguyễn Đình Anh	Thư	Nữ	30/04/84	448	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1954	KTS.02065	Vũ Đoàn Anh	Thư	Nữ	11/11/98	1135	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1955	KTS.02066	Trần Anh	Thư	Nữ	13/01/98	1112	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1956	KTS.02067	Đinh Thị Anh	Thư	Nữ	04/11/97	5018	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1957	KTS.02068	Tăng Hoàng Minh	Thư	Nữ	19/03/96	1156	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1958	KTS.02069	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	15/01/97	1601	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1959	KTS.02070	Lê Trần Thương	Thương	Nữ	26/10/98	5444	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1960	KTS.02072	Nguyễn Vũ Duy	Thường		12/01/98	202	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1961	KTS.02073	Tôn Thất Trọng	Thường		16/05/98	1305	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1962	KTS.02074	Dương Nhật	Thức		07/06/97	1337	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1963	KTS.02075	Nguyễn Minh	Thy	Nữ	19/08/98	728	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1964	KTS.02076	Nguyễn Lê Phương	Thy	Nữ	31/10/98	378	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1965	KTS.02077	Lê Nguyễn Diễm	Thy	Nữ	27/11/94	5591	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1966	KTS.02078	Nguyễn Thanh	Thy	Nữ	24/07/97	1081	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1967	KTS.02079	Dương Ngọc Lê	Thy	Nữ	22/01/98	128	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1968	KTS.02080	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	10/10/98	5219	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1969	KTS.02081	Lưu Bích	Thy	Nữ	29/01/98	1004	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1970	KTS.02082	Ngô Quỳnh Thủy	Tiên	Nữ	17/07/98	5172	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1971	KTS.02083	Trần Đình	Tiên		02/01/98	788	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1972	KTS.02084	Hà Nguyên Thủy	Tiên	Nữ	03/01/98	5314	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1973	KTS.02085	Nguyễn Trần Mỹ	Tiên	Nữ	30/11/97	193	Vẽ Mỹ thuật	08.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
1974	KTS.02086	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	12/09/98	1325	Vẽ Mỹ thuật	02.00
1975	KTS.02087	Đoàn Nguyễn Nhật	Tiên	Nữ	12/01/98	934	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1976	KTS.02088	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	03/05/98	5440	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1977	KTS.02089	Phạm Thị Thủy	Tiên	Nữ	02/12/98	31	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1978	KTS.02090	Lê Kiều Giáng	Tiên	Nữ	22/01/93	1564	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1979	KTS.02091	Trần Thị Cẩm	Tiên	Nữ	25/12/98	834	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1980	KTS.02092	Nguyễn Vũ Nhật	Tiên	Nữ	02/01/98	902	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1981	KTS.02093	Nguyễn Lê Minh	Tiến		02/03/98	266	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1982	KTS.02095	Nguyễn Minh	Tiến		18/03/98	1314	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1983	KTS.02096	Nguyễn Lê	Tiến		21/02/98	1103	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1984	KTS.02097	Nguyễn Thanh	Tiến		06/07/98	1534	Vẽ Mỹ thuật	04.00
1985	KTS.02098	Hồ Danh	Tiến		25/07/98	1317	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1986	KTS.02099	Nguyễn Văn Việt	Tiến		23/06/98	5463	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1987	KTS.02100	Võ Thành	Tiến		20/07/98	5144	Vẽ Mỹ thuật	07.50
1988	KTS.02101	Trần Anh	Tiến		09/08/98	661	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1989	KTS.02102	Trần Nhật	Tiến		12/01/98	840	Vẽ Mỹ thuật	03.50
1990	KTS.02103	Vương Minh	Tiến		06/07/98	886	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1991	KTS.02104	Huỳnh Minh	Tiến		30/04/98	979	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1992	KTS.02105	Trịnh Lý Trường	Tiến		18/04/98	1187	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1993	KTS.02106	Trương Quốc	Tiến		27/10/96	1183	Vẽ Mỹ thuật	05.00
1994	KTS.02107	Phạm Nhật	Tin		08/03/98	5351	Vẽ Mỹ thuật	07.00
1995	KTS.02108	Võ Thị Mộng	Tiên	Nữ	22/03/98	1597	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1996	KTS.02109	Dương Nhơn Đức	Tín		11/11/97	1576	Vẽ Mỹ thuật	06.50
1997	KTS.02110	Mai Trung	Tín		02/05/98	5010	Vẽ Mỹ thuật	05.50
1998	KTS.02111	Nguyễn Đăng	Tín		12/08/95	5569	Vẽ Mỹ thuật	06.00
1999	KTS.02112	Trần Hoài Trung	Tín		02/10/98	1099	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2000	KTS.02113	Nguyễn Thanh	Tín		20/03/98	5210	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2001	KTS.02114	Nguyễn Trung	Tín		19/11/98	1404	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2002	KTS.02115	Đặng Anh	Tín		03/06/98	1757	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2003	KTS.02116	Nguyễn Trung	Tín		31/03/97	612	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2004	KTS.02117	Đoàn Chí	Tín		10/05/98	1420	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2005	KTS.02118	Châu	Tín		20/04/98	467	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2006	KTS.02119	Phạm Việt	Tính		20/06/95	5395	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2007	KTS.02120	Lê Thị Thúy	Tình	Nữ	13/02/98	1527	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2008	KTS.02121	Võ Thanh	Tình	Nữ	22/06/98	1182	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2009	KTS.02122	Đặng Anh	Toàn		27/03/97	593	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2010	KTS.02123	Nguyễn Hữu	Toàn		27/04/98	426	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2011	KTS.02124	Lê Công	Toàn		04/11/95	908	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2012	KTS.02125	Nguyễn Bảo	Toàn		18/04/98	1625	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2013	KTS.02126	Nguyễn Tấn	Toàn		28/05/98	1354	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2014	KTS.02127	Trương Bình	Toàn		19/01/98	916	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2015	KTS.02128	Nguyễn	Tông		06/01/97	527	Vẽ Mỹ thuật	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2016	KTS.02129	Trần Thanh	Tòng		24/05/98	449	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2017	KTS.02130	Thái Đào Bích	Tơ		10/10/98	5	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2018	KTS.02131	Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	12/05/97	61	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2019	KTS.02132	Nguyễn Như	Trang	Nữ	08/02/98	122	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2020	KTS.02133	Lê Thị Bé	Trang	Nữ	05/02/97	5358	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2021	KTS.02134	Trần Thị Mai	Trang	Nữ	02/06/98	5383	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2022	KTS.02135	Trần Thị Diễm	Trang	Nữ	07/09/95	474	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2023	KTS.02136	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	21/06/97	1624	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2024	KTS.02137	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	13/05/97	5413	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2025	KTS.02138	Nguyễn Thị Vân	Trang	Nữ	16/03/92	5277	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2026	KTS.02139	Nguyễn Quỳnh Thu	Trang	Nữ	17/10/98	1128	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2027	KTS.02140	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	16/08/98	1626	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2028	KTS.02141	Nguyễn Bá Thị	Trang	Nữ	05/01/98	326	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2029	KTS.02142	Phùng Vũ Thùy	Trang	Nữ	12/08/98	1514	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2030	KTS.02143	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	04/04/98	5462	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2031	KTS.02144	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/12/98	5417	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2032	KTS.02145	Phan Thị Kim	Trang	Nữ	31/10/97	5282	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2033	KTS.02147	Huỳnh Ngọc Thùy	Trang	Nữ	20/09/98	1501	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2034	KTS.02148	Nguyễn Đỗ Đoan	Trang	Nữ	20/10/97	1017	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2035	KTS.02149	Nguyễn Thùy Thanh	Trà	Nữ	12/06/98	1018	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2036	KTS.02150	Trịnh Thị Hương	Trà	Nữ	06/08/98	1368	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2037	KTS.02151	Trương Nguyễn Thương	Trà	Nữ	27/10/98	5387	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2038	KTS.02152	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	05/09/98	234	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2039	KTS.02153	Hoàng Thị Bích	Trâm	Nữ	21/12/98	1171	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2040	KTS.02154	Võ Trần Thanh	Trâm	Nữ	11/05/98	7	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2041	KTS.02155	Nguyễn Phương Bảo	Trâm	Nữ	19/02/98	44	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2042	KTS.02156	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	19/07/97	863	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2043	KTS.02157	Nguyễn Thanh Thảo	Trâm	Nữ	02/02/98	984	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2044	KTS.02158	Lâm Bảo	Trâm	Nữ	30/10/96	209	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2045	KTS.02159	Trần Ngọc Quý	Trâm	Nữ	31/03/98	892	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2046	KTS.02160	Ông Thị Bích	Trâm	Nữ	31/03/98	496	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2047	KTS.02161	Nguyễn Ngọc Nam	Trân	Nữ	27/01/98	1001	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2048	KTS.02162	Lê Trần Mỹ	Trân	Nữ	16/06/98	590	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2049	KTS.02163	Trần Ngọc Bảo	Trân	Nữ	12/08/96	957	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2050	KTS.02164	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	03/08/98	133	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2051	KTS.02165	Đào Thiện Mỹ	Trân	Nữ	27/08/96	1108	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2052	KTS.02166	Phan Thanh Bảo	Trân	Nữ	16/08/98	101	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2053	KTS.02167	Trần Ngọc Khánh	Trân	Nữ	16/08/98	790	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2054	KTS.02168	Bùi Thảo	Trân	Nữ	19/11/98	5304	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2055	KTS.02169	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	10/01/98	5006	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2056	KTS.02170	Phan Thị Bảo	Trân	Nữ	09/09/98	961	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2057	KTS.02171	Trần Trọng	Trâm		11/01/92	5289	Vẽ Mỹ thuật	07.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2058	KTS.02172	Trần Công	Triển		12/02/98	5366	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2059	KTS.02173	Ngô Đại	Triệu		28/05/97	1761	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2060	KTS.02174	Nguyễn Thanh Thảo	Trình	Nữ	20/02/98	530	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2061	KTS.02175	Vũ Uyên	Trình	Nữ	10/11/98	73	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2062	KTS.02176	Lê ái	Trình	Nữ	20/06/98	157	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2063	KTS.02177	Lê Thị Mỹ	Trình	Nữ	07/03/98	534	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2064	KTS.02178	Nguyễn Cao Thùy	Trình	Nữ	24/12/98	200	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2065	KTS.02179	Trần Nhật	Trình	Nữ	09/10/96	515	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2066	KTS.02180	Nguyễn Tú	Trình	Nữ	14/06/98	1584	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2067	KTS.02181	Phạm Thị Tố	Trình	Nữ	09/05/98	466	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2068	KTS.02182	Nguyễn Thị Kiều	Trình	Nữ	24/01/98	846	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2069	KTS.02183	Nguyễn Hồ Long	Triều		16/08/97	1659	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2070	KTS.02184	Bùi Anh	Trí		30/11/98	5073	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2071	KTS.02185	Nguyễn Hữu	Trí		20/02/96	1242	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2072	KTS.02186	Nguyễn Minh	Trí		09/03/98	5202	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2073	KTS.02188	Lâm Hoàng Minh	Trí		18/10/98	5309	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2074	KTS.02189	Hồ Tâm	Trí		02/04/98	1133	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2075	KTS.02190	Võ Tấn	Trình		27/05/98	1784	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2076	KTS.02191	Nguyễn Ngọc	Trọng		03/08/98	5607	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2077	KTS.02192	Phan Xuân	Trọng		21/04/98	837	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2078	KTS.02193	Lê Hoài	Trọng		29/04/97	1395	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2079	KTS.02194	Trần Văn	Trọng		18/08/98	1512	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2080	KTS.02195	Nguyễn Đức	Trọng		13/09/98	5581	Vẽ Mỹ thuật	02.00
2081	KTS.02196	Trần Mậu	Trung		07/03/98	682	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2082	KTS.02197	Mai Ngọc	Trung		01/05/96	1357	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2083	KTS.02198	Phạm Viết	Trung		23/04/98	78	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2084	KTS.02199	Lê Quang	Trung		10/01/98	851	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2085	KTS.02200	Nguyễn Thành	Trung		10/01/98	5015	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2086	KTS.02201	Huỳnh Lê Minh	Trung		09/12/97	655	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2087	KTS.02202	Nguyễn Đức	Trung		01/03/98	5095	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2088	KTS.02203	Lại Minh	Trung		04/01/98	887	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2089	KTS.02204	Nguyễn Quốc	Trung		12/10/98	1560	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2090	KTS.02205	Đặng Việt	Trung		26/03/98	27	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2091	KTS.02206	Nguyễn Thiện Thiên	Trung		15/08/98	1067	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2092	KTS.02207	Hồ Quang	Trung		16/10/98	5452	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2093	KTS.02208	Lê Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	27/11/98	529	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2094	KTS.02209	Lê Thị Thanh	Trúc	Nữ	08/01/97	639	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2095	KTS.02210	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	Nữ	26/07/98	730	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2096	KTS.02211	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24/05/98	855	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2097	KTS.02212	Võ Hoàng Phương	Trúc	Nữ	20/01/98	1789	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2098	KTS.02213	Trần Thị Thu	Trúc	Nữ	18/09/98	1057	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2099	KTS.02214	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	02/07/98	5559	Vẽ Mỹ thuật	07.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2100	KTS.02215	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	10/02/98	5335	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2101	KTS.02216	Lâm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	12/10/98	1350	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2102	KTS.02217	Trần Thủy	Trúc	Nữ	10/04/98	5186	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2103	KTS.02218	Nguyễn Văn	Trường		17/03/98	5319	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2104	KTS.02219	Hoàng Đăng	Trường		08/06/98	895	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2105	KTS.02220	Phan Thanh	Trường		18/10/98	1521	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2106	KTS.02221	Lưu Trọng	Trường		01/07/98	909	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2107	KTS.02223	Lê Văn	Trường		04/07/98	823	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2108	KTS.02224	Vương Công	Trường		09/12/98	5436	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2109	KTS.02225	Trần Đình	Trường		31/01/98	5362	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2110	KTS.02226	Nguyễn Viết	Trường		15/04/98	1379	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2111	KTS.02227	Trần Mạnh	Trực		05/09/98	1038	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2112	KTS.02228	Nguyễn Anh	Tuân		28/02/98	739	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2113	KTS.02230	Đào Lê Xuân	Tuấn		01/11/96	135	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2114	KTS.02232	Nguyễn Hoàng	Tuấn		17/10/97	1465	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2115	KTS.02233	Văn Hoàng Bảo	Tuấn		16/03/98	5112	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2116	KTS.02234	Hoàng Văn	Tuấn		28/07/98	1200	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2117	KTS.02235	Trần Anh	Tuấn		10/01/98	301	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2118	KTS.02236	Phạm Anh	Tuấn		20/03/98	970	Vẽ Mỹ thuật	02.50
2119	KTS.02237	Nguyễn Lê	Tuấn		26/08/98	1235	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2120	KTS.02238	Tô Quốc	Tuấn		09/01/97	1660	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2121	KTS.02239	Võ Ngọc Thanh	Tuấn		29/03/96	405	Vẽ Mỹ thuật	09.00
2122	KTS.02240	Trần Công	Tuấn		13/11/98	1583	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2123	KTS.02241	Lê Quang	Tuấn		25/11/98	5600	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2124	KTS.02242	Phan Đình	Tuấn		11/02/97	688	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2125	KTS.02243	Nguyễn Hoàng	Tuấn		10/03/98	1363	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2126	KTS.02244	Đặng Anh	Tuấn		14/07/93	1118	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2127	KTS.02246	Đặng Anh	Tuấn		04/11/94	241	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2128	KTS.02247	Lê Minh	Tuấn		21/08/97	1401	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2129	KTS.02249	Ngô Châu	Tuấn		17/06/98	5294	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2130	KTS.02251	Lê Trịnh Trọng	Tuệ		15/03/97	5592	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2131	KTS.02252	Lê Trung	Tuyển		13/06/98	105	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2132	KTS.02253	Kha Vũ Mạnh	Tuyệt	Nữ	08/12/98	1280	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2133	KTS.02254	Lê Thế	Tuyển		21/04/98	971	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2134	KTS.02255	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	Nữ	20/06/98	624	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2135	KTS.02256	Lê Thị Bích	Tuyển	Nữ	15/03/97	601	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2136	KTS.02257	Đỗ Khắc Ngọc	Tuyển	Nữ	15/06/98	356	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2137	KTS.02258	Trần Thị Thu	Tuyển	Nữ	25/01/98	263	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2138	KTS.02259	Lê Thanh	Tuyển	Nữ	10/09/98	1034	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2139	KTS.02260	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	Nữ	11/07/98	5363	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2140	KTS.02261	Trần Thị Bích	Tuyển	Nữ	18/01/98	1263	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2141	KTS.02262	Nguyễn Trần Khả	Tú	Nữ	25/03/98	1218	Vẽ Mỹ thuật	03.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2142	KTS.02263	Nguyễn Thiên	Tú	Nữ	05/06/97	5178	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2143	KTS.02264	Nguyễn Tuấn	Tú		20/08/98	5390	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2144	KTS.02265	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	10/01/98	5409	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2145	KTS.02266	Đinh Thị Cẩm	Tú	Nữ	31/10/98	1540	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2146	KTS.02267	Lý Hoàng	Tú		10/05/98	5181	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2147	KTS.02268	Lưu Thị Cẩm	Tú	Nữ	20/09/98	398	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2148	KTS.02269	Nguyễn Anh	Tú		18/11/98	5113	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2149	KTS.02270	Lê Thanh	Tùng		27/12/98	5261	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2150	KTS.02271	Đặng Hoàng	Tùng		05/08/96	5310	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2151	KTS.02272	Trần Thiện Vĩ	Tùng		07/04/98	1535	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2152	KTS.02273	Lê Sơn	Tùng		15/06/98	1212	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2153	KTS.02274	Đỗ Minh	Tùng		14/10/98	5356	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2154	KTS.02275	Võ Cao	Tùng		16/05/98	1326	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2155	KTS.02276	Nguyễn Thanh	Tùng		21/08/98	5505	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2156	KTS.02278	Trần Công	Tùng		05/10/98	1566	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2157	KTS.02279	Dương Thị Hồng	Tư	Nữ	25/09/98	1225	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2158	KTS.02280	Trần Vân	Tường		31/01/94	480	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2159	KTS.02281	Lưu Nghiêm	Tường		03/02/98	1629	Vẽ Mỹ thuật	02.50
2160	KTS.02282	Lâm Quang	Tường		09/07/98	54	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2161	KTS.02283	Nguyễn Thành	Tự		26/08/98	5191	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2162	KTS.02284	Phan Sỹ Nhật	Uy		28/10/97	254	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2163	KTS.02285	Trần Ngọc Minh	Uyên	Nữ	25/08/98	106	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2164	KTS.02286	Nguyễn Thị Bích	Uyên	Nữ	19/06/98	228	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2165	KTS.02287	Đỗ Thị Thảo	Uyên	Nữ	07/01/98	235	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2166	KTS.02288	Lê Thị Phương	Uyên	Nữ	21/02/96	125	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2167	KTS.02289	Lưu Lê Thu	Uyên	Nữ	19/05/98	5051	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2168	KTS.02290	Nguyễn Thị ái	Uyên	Nữ	03/08/98	5103	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2169	KTS.02291	Cao Ngọc Phương	Uyên	Nữ	06/11/98	5204	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2170	KTS.02292	Phạm Thị Uyên	Uyên	Nữ	18/08/98	5421	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2171	KTS.02293	Phạm Thị Phương	Uyên	Nữ	19/08/98	1152	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2172	KTS.02294	Trịnh Thu	Uyên	Nữ	07/06/98	989	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2173	KTS.02295	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	Nữ	23/09/98	5167	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2174	KTS.02296	Trương Thị Thanh	Uyên	Nữ	15/07/98	1338	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2175	KTS.02297	Nguyễn Thụy Dạ	Uyên	Nữ	24/06/98	1139	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2176	KTS.02298	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	04/08/98	1794	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2177	KTS.02299	Nguyễn Thị Kim	Uyên	Nữ	09/08/98	1258	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2178	KTS.02300	Hoàng Lê Ngọc	Uyên	Nữ	24/01/98	686	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2179	KTS.02301	Nguyễn Thành	Vàng		24/04/98	756	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2180	KTS.02302	Lý Thảo	Vân	Nữ	03/08/98	1578	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2181	KTS.02303	Vũ Thùy	Vân	Nữ	30/04/98	1165	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2182	KTS.02304	Phạm Thị Thu	Vân	Nữ	10/04/98	939	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2183	KTS.02305	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	15/07/96	1767	Vẽ Mỹ thuật	07.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2184	KTS.02306	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	20/03/98	904	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2185	KTS.02307	Phan Mai Hải	Vân	Nữ	21/02/98	1684	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2186	KTS.02308	Cổ Thanh	Văn	Nữ	28/06/98	1665	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2187	KTS.02309	Trần Quỳnh	Văn		30/12/97	5460	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2188	KTS.02310	Phan Hoài	Văn		10/08/98	628	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2189	KTS.02312	Trần Thị Mỹ	Vi	Nữ	15/12/98	5208	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2190	KTS.02313	Lê	Vi	Nữ	28/03/98	1003	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2191	KTS.02314	Nguyễn Quỳnh Phương	Vi	Nữ	18/08/98	93	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2192	KTS.02315	Phan Lê Thảo	Vi	Nữ	01/01/98	602	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2193	KTS.02316	Nguyễn Lê Hà	Vi	Nữ	21/08/98	231	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2194	KTS.02317	Hồ Thúy	Vi	Nữ	12/10/98	587	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2195	KTS.02318	Phạm Thúy	Vi	Nữ	22/08/98	1185	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2196	KTS.02320	Lê Ngọc	Viễn		20/02/97	946	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2197	KTS.02321	Hoàng Xuân	Viễn		05/12/98	1703	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2198	KTS.02322	Nguyễn Thái	Việt		29/04/98	5111	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2199	KTS.02323	Nguyễn Thanh	Việt	Nữ	23/05/98	5091	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2200	KTS.02324	Ngô Quốc	Việt		11/05/98	1167	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2201	KTS.02325	Nguyễn Hữu	Việt		12/10/98	5515	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2202	KTS.02326	Nguyễn Văn	Vinh		30/05/96	1756	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2203	KTS.02327	Võ Trần Quang	Vinh		28/05/98	222	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2204	KTS.02328	Nguyễn Minh	Vinh		01/02/98	1045	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2205	KTS.02329	Lê Hữu	Vinh		26/11/96	1351	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2206	KTS.02330	Phạm Phú	Vinh		26/01/98	905	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2207	KTS.02331	Dương Thế	Vinh		26/07/98	5281	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2208	KTS.02332	Lê Quang	Vinh		23/09/98	376	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2209	KTS.02333	Nguyễn Thành	Vinh		26/02/98	489	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2210	KTS.02334	Nguyễn Quốc	Vinh		18/07/98	1464	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2211	KTS.02335	Huỳnh Nghiệp	Vĩ		28/12/98	536	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2212	KTS.02336	Nguyễn Chí	Vĩnh		29/08/98	671	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2213	KTS.02337	Thạch Nữ Y	Von	Nữ	19/05/98	799	Vẽ Mỹ thuật	02.50
2214	KTS.02338	Nguyễn Anh	Võ		24/01/98	636	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2215	KTS.02339	Nguyễn Tấn	Vọng		03/03/98	5453	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2216	KTS.02340	Phạm Hoàng	Vũ		20/12/98	1291	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2217	KTS.02341	Nguyễn Võ Hoàng	Vũ		07/01/98	858	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2218	KTS.02342	Nguyễn Thái Hoàng	Vũ		11/12/94	1652	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2219	KTS.02343	Nguyễn Tuấn	Vũ		16/08/98	5069	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2220	KTS.02344	Nguyễn Đức	Vũ		19/03/98	808	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2221	KTS.02346	Phạm	Vũ		11/08/96	5269	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2222	KTS.02347	Nguyễn Xuân	Vũ		01/02/98	5408	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2223	KTS.02348	Đoàn Quốc	Vương		08/01/98	402	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2224	KTS.02349	Lê Thị Anh	Vy	Nữ	01/06/98	5077	Vẽ Mỹ thuật	09.00
2225	KTS.02350	Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	20/09/98	191	Vẽ Mỹ thuật	05.00

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2226	KTS.02351	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	Nữ	07/01/98	458	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2227	KTS.02352	Nguyễn Thái	Vy	Nữ	08/11/98	410	Vẽ Mỹ thuật	08.00
2228	KTS.02353	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	19/10/98	388	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2229	KTS.02354	Nguyễn Ngô Quỳnh	Vy	Nữ	14/12/98	595	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2230	KTS.02355	Thái Thị Thảo	Vy	Nữ	20/02/94	90	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2231	KTS.02356	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	13/08/98	63	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2232	KTS.02357	Ngô Thị Tường	Vy	Nữ	09/06/98	438	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2233	KTS.02358	Võ Phạm Thảo	Vy	Nữ	22/07/98	5179	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2234	KTS.02359	Châu Thạch	Vy	Nữ	02/08/98	5059	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2235	KTS.02360	Diệp Hồng	Vy	Nữ	06/03/98	656	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2236	KTS.02361	Nguyễn Hiền	Vy	Nữ	01/09/98	557	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2237	KTS.02362	Nguyễn Hoàng Lan	Vy	Nữ	07/01/98	457	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2238	KTS.02363	Lê Hoàng	Vy	Nữ	04/12/97	616	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2239	KTS.02364	Nguyễn Trúc Thảo	Vy	Nữ	16/03/98	435	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2240	KTS.02365	Phan Ngọc Thanh	Vy	Nữ	04/12/98	487	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2241	KTS.02366	Trần Nguyễn Khánh Phương	Vy	Nữ	03/12/98	264	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2242	KTS.02367	Trần Ngô Diệu	Vy	Nữ	22/03/98	5316	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2243	KTS.02368	Trần Võ Hạ	Vy	Nữ	15/10/98	1442	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2244	KTS.02369	Trương ái	Vy	Nữ	31/01/98	1024	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2245	KTS.02370	Trần Thị Hạnh	Vy	Nữ	29/11/98	1522	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2246	KTS.02371	Phan Trần Nhật	Vy	Nữ	01/06/98	1134	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2247	KTS.02372	Bùi Khánh	Vy	Nữ	11/07/98	1335	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2248	KTS.02373	Lưu Huỳnh Tường	Vy	Nữ	06/03/97	929	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2249	KTS.02375	Trịnh Thị Thúy	Vy	Nữ	03/10/98	1766	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2250	KTS.02376	Huỳnh Ngọc Thúy	Vy	Nữ	20/09/97	1646	Vẽ Mỹ thuật	03.50
2251	KTS.02377	Phan Nguyễn Thụy	Vy	Nữ	12/12/97	1637	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2252	KTS.02378	Trương Khánh	Vy	Nữ	12/10/98	5225	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2253	KTS.02379	Huỳnh Võ Lan	Vy	Nữ	29/07/98	5238	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2254	KTS.02380	Đoàn Thùy	Vy	Nữ	12/02/95	1543	Vẽ Mỹ thuật	08.50
2255	KTS.02381	Đinh Thị Tường	Vy	Nữ	31/03/98	806	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2256	KTS.02382	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	25/01/97	1611	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2257	KTS.02383	Ngô Anh	Vy	Nữ	12/05/97	1425	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2258	KTS.02384	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	17/07/98	1704	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2259	KTS.02385	Trần Kim Thúy	Vy	Nữ	17/02/98	1371	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2260	KTS.02386	Đặng Anh Tường	Vy	Nữ	08/12/98	1059	Vẽ Mỹ thuật	07.00
2261	KTS.02387	Nguyễn Ngọc	Xuân		17/09/98	5154	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2262	KTS.02388	Thập Nữ Hương	Xuân	Nữ	18/01/98	100	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2263	KTS.02389	Hồ Thị Ngọc	Xuân	Nữ	27/03/98	5258	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2264	KTS.02390	Bùi Thị ái	Xuân	Nữ	30/03/97	99	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2265	KTS.02391	Lê Thị Ngọc	Xuân	Nữ	02/09/98	5047	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2266	KTS.02392	Mai Thanh	Xuân	Nữ	19/09/95	1738	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2267	KTS.02393	Lâm Hải	Yên	Nữ	12/07/96	273	Vẽ Mỹ thuật	03.50

STT	Số Báo Danh	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Môn thi	Điểm
2268	KTS.02394	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	07/01/97	882	Vẽ Mỹ thuật	06.00
2269	KTS.02396	Anh Mỹ	Yến	Nữ	12/01/98	374	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2270	KTS.02397	Lý Phôi	Yến	Nữ	28/08/96	336	Vẽ Mỹ thuật	03.00
2271	KTS.02398	Đỗ Thị Hải	Yến	Nữ	20/03/98	1389	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2272	KTS.02399	Nguyễn Thị Hồng	Yến	Nữ	05/05/98	5298	Vẽ Mỹ thuật	07.50
2273	KTS.02400	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	19/06/98	1400	Vẽ Mỹ thuật	04.00
2274	KTS.02401	Tất Thị Kim	Yến	Nữ	11/10/98	1175	Vẽ Mỹ thuật	06.50
2275	KTS.02402	Nguyễn Thị Như	ý	Nữ	02/02/98	525	Vẽ Mỹ thuật	05.00
2276	KTS.02403	Nguyễn Trần Như	ý	Nữ	04/04/97	1267	Vẽ Mỹ thuật	05.50
2277	KTS.02404	Nguyễn Trần Như	ý	Nữ	11/09/98	71	Vẽ Mỹ thuật	06.00